



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN CỦA BỘ NỘI VỤ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 17/2026
Từ 04/5 - 08/5/2026

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

NGHỊ QUYẾT PHIÊN HỌP CHÍNH PHỦ THƯỜNG KỲ THÁNG 4 NĂM 2026

Chính phủ ban hành Nghị quyết số 122/NQ-CP phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4 năm 2026.



Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng chủ trì phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4/2026

Nghị quyết nêu rõ, thời gian tới, dự báo tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp, khó lường; căng thẳng địa chính trị, chiến tranh xung đột quân sự, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gay gắt, kéo dài; tăng trưởng toàn cầu phục hồi chậm; thị trường tài chính, tiền tệ tiếp tục biến động, tiềm ẩn rủi ro... Ở trong nước, khó khăn, thuận lợi đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, tạo áp lực lên công tác chỉ đạo điều hành và việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của nước ta.

Để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của năm 2026, phấn đấu tốc độ tăng trưởng GDP cả năm đạt từ 10% trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố phát huy tinh thần trách nhiệm, quyết tâm cao độ, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, tập trung chỉ đạo, điều hành chủ động, linh hoạt, đồng bộ, kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra.

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG
*

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY
*

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

Khẩn trương xây dựng văn bản quy định chi tiết 14 luật, nghị quyết

Trong đó, chủ động rà soát, tổ chức triển khai quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ theo Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương, các Nghị quyết của Quốc hội về các kế hoạch 05 năm về phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2026 - 2030, Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ, nhất là 44 nhiệm vụ có thời hạn hoàn thành trong quý II năm 2026; cụ thể hóa thành các nhóm nhiệm vụ tại chương trình, kế hoạch hành động của bộ, cơ quan, địa phương, phân công rõ tổ chức, cá nhân chủ trì, phối hợp thực hiện với thời hạn hoàn thành cụ thể, làm cơ sở để giám sát, kiểm tra việc thực hiện và đánh giá cán bộ theo quy định; định kỳ hằng tháng báo cáo tình hình, tiến độ triển khai từng nhiệm vụ, gửi Bộ Tài chính trước ngày 25 để tổng hợp. Trong quá trình xây dựng đề án và chính sách, phải đánh giá đầy đủ về nguồn lực thực hiện, phù hợp với Kế hoạch tài chính 5 năm để đảm bảo khả thi và an ninh, an toàn tài chính quốc gia.

Chủ động xây dựng Kế hoạch triển khai thi hành 14 luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XVI thông qua tại Kỳ họp thứ nhất và khẩn trương xây dựng văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết này, bảo đảm chất lượng, tiến độ, có hiệu lực đồng thời với hiệu lực của luật, nghị quyết. Đẩy nhanh tiến độ soạn thảo, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết của Quốc hội đã có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2026 trở về trước và các văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết có hiệu lực từ ngày 01/7/2026.

Tập trung rà soát hệ thống pháp luật chuyên ngành liên quan đến các nội dung đã được phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền để kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/3/2027 theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội. Khẩn trương xây dựng, trình Chính phủ ban hành nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các bộ, cơ quan ngang bộ; rà soát, sửa đổi quy chế làm việc phù hợp với Quy chế làm việc của Chính phủ và quy định pháp luật.

Tập trung nguồn lực để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 36/CĐ-TTg ngày 25/4/2026 về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh, nghị quyết; tập trung xây dựng, hoàn thiện hồ sơ chính sách, hồ sơ dự án luật trình Chính phủ trong tháng 5 năm 2026 để trình Quốc hội khóa XVI tại Kỳ họp thứ 2, bảo đảm chất lượng, thời hạn trình tại Quyết định số 2352/QĐ-TTg ngày 24/10/2025 và Quyết định số 701/QĐ-TTg ngày 20/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó lưu ý rà soát kỹ nội dung giao quy định chi tiết và dự kiến hợp lý thời điểm có hiệu lực của luật, nghị quyết; khi trình dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết, phải trình kèm theo dự thảo nghị định, quyết định, thông tư quy định chi tiết để bảo đảm tính khả thi trong xây dựng, ban hành văn

bản quy định chi tiết; giao Văn phòng Chính phủ đưa nội dung này vào Quy chế làm việc của Chính phủ.

Tập trung nguồn lực để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo đúng kế hoạch, hướng dẫn của Ban Chỉ đạo tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật do đồng chí Chủ tịch Quốc hội làm Trưởng Ban, Công điện số 32/CD-TTg ngày 19/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm của bộ, cơ quan, địa phương mình.

Kịp thời tham mưu giải pháp điều hành, phản ứng chính sách nhanh, phù hợp, tuyệt đối không chủ quan, bị động, bất ngờ

Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình thế giới và khu vực, nhất là thay đổi chính sách của các nền kinh tế lớn, kịp thời tham mưu giải pháp điều hành, phản ứng chính sách nhanh, phù hợp, tuyệt đối không chủ quan, bị động, bất ngờ. Chuẩn bị kịch bản trong tình huống xung đột Mỹ/Israel - Iran tiếp tục kéo dài. Điều hành chủ động, linh hoạt, hiệu quả các công cụ chính sách tiền tệ, phối hợp với chính sách tài khóa và các chính sách khác để kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm ổn định thị trường tiền tệ và an toàn hoạt động hệ thống ngân hàng.

Về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, đối với đầu tư công, thực hiện nghiêm Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 23/4/2026 và Thông báo số 213/TB-VPCP ngày 25/4/2026 của Văn phòng Chính phủ. Khẩn trương hoàn thiện danh mục, phương án phân bổ vốn giai đoạn 2026 - 2030, gửi Bộ Tài chính trước ngày 15/5/2026 để tổng hợp, báo cáo cấp thẩm quyền; đẩy nhanh phân bổ, giải ngân kế hoạch vốn được giao, bảo đảm giải ngân 100% kế hoạch vốn năm 2026 được Thủ tướng Chính phủ giao. Quán triệt nguyên tắc hạch toán hiệu quả kinh tế - xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án phải thực hiện xuyên suốt trong quá trình từ xây dựng nhu cầu, phân bổ vốn đến tổ chức thực hiện, quản lý sử dụng vốn đầu tư công và vận hành, khai thác dự án sau khi hoàn thành đầu tư.

Theo dõi sát diễn biến xuất nhập khẩu, tình hình nhập siêu, tăng trưởng xuất khẩu của các doanh nghiệp trong nước, kịp thời có giải pháp hỗ trợ. Thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với mở rộng thị trường tiêu thụ, nhất là nông sản theo mùa vụ. Tổ chức sản xuất, điều hành cung ứng năng lượng chủ động, linh hoạt; sử dụng điện, nhiên liệu tiết kiệm, hiệu quả; tuyệt đối không để thiếu điện, xăng dầu trong mọi tình huống.

Tập trung phát triển, hiện đại hóa một số ngành công nghiệp nền tảng, quan trọng; phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và khả năng tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tổ chức vận hành đồng bộ, phát huy hiệu quả Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam gắn với thu hút dòng vốn đầu tư chất lượng cao.

Khẩn trương thực hiện đầy đủ, đồng bộ các giải pháp tại Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 05/4/2026 của Chính phủ về thúc đẩy phát triển thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng, đẩy mạnh Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” để tiêu dùng trong nước đóng góp nhiều hơn vào tăng trưởng GDP.

Khẩn trương cụ thể hóa các điều ước quốc tế, thỏa thuận của Lãnh đạo cấp cao thành các chương trình, dự án hợp tác cụ thể gắn với thu hút FDI; tận dụng tối đa các hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký kết, đẩy mạnh đàm phán, ký kết các FTA mới theo kế hoạch, mở rộng, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, chuỗi cung ứng, hỗ trợ xuất khẩu bền vững.

Khẩn trương hoàn thành việc sắp xếp tổ dân phố, thôn, bản và các đơn vị sự nghiệp công lập

Triển khai hiệu quả các kết luận, chỉ đạo của Đảng, Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 08/4/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 210-KL/TW về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền cấp xã. Căn cứ vào các kiến nghị mà đoàn kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã chỉ ra, các bộ, ngành khẩn trương giải quyết trước khi họp sơ kết 01 năm chính quyền 3 cấp. Tổ chức sơ kết, đánh giá 01 năm thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; khẩn trương hoàn thành việc sắp xếp tổ dân phố, thôn, bản và các đơn vị sự nghiệp công lập theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương.

Tập trung triển khai hiệu quả Nghị quyết số 29/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù để xử lý vi phạm pháp luật về đất đai của tổ chức, cá nhân xảy ra trước khi Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài. Xử lý triệt để tài sản công là nhà, đất dôi dư, không sử dụng; thời hạn hoàn thành trong quý II năm 2026.

Triển khai hiệu quả các Nghị quyết về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư, kinh doanh; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các địa phương thực hiện. Trong quý III năm 2026, hoàn thành cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của năm 2026 so với năm 2024 (ở trung ương và địa phương), phấn đấu tiếp tục cắt giảm tối thiểu 30% các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, 100% các điều kiện kinh doanh không cần thiết.

Tập trung triển khai quyết liệt các giải pháp kiểm soát, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nhất là ô nhiễm không khí tại các đô thị lớn

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách phát triển văn hóa, bảo đảm an sinh xã hội và chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Đẩy mạnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, trọng tâm là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng “2 con số”. Tập trung triển khai quyết liệt các giải pháp kiểm soát, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nhất là ô nhiễm không khí tại các đô thị lớn; chủ động phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, hạn hán, xâm nhập mặn; tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường.

Củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo đảm vững chắc độc lập, chủ quyền, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, tiếp

công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; giải quyết dứt điểm các vụ khiếu kiện phức tạp, kéo dài. Tổ chức tốt các hoạt động đối ngoại; hội nhập quốc tế thực chất, hiệu quả. Tăng cường công tác thông tin, truyền thông chính sách; chủ động, kịp thời định hướng dư luận; kiên quyết đấu tranh, phản bác quan điểm sai trái, thù địch, thông tin giả, thông tin xấu độc, các luận điệu xuyên tạc.

Nguồn: baohinhphu.vn

TÍCH CỰC LẤY Ý KIẾN PHẢN ÁNH BẤT CẬP TỪ THỰC TIỄN THI HÀNH PHÁP LUẬT

Phát biểu tại cuộc họp của Thường trực Ban Chỉ đạo tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, chiều ngày 07/5/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các hiệp hội, tổ chức nghề nghiệp, cộng đồng doanh nghiệp và các chuyên gia tích cực tham gia góp ý, phản ánh những bất cập từ thực tiễn thi hành pháp luật.

Hoàn thành nhiều công việc vừa tổng thể, vừa cụ thể

Báo cáo về các nhiệm vụ hoàn thành, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hoàng Thanh Tùng cho biết, các văn bản về kế hoạch, tổ chức, hoạt động của Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo đã được ban hành. Ban Chỉ đạo cũng đã tổ chức thành công Phiên họp thứ nhất.

Trên cơ sở tham mưu của Bộ Tư pháp, Ủy ban Pháp luật và Tư pháp, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các văn bản quán triệt, chủ trì cuộc họp để triển khai nhiệm vụ tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Đồng thời, Ban Chỉ đạo, các bộ, ngành đã ban hành 1 văn bản hướng dẫn chung việc tổ chức thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn nội dung thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng về các vấn đề liên quan đến ngành, lĩnh vực phụ trách.

Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo đã tổ chức Hội nghị tập huấn, triển khai nhiệm vụ tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo hình thức trực tiếp và trực tuyến cho các bộ, ngành, cơ quan trung ương, địa phương; thiết lập, vận hành hệ thống thông tin, báo cáo trực tuyến hỗ trợ, phục vụ tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng, chia sẻ Danh mục các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Tuy nhiên, Bộ Tư pháp cũng cho hay còn một số nhiệm vụ quá hạn, chưa hoàn thành như: Chưa ban hành Kế hoạch thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tại các cơ quan ở Trung ương, địa phương; chưa hoàn thành văn bản hướng dẫn về kinh phí bảo đảm thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; triển khai hướng dẫn, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật còn chậm,...

Bộ, ngành, địa phương cần quan tâm đúng mức hơn

Phát biểu tại cuộc làm việc, Phó Thủ tướng Chính phủ Chính phủ Lê Tiến Châu nhấn mạnh, việc thực hiện đợt tổng rà soát toàn bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật lần này là nhằm cụ thể hóa Kết luận số 09-KL/TW của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Đây là một Kết luận hết sức quan trọng cùng với Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Do đó, nhiệm vụ này không đơn thuần là của riêng khối các cơ quan tư pháp hay các cơ quan chuyên môn, mà là công việc đòi hỏi cả hệ thống chính trị phải cùng quyết liệt vào cuộc.

Cơ bản thống nhất với nội dung Báo cáo, tuy nhiên, Phó Thủ tướng Chính phủ Chính phủ Lê Tiến Châu đặc biệt lưu ý, đến nay vẫn còn bộ, ngành, địa phương chậm xây dựng kế hoạch, chậm thành lập Tổ công tác, chậm bố trí lực lượng thực hiện.

“Điều này phản ánh sự quan tâm chưa đúng mức. Các bộ, ngành, địa phương phải đặt tổng rà soát vào vị trí của một nhiệm vụ chính trị quan trọng, cấp thiết”, Phó Thủ tướng Chính phủ Chính phủ Lê Tiến Châu khẳng định và yêu cầu các bộ trưởng, thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm toàn diện về chất lượng, tiến độ cũng như kết quả của đợt tổng rà soát lần này.

Về tiến độ, Phó Thủ tướng Chính phủ Chính phủ Lê Tiến Châu yêu cầu các bộ, cơ quan chưa ban hành kế hoạch tổng rà soát, chưa thành lập Tổ công tác thì phải hoàn thành ngay sau cuộc họp hôm nay. Kế hoạch phải xác định rõ phạm vi rà soát, đầu mối chịu trách nhiệm, thời hạn từng việc, sản phẩm đầu ra và cơ chế kiểm tra nội bộ.

Bên cạnh đó, tổ công tác phải do lãnh đạo bộ, ngành, địa phương trực tiếp phụ trách; không giao khoán cho vụ pháp chế, sở tư pháp hoặc một nhóm cán bộ chuyên môn thực hiện một cách đơn lẻ. Thành phần Tổ công tác phải có cán bộ am hiểu pháp luật, cán bộ trực tiếp tổ chức thực thi, đại diện các đơn vị chuyên môn. Đồng thời, có cơ chế huy động chuyên gia, hiệp hội, doanh nghiệp, người dân và các đối tượng chịu tác động trực tiếp của văn bản.

Ngoài ra, Phó Thủ tướng cho rằng không được để kinh phí, công nghệ, dữ liệu trở thành điểm nghẽn của công tác tổng rà soát.

Thiếu phân tích từ thực tiễn thi hành là không đạt yêu cầu

Liên quan đến chất lượng rà soát, Phó Thủ tướng Lê Tiến Châu đề nghị thống nhất nguyên tắc: Kết quả rà soát phải bảo đảm rõ văn bản; rõ điều khoản; rõ nội dung vướng mắc; rõ căn cứ pháp lý và căn cứ thực tiễn; rõ phương án xử lý; rõ cơ quan chịu trách nhiệm; rõ thời hạn hoàn thành.

Những báo cáo chỉ nêu chung chung, không có phân tích từ thực tiễn thi hành, không có ý kiến của đối tượng chịu tác động, không chỉ ra điều khoản cụ thể, thì không được coi là đạt yêu cầu. Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo cần có cơ chế trả lại, yêu cầu làm lại đối với các báo cáo hình thức, chất lượng thấp.

Bộ Tư pháp cần thành lập các nhóm chuyên môn theo lĩnh vực để thẩm định, đánh giá độc lập kết quả rà soát của các bộ, ngành, địa phương; có cơ chế phản biện, thẩm định chéo; không để mỗi cơ quan tự rà soát, tự kết luận, tự đánh giá là đạt.

Nguồn: baochinhpvu.vn

PHÓ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHẠM THỊ THANH TRÀ NÊU 3 PHƯƠNG ÁN CHO CÁN BỘ KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ KHI CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 31/5/2026

Sáng ngày 05/5/2026, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà cùng Tổ đại biểu Quốc hội số 01 tỉnh Lào Cai tiếp xúc cử tri sau Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI.

Tại hội nghị, cử tri đã nghe báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý I/2026 của đất nước và địa phương, kết quả Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI và hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh. Cử tri bày tỏ phần khởi, tin tưởng trước thành công của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, cũng như kết quả kỳ họp đầu tiên của Quốc hội khóa mới. Việc kiện toàn bộ máy lãnh đạo với những nhân sự tiêu biểu về năng lực, trí tuệ và bản lĩnh đã củng cố niềm tin của nhân dân.

Cử tri cũng đánh giá cao kết quả phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh nhiều khó khăn, đặc biệt là việc điều hành giá xăng dầu góp phần ổn định sản xuất, đời sống. Tuy nhiên, từ thực tiễn cơ sở, cử tri phản ánh một số vướng mắc trong tổ chức bộ máy, thực thi chính sách và kiến nghị Trung ương sớm hoàn thiện hành lang pháp lý phù hợp.

Đáng chú ý, các kiến nghị liên quan đến công tác cán bộ, nhất là định mức biên chế và vị trí việc làm chưa đồng bộ, gây khó khăn trong quản lý, sử dụng nhân lực. Cử tri đề nghị sớm ban hành quy định cụ thể gắn với quy mô dân số, diện tích, đặc thù địa phương; đồng thời hoàn thiện danh mục vị trí việc làm, mô tả công việc và khung năng lực thống nhất.

Về chế độ đãi ngộ, cử tri cho rằng mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo cấp xã còn thấp, chưa tương xứng với khối lượng công việc, ảnh hưởng đến động lực làm việc. Cử tri kiến nghị điều chỉnh theo hướng phù hợp hơn với phân loại đơn vị hành chính, đồng thời đẩy nhanh cải cách tiền lương và có cơ chế hỗ trợ đối với cán bộ kiêm nhiệm.

Trong lĩnh vực an toàn thực phẩm, cử tri đề nghị sớm hoàn thiện hệ thống văn bản, đồng thời tăng cường hỗ trợ kỹ thuật để doanh nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn.

Cử tri cũng kiến nghị sửa đổi quy định xử phạt trong lĩnh vực lâm nghiệp; đẩy nhanh ban hành văn bản hướng dẫn và bảo đảm nguồn lực cho các chương trình mục tiêu quốc gia. Bên cạnh đó, nhiều ý kiến phản ánh vướng mắc trong thực hiện Nghị định 32/2024/NĐ-CP về

cụm công nghiệp do quy định cứng về tỷ lệ lấp đầy và quỹ đất, gây khó khăn cho các địa phương như Lào Cai trong thu hút đầu tư.

Phát biểu tại Hội nghị, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà ghi nhận, đánh giá cao những nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Lào Cai, đặc biệt là việc tổ chức thành công cuộc bầu cử với tỉ lệ cử tri đi bầu đạt 99,998%, thuộc nhóm cao nhất cả nước.

Quyết liệt tháo “điểm nghẽn” thủ tục hành chính

Thông tin về tình hình chung, Phó Thủ tướng Chính phủ cho biết năm 2026 mở đầu trong bối cảnh thế giới diễn biến phức tạp, nhiều rủi ro từ xung đột địa chính trị và biến động năng lượng. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn đạt nhiều kết quả tích cực: bộ máy được kiện toàn nhanh, các nghị quyết của Đảng được triển khai đồng bộ, công tác điều hành của Chính phủ quyết liệt, linh hoạt.

Chính phủ đã tập trung tháo gỡ vướng mắc cho các dự án tồn đọng, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm hàng trăm điều kiện kinh doanh và tăng cường phân cấp, phân quyền.

“Chỉ trong chưa đầy ba tuần sau khi kiện toàn, Chính phủ đã ban hành 8 nghị quyết chuyên đề nhằm cắt giảm, đơn giản hóa và phân cấp mạnh mẽ thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh – với quy mô lớn nhất từ trước đến nay. Tuy nhiên, đây mới chỉ là bước đầu, thời gian tới sẽ tiếp tục đẩy mạnh cắt giảm, nhất là đối với các thủ tục kinh doanh có điều kiện, nhằm tháo gỡ các rào cản đang là điểm nghẽn đối với phát triển và gây chậm trễ cho người dân, doanh nghiệp”, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà thông tin.

Theo Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà, đã có 890 điều kiện kinh doanh được bãi bỏ; đồng thời phân cấp 134 nội dung, nhiệm vụ cho địa phương.

Cùng với đó, Chính phủ điều hành linh hoạt giá xăng dầu, sử dụng hiệu quả công cụ tài khóa, thúc đẩy đầu tư công, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao vị thế đối ngoại. Tuy nhiên, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà cũng thẳng thắn chỉ ra các thách thức như áp lực tăng trưởng cao, nguy cơ lạm phát, giải ngân đầu tư công chậm, chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế và yêu cầu đổi mới quản trị địa phương theo hướng kiến tạo phát triển...

Cải cách tiền lương: Điều chỉnh theo lộ trình, bảo đảm cân đối ngân sách

Trao đổi cụ thể về kiến nghị của cử tri, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà cho biết đây là những kiến nghị vô cùng xác đáng vì mục tiêu phát triển chung.

Liên quan đến biên chế và vị trí việc làm cấp xã, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà cho biết Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Nội vụ bám sát các tiêu chí về phân loại đơn vị hành chính, quy mô dân số, diện tích, quy mô kinh tế... để báo cáo Ban Tổ chức Trung ương, trình Bộ Chính trị xem xét, cho chủ trương, bảo đảm nguyên tắc quản lý biên chế thống nhất, đồng bộ trong toàn hệ thống chính trị.

Hiện Ban Tổ chức Trung ương đang tập trung hoàn thiện các tiêu chí, trong đó có tính đến đầy đủ các yếu tố nêu trên, làm căn cứ giao biên chế cho các địa phương. Trên cơ sở đó, các địa phương có điều kiện để thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng và cơ cấu lại đội

ngũ cán bộ, nâng cao chất lượng, nhất là ở cấp xã. Dự kiến, trong thời gian tới, Ban Tổ chức Trung ương sẽ trình cấp có thẩm quyền để quyết định số lượng biên chế cho các địa phương.

Đối với vị trí việc làm, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về vị trí việc làm công chức. Theo đó, có 45 vị trí việc làm ở cấp xã, gồm 8 chức danh lãnh đạo, 3 vị trí hỗ trợ, phục vụ và các vị trí chuyên môn, nghiệp vụ.

Theo chỉ đạo triển khai Nghị định số 361/2025/NĐ-CP, cách tiếp cận hiện nay đã linh hoạt hơn. Các bộ, ngành không còn ban hành hướng dẫn chi tiết về xây dựng vị trí việc làm như trước. Thực tiễn giai đoạn vừa qua cho thấy việc hướng dẫn riêng lẻ dẫn đến thiếu đồng bộ, mỗi nơi một cách làm, khó bảo đảm tính thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

Vì vậy, theo Nghị định số 361/2025/NĐ-CP, việc xác định vị trí việc làm được thực hiện trên cơ sở khung quy định chung của Chính phủ, đồng thời phân cấp cho địa phương chủ động xây dựng, mô tả vị trí việc làm phù hợp với thực tiễn, qua đó sử dụng biên chế hiệu quả hơn.

Về cơ chế, chính sách, đối với kiến nghị về phụ cấp cán bộ cấp xã, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà cho biết việc xây dựng chính sách đã được cân nhắc trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được tăng cường của cấp xã. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy vẫn còn những bất cập chưa thật sự hợp lý, cần được tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh trong tổng thể chung, thay vì điều chỉnh ngay, do còn liên quan đến cân đối nguồn lực và tương quan trong hệ thống chính sách.

Trước mắt, Chính phủ sẽ tập trung điều chỉnh lương cơ sở từ ngày 01/7/2026 cho cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và các đối tượng chính sách an sinh xã hội, bảo trợ xã hội, người có công, hưu trí, hưu trí xã hội, với mức tăng 8%. Đồng thời, Bộ Nội vụ được giao nghiên cứu, hoàn thiện chính sách tiền lương, báo cáo Bộ Chính trị trong tháng 6, theo hướng cải cách tổng thể, mở rộng quan hệ tiền lương. Trên cơ sở đó, sẽ xem xét điều chỉnh các khoản phụ cấp, trong đó có phụ cấp công vụ, đặc biệt đối với cấp xã.

Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà cũng nhấn mạnh, cải cách tiền lương là vấn đề lớn, vừa là nguồn lực, vừa là động lực phát triển, song phải bảo đảm tương quan chung và khả năng cân đối ngân sách nhà nước. Vì vậy, việc điều chỉnh cần thực hiện theo lộ trình thận trọng, từng bước, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng dần kỳ vọng trong thực tiễn.

Đối với phụ cấp chức danh kiêm nhiệm ở cấp xã, đây là kiến nghị xác đáng. Tuy nhiên, do vừa hoàn thành sắp xếp đơn vị hành chính và triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp, nhiều vấn đề vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, nên nội dung này cần tiếp tục được nghiên cứu trong tổng thể chính sách chung. Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà đề nghị cử tri chia sẻ để có lộ trình xem xét, xử lý phù hợp.

Đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã, theo Kết luận 210-KL/TW của Bộ Chính trị, lực lượng này sẽ chấm dứt hoạt động từ ngày 31/5/2026. Tuy nhiên, Chính phủ đã bổ sung quy định trong nghị định về tuyển dụng công chức theo Luật Cán bộ, công chức, cho phép cán bộ không chuyên trách cấp xã nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện được tuyển dụng thẳng vào công chức cấp xã, không phải qua thi tuyển.

Sau khi thực hiện sắp xếp chính quyền địa phương hai cấp, số lượng cán bộ không chuyên trách cấp xã đã giảm đáng kể. Trước đây, cả nước có khoảng 100.000 - 120.000 người, nhưng một bộ phận đã được tuyển dụng thẳng vào công chức cấp xã, một số nghỉ theo chính sách. Đến nay, còn khoảng gần 60.000 người, tương đương khoảng một nửa so với trước. Đối với số còn lại này, Chính phủ định hướng theo ba phương án: Thứ nhất, nơi nào còn biên chế và cán bộ đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện thì thực hiện tuyển dụng thẳng vào công chức cấp xã.

Thứ hai, trường hợp được cấp ủy, chính quyền địa phương và cán bộ, nhân dân đồng thuận, có thể bố trí đảm nhiệm các chức danh không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Thứ ba, tiếp tục giải quyết theo chính sách hiện hành để bảo đảm đến 31/5/2026 xử lý dứt điểm.

Nguồn: baohinhphu.vn

HOÀN THÀNH CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ ĐẤT ĐAI TRONG NĂM 2026

Ngày 06/5/2026, tại trụ sở Chính phủ, Phó Thủ tướng Hồ Quốc Dũng chủ trì cuộc họp về tình hình thực hiện Chỉ thị 05/CT-TTg ngày 13/2/2026 của Thủ tướng Chính phủ về tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ đo đạc bản đồ địa chính; đăng ký đất đai; lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

Khối lượng công việc cần triển khai rất lớn

Thời gian qua, các bộ ngành địa phương đã triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Nghị quyết số 214/NQ-CP của Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện; đặc biệt Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân: “Phấn đấu đến hết năm 2026 hoàn thiện việc đo đạc, thống kê, số hoá, làm sạch hệ thống dữ liệu đất đai trên toàn quốc, kết nối, chia sẻ liên thông với các hệ thống dữ liệu quốc gia khác.”

Trong số đó, Bộ Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Bộ Công an, các bộ, ngành và các địa phương nỗ lực triển khai nhiều nhiệm vụ, giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, đặc biệt là Chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai năm 2025 đã tổ chức rà soát gần 62 triệu thửa đất, trong đó có trên 24 triệu thửa đất và nhà ở đã đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung.”

Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Thị Phương Hoa cho biết theo báo cáo của các địa phương, trước thời điểm triển khai Chỉ thị 05/CT-TTg ngày 13/2/2026 của Thủ tướng Chính phủ, cả nước có khoảng 106 triệu thửa đất.

Trong số đó, số thửa đất đã có dữ liệu là 62,8 triệu thửa; có 23,5 triệu thửa đất đã đáp ứng tiêu chí là “đúng - đủ - sạch - sống”; còn 38,9 triệu thửa chưa đáp ứng, cần phải tiến hành bổ sung thông tin, đối soát và xác thực với cơ sở dữ liệu dân cư. Số thửa đất chưa được xây dựng dữ liệu là khoảng 43,2 triệu thửa.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường được giao chủ trì thực hiện 6 nhiệm vụ. Tính đến hết tháng 4/2026, Bộ đã chủ trì xây dựng và ban hành Thông tư quy định kỹ thuật thực hiện lồng ghép nội dung đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; xây dựng tài liệu hướng dẫn kỹ thuật với 4 quy trình thực hiện cụ thể; ban hành quyết định về việc công bố và hướng dẫn kết nối để khai thác, sử dụng dữ liệu thông tin về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thay thế thành phần hồ sơ trong thực hiện thủ tục hành chính.

Đối với các địa phương, đã có 32/34 tỉnh, thành phố thành lập Ban chỉ đạo, tổ công tác và ban hành kế hoạch triển khai. Kể từ khi thực hiện Chỉ thị 05/CT-TTg, các địa phương đã xử lý được khoảng 500.000 thửa đất “đúng - đủ - sạch - sống”, nâng tổng số thửa đất đạt tiêu chí này lên trên 24 triệu thửa. Đã có 34/34 tỉnh, thành phố đồng bộ cơ sở dữ liệu đất đai về Bộ Nông nghiệp và Môi trường với khối lượng khoảng 62,4 triệu thửa đất.

Bên cạnh đó, báo cáo cho thấy, khối lượng công việc cần triển khai rất lớn. Cụ thể, khối lượng dữ liệu cần cập nhật bổ sung để đạt chuẩn “đúng - đủ - sạch - sống” hiện còn khoảng 38,4 triệu thửa đất đã xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính cần tiếp tục làm sạch, trong đó có khoảng 20 triệu thửa đất cần đối khớp, xác thực lại chủ sử dụng đất.

Khối lượng dữ liệu cần tạo lập mới, dự kiến phải đo đạc lập bản đồ địa chính khoảng 7,8 đến 8 triệu ha; lập hồ sơ và xây dựng cơ sở dữ liệu cho khoảng 43 triệu thửa đất.

Không lười thời gian triển khai

Kết luận cuộc họp, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng nhấn mạnh Chỉ thị số 05/CT-TTg đã nêu rất cụ thể, đầy đủ tất cả các nhiệm vụ mà bộ, ngành và địa phương cần triển khai về tiến độ, chất lượng dữ liệu, nguồn lực, cơ chế phối hợp và cải cách hành chính nhằm tạo nền tảng để thực hiện việc chuyển đổi số quốc gia, hiện đại hóa quản trị đất đai, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, việc thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TTg tại các địa phương và một số bộ, ngành được giao nhiệm vụ cho đến nay so với tiến độ đề ra chưa đạt yêu cầu.

Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng yêu cầu “không lười thời gian triển khai,” từ nay đến cuối năm 2026 phải hoàn thành cơ sở dữ liệu đất đai theo đúng tinh thần Chỉ thị.

Để tiếp tục triển khai theo đúng tinh thần của Chỉ thị số 05/CT-TTg, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng yêu cầu Bộ Nông nghiệp và Môi trường rà soát toàn bộ 19 nhiệm vụ được giao trong Chỉ thị, xây dựng bảng tiến độ cụ thể, cập nhật hằng tháng và phân loại rõ trách nhiệm của từng bộ, ngành, địa phương. Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng nhấn mạnh về yêu cầu phải “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm,” các nhiệm vụ phải được lượng hóa cụ thể.

Đối với nhiệm vụ làm sạch dữ liệu, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng yêu cầu hoàn thành việc rà soát, bổ sung thông tin, đối khớp và xác thực khoảng trên 38 triệu thửa đất thuộc nhóm 2 (nhóm đất cần phải cập nhật hồ sơ địa chính, dữ liệu đầy đủ) trước cuối tháng 6/2026.

Đối với khoảng 43 triệu thửa đất thuộc nhóm 3 (dữ liệu cần tạo lập mới, dự kiến phải đo đạc lập bản đồ địa chính) cần đo đạc, lập hồ sơ địa chính và xây dựng dữ liệu mới, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng yêu cầu phân đầu cơ bản hoàn thành trong quý III/2026 và kiểm điểm, đánh giá lại trong quý 4/2026.

Về cải cách hành chính liên quan đến nội dung này, Phó Thủ tướng yêu cầu các dữ liệu đất đai đã số hóa phải được đưa vào sử dụng thực chất, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân; giảm giấy tờ, giảm thời gian, giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính.

Theo Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng, mục tiêu cuối cùng không chỉ là hoàn thành cơ sở dữ liệu mà phải khai thác hiệu quả, tránh tình trạng người dân phải cung cấp đi cung cấp lại nhiều loại giấy tờ dù dữ liệu đã có trên hệ thống.

Liên quan đến vấn đề kỹ thuật, phần mềm và an toàn dữ liệu, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công an và Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp chặt chẽ nhằm bảo đảm dữ liệu đất đai được kết nối, xác thực với Cơ sở Dữ liệu Quốc gia về dân cư và đáp ứng yêu cầu bảo mật, an toàn thông tin. Các doanh nghiệp công nghệ tham gia triển khai phải tuân thủ thống nhất các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ và tích hợp dữ liệu trên phạm vi toàn quốc.

Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng nhấn mạnh không để xảy ra tình trạng mỗi địa phương triển khai một phần mềm, một chuẩn dữ liệu riêng dẫn đến không liên thông, gây lãng phí và khó khăn trong vận hành sau này. Những địa phương đã có cơ sở dữ liệu đủ điều kiện phải đưa ngay vào khai thác, phục vụ công tác quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính.

Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì cập nhật tình hình triển khai, báo cáo tiến độ với Phó Thủ tướng định kỳ 2 tuần/lần; đồng thời xác định từ nay đến hết tháng 6/2026 là giai đoạn cao điểm để tăng tốc thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TTg.

Nguồn: vietnamplus.vn

BỘ Y TẾ THỨC CÁC ĐƠN VỊ ĐẨY MẠNH ỨNG DỤNG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI SỐ

Bộ Y tế vừa tổ chức cuộc họp về tiến độ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính và Đề án 06.

Đây cũng là một trong những vấn đề nhằm thực hiện các nội dung trong chiến lược đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia áp dụng trong ngành y tế theo tinh thần của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” đóng vai trò hết sức quan trọng đối với mọi lĩnh vực, trong đó có ngành Y tế.

Tại cuộc họp, các đơn vị đã báo cáo kết quả triển khai các nhóm nhiệm vụ của Bộ Y tế căn cứ theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025, Nghị quyết số 214/NQ-CP của Chính phủ, Đề án 06; Tiến độ triển khai Bệnh án điện tử, Sổ Sức khỏe điện tử năm 2026.

Trong đó, 14 cơ sở dữ liệu chuyên ngành năm 2026 đang được đơn vị chuyên môn thiết lập cấu trúc và nội hàm thông tin. Một số nhóm cơ sở dữ liệu đáp ứng quy trình của các bước thủ tục đầu thầu, phối hợp với doanh nghiệp đồng hành triển khai nhiệm vụ chuẩn hóa dữ liệu theo nguyên tắc “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung.”

Cùng đó là nỗ lực đôn đốc việc tiến hành Bệnh án điện tử, Sổ sức khỏe điện tử thực chất, khoa học, hiệu quả.

Đối với kết quả thực thi phương án phân cấp, phân quyền trong giải quyết thủ tục hành chính, Bộ Y tế công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và đang áp dụng là 270 thủ tục. Trong đó, cấp Bộ thực hiện 94 thủ tục, bằng 35%, số thủ tục thực hiện tại địa phương là 176, chiếm 65%, đạt chỉ tiêu theo yêu cầu của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đề ra.

Bộ Y tế cũng thực hiện đơn giản hóa giấy tờ công dân đối với 73 thủ tục hành chính, đạt 100% chỉ tiêu nhiệm vụ đề ra. Hoàn thành cấu hình trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Y tế để sẵn sàng cung cấp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia do Trung tâm Dữ liệu quốc gia, Bộ Công an triển khai.

Phát biểu chỉ đạo tại cuộc họp, Thứ trưởng Bộ Y tế Nguyễn Tri Thức ghi nhận những báo cáo, đề xuất, cả khó khăn, vướng mắc của các đơn vị đồng thời yêu cầu, các đơn vị bám sát tiến độ chi tiết theo từng nhiệm vụ cụ thể. Lãnh đạo, người đứng đầu từng Cục, Vụ, Văn phòng Bộ trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06, khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Thứ trưởng Bộ Y tế Nguyễn Tri Thức nhấn mạnh Cục Khoa học, Công nghệ và Đào tạo, Trung tâm Thông tin Y tế Quốc gia phối hợp với các đơn vị, căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ của nhóm cơ sở dữ liệu trong năm 2026, phân tích làm rõ trường thông tin, xác định mã nguồn từng cơ sở dữ liệu để thống nhất từ đầu bài, nội hàm nhằm làm căn cứ cho định hình nhiệm vụ và đề xuất kinh phí triển khai.

Đặc biệt, những đơn vị đáp ứng tái cấu trúc trường thông tin ở bộ thủ tục hành chính đã cấu hình xong dữ liệu tiếp tục phối hợp với Trung tâm Thông tin Y tế Quốc gia công bố lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

Nguồn: vietnamplus.vn

BỘ CÔNG THƯƠNG BAN HÀNH

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN

NGHỊ QUYẾT VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHÀ NƯỚC

Bộ Công Thương vừa ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-CP ngày 24/02/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước.

Đẩy mạnh cải cách, thể chế hóa các mục tiêu tại Nghị quyết số 29/NQ-CP

Việc triển khai Chương trình hành động của Bộ Công Thương nhằm góp phần hiện thực hóa mục tiêu nâng cao hiệu quả, phát huy vai trò chủ động, tiên phong, định hướng chiến lược của kinh tế nhà nước đã được xác định tại Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Mục tiêu Chương trình hành động của Bộ Công Thương nhằm tổ chức thể chế hóa và thực thi đầy đủ, đồng bộ, nhất quán các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 29/NQ-CP. Đồng thời, xác định nhiệm vụ cụ thể, làm căn cứ để các đơn vị trong Bộ Công Thương tổ chức triển khai, góp phần hiện thực hóa mục tiêu nâng cao hiệu quả, phát huy vai trò chủ động, tiên phong, định hướng chiến lược của kinh tế nhà nước.

Để đạt được mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 29/NQ-CP, Bộ Công Thương yêu cầu các đơn vị trong Bộ lồng ghép các nhiệm vụ phát triển kinh tế nhà nước trong quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác hằng năm, trung hạn nhằm bảo đảm đồng bộ, hiệu quả nguồn lực; đồng thời đổi mới tư duy, nhận thức và hành động, bảo đảm hiện thực hóa mục tiêu nâng cao hiệu quả, phát huy vai trò chủ đạo, tiên phong, định hướng chiến lược của kinh tế nhà nước. Các đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể.

Đồng thời, các đơn vị trong Bộ được yêu cầu quán triệt đầy đủ, sâu sắc tới toàn thể công chức, viên chức, người lao động về nội dung Nghị quyết số 29/NQ-CP và đổi mới mạnh mẽ tư duy trong lãnh đạo, chỉ đạo, hoạt động công vụ; chuyển mạnh từ quản lý hành chính sang kiến tạo phát triển, quản trị hiện đại, hành động quyết liệt.

Chương trình hành động cũng yêu cầu các đơn vị trong Bộ rà soát các văn bản quy phạm pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý để xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền nhằm kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt về thể chế đối với kinh tế nhà nước; đồng thời phân định rõ chức năng sở hữu, chức năng quản lý kinh tế, chức năng thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ không vì mục tiêu lợi nhuận với chức năng kinh doanh đối với các tổ chức kinh tế nhà nước.

Bộ Công Thương nhấn mạnh yêu cầu cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hóa thủ tục, giảm thời gian, chi phí tuân thủ, giảm thiểu can thiệp hành chính trực tiếp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm; áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro và chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm. Đồng thời, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý, chuyên gia; có chính sách hiệu quả nhằm

thu hút và trọng dụng nhân tài gắn với tiêu chuẩn năng lực, đạo đức nghề nghiệp và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

Bên cạnh đó, Bộ Công Thương yêu cầu các đơn vị thuộc Bộ xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật công bằng, minh bạch theo cơ chế thị trường trong khai thác và sử dụng nguồn lực; phối hợp khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu để kịp thời giám sát, đánh giá hiệu quả quản lý, sử dụng vốn, tài sản, nguồn lực làm căn cứ cho hoạch định chính sách, phân bổ và điều tiết nguồn lực. Các đơn vị cũng được yêu cầu phối hợp trong công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán nhằm tránh chồng chéo, trùng lặp, ảnh hưởng tới hoạt động của các tổ chức, đơn vị.

Đáng chú ý, Chương trình hành động yêu cầu xây dựng cơ chế đủ mạnh để bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung trong các trường hợp không có yếu tố tham nhũng, vụ lợi; đồng thời thiết lập quy trình xem xét độc lập, toàn diện và minh bạch để đánh giá bản chất vụ việc là sai sót khách quan hay vi phạm pháp luật nhằm xử lý đúng người, đúng tội.

Bộ Công Thương cũng yêu cầu tăng cường hoạt động đối thoại; tiếp nhận, lắng nghe phản ánh, kiến nghị để kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Đồng thời, xây dựng và tổ chức triển khai chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 79-NQ/TW và vai trò của kinh tế nhà nước theo hướng đa dạng hóa hình thức, phương thức tuyên truyền; xây dựng chương trình truyền thông chuyên đề về phát triển kinh tế nhà nước trên các phương tiện thông tin, mạng xã hội và báo điện tử.

Nhiệm vụ trọng tâm của các đơn vị thuộc Bộ Công Thương

Chương trình hành động xác định rõ nhiệm vụ cụ thể đối với từng đơn vị thuộc Bộ. Trong đó, Vụ Dầu khí và Than chủ trì rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển ngành dầu khí, than; tham mưu các giải pháp bảo đảm an ninh năng lượng, phát triển hạ tầng khí, LNG. Cục Điện lực xây dựng Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về lộ trình, nguyên tắc hoạt động, cơ cấu ngành điện và các điều kiện để hình thành và phát triển các cấp độ thị trường điện cạnh tranh tại Việt Nam.

Cục Công nghiệp được giao rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách về tài nguyên, khoáng sản; tham mưu phát triển công nghiệp nền tảng như thép, vật liệu, cơ khí; xây dựng các chính sách đột phá thúc đẩy gia tăng tỷ lệ nội địa hóa, tiêu thụ sản phẩm trong nước sản xuất và tự chủ công nghệ trong các lĩnh vực công nghiệp trọng điểm; đồng thời xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2026 - 2035.

Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công chủ trì tổ chức triển khai có hiệu quả các cơ chế tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, hỗ trợ thử nghiệm có kiểm soát theo quy định pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ và chuyển đổi số.

Đối với lĩnh vực xúc tiến thương mại, Cục Xúc tiến thương mại được giao tăng cường tuyên truyền, vận động doanh nghiệp nhà nước tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại

trong và ngoài nước, đặc biệt là các hoạt động thuộc chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại nhằm mở rộng thị trường xuất khẩu, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát huy vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp nhà nước trong phát triển chuỗi cung ứng và thúc đẩy tăng trưởng thương mại bền vững. Đồng thời, tăng cường vận động doanh nghiệp nhà nước tham gia Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam và Chương trình xây dựng, phát triển thương hiệu ngành hàng Việt Nam.

Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia được giao tăng cường giám sát cạnh tranh, kiểm soát tập trung kinh tế; bảo đảm môi trường cạnh tranh lành mạnh trong các lĩnh vực có doanh nghiệp nhà nước chi phối.

Trong lĩnh vực thương mại điện tử và kinh tế số, Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số được giao rà soát, hoàn thiện chính sách, pháp luật; quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu chuyên ngành; tham mưu thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhà nước ngành Công Thương; hướng dẫn, đào tạo áp dụng giải pháp công nghệ số trong hoạt động quản trị, sản xuất, thương mại, phân phối và ứng dụng công nghệ số trong cung cấp dịch vụ công.

Đối với lĩnh vực xuất nhập khẩu, Cục Xuất nhập khẩu phối hợp với Vụ Phát triển thị trường nước ngoài, Cục Xúc tiến thương mại và các đơn vị liên quan triển khai các giải pháp phát triển thị trường xuất khẩu, nhập khẩu, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp chủ trì tham mưu xây dựng Chương trình hành động của Bộ; theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế nhà nước trong ngành công thương; tham mưu các giải pháp nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước trong ngành; triển khai hiệu quả quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng kế hoạch chuyển giao vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống cho doanh nghiệp có chức năng kinh doanh và đầu tư vốn nhà nước.

Vụ Pháp chế có nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các chương trình, kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; đầu mối tổ chức triển khai các kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật nhằm đẩy mạnh cải cách điều kiện kinh doanh theo hướng “giảm tiền kiểm, tăng hậu kiểm”; tăng cường tư duy “quản trị rủi ro” trong xây dựng pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt về thể chế.

Vụ Tổ chức cán bộ được giao rà soát, kiên quyết thay thế, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo doanh nghiệp thiếu trách nhiệm, yếu kém để xảy ra thất thoát, lãng phí; rà soát, thực hiện cơ chế tiền lương, tiền thưởng gắn với năng suất và hiệu quả; xây dựng phương án sáp nhập, hợp nhất hoặc tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự chủ, hoạt động kém hiệu quả.

Văn phòng Bộ chủ trì rà soát, hoàn thiện và tổ chức thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Bộ; bảo đảm kịp thời phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, xung đột lợi ích trong quá trình thực thi công vụ. Đồng thời, tăng

cường công tác cải cách hành chính, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Bộ Công Thương yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ quyết liệt triển khai Chương trình hành động; ưu tiên bố trí đầy đủ nguồn lực tài chính và nhân lực để thực hiện; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, giám sát, bảo đảm thực hiện đúng tiến độ, chất lượng các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Chương trình hành động.

Định kỳ hằng năm, các đơn vị được giao chủ trì nhiệm vụ cụ thể tại Chương trình hành động báo cáo tiến độ, kết quả gửi Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ và báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Nguồn: tapchicongthuong.vn

HÀ NỘI: CHUYỂN TỪ “QUẢN LÝ HỒ SƠ” SANG “QUẢN TRỊ BẰNG DỮ LIỆU”

Cải cách thủ tục hành chính tại Hà Nội đang chuyển từ “quản lý hồ sơ” sang “quản trị bằng dữ liệu”, với loạt giải pháp đồng bộ như tiếp nhận hồ sơ phi địa giới, số hóa toàn trình, phân cấp mạnh cho cơ sở.

Những thay đổi này không chỉ giúp rút ngắn thời gian, giảm chi phí tuân thủ mà còn định hình một nền hành chính hiện đại, minh bạch và thực sự phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Hơn 2.000 thủ tục được “mở cửa” phi địa giới

Cải cách thủ tục hành chính không còn là nhiệm vụ kỹ thuật mà đã trở thành yêu cầu chiến lược trong quản trị hiện đại. Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về cắt giảm điều kiện kinh doanh không cần thiết, giảm chi phí tuân thủ, rút ngắn thời gian giải quyết và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm giải trình, Hà Nội đã chủ động cụ thể hóa bằng nhiều giải pháp đồng bộ, quyết liệt.

Theo đó, thành phố đã ban hành nhiều kế hoạch quan trọng nhằm rà soát, đơn giản hóa và tái cấu trúc toàn bộ quy trình giải quyết thủ tục hành chính. Trọng tâm không chỉ dừng ở việc cắt giảm mà hướng tới xây dựng nền hành chính hiện đại, minh bạch, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

Một trong những điểm nhấn quan trọng là việc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành danh mục hơn 2.000 thủ tục hành chính được triển khai tiếp nhận phi địa giới. Với cơ chế này, người dân có thể nộp hồ sơ tại bất kỳ điểm tiếp nhận nào trên địa bàn, không còn phụ thuộc vào nơi cư trú. Quy định mới giúp tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại, đồng thời góp phần giảm tải cho các điểm tiếp nhận, nâng cao tính công khai, minh bạch trong quá trình giải quyết thủ tục.

Song song với đó, quy mô ủy quyền đã được mở rộng từ 168 lên 636 thủ tục hành chính, với 11 hình thức ủy quyền đa dạng giữa các cấp, ngành. Kết quả bước đầu cho thấy chuyển biến rõ rệt: 32 triệu giờ lao động được cắt giảm; trung bình mỗi thủ tục rút ngắn 1 ngày xử lý. Ở các lĩnh vực trọng điểm, hiệu quả càng rõ nét khi thời gian xử lý hồ sơ đất đai giảm 15-30%, cấp phép xây dựng rút ngắn 3-5 ngày làm việc. Quan trọng hơn, cấp xã đã từng bước khẳng định vai trò là cấp quản lý thực chất, với đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm.

Việc phân cấp mạnh mẽ đã từng bước khẳng định vai trò thực chất của cấp xã, nơi được trao đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm trong giải quyết thủ tục cho người dân. Đến nay, hơn 120.000 hồ sơ đã được xử lý ngay tại cấp xã, giúp tiết kiệm hàng chục tỷ đồng chi phí xã hội.

Cùng với đó, 100% thủ tục hành chính đã được công khai và tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Mô hình “một cửa - một hệ thống - một dữ liệu” từng bước phát huy hiệu quả,

bảo đảm kết nối liên thông giữa các cấp, các ngành, giảm trùng lặp thông tin và rút ngắn thời gian xử lý. Hơn 53% thủ tục đã được thực hiện trực tuyến toàn trình; tỷ lệ số hóa hồ sơ đạt gần 98%, cho thấy nền hành chính đang chuyển mạnh từ xử lý hồ sơ giấy sang vận hành trên môi trường số.

Định hình cách làm mới trong phục vụ người dân, doanh nghiệp

Trao đổi tại Chương trình thời sự của Cơ quan Báo và Phát thanh, Truyền hình Hà Nội tối 29/4/2026, với nội dung chính có chủ đề "Thủ tục gọn - dữ liệu thông - phục vụ nhanh", ông Dương Văn Ninh, Phó Trưởng Phòng phụ trách Phòng Tái cấu trúc và Kiểm soát thủ tục hành chính (Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội) cho biết, sự thay đổi rõ nhất nằm ở phương thức xử lý.

Theo ông Dương Văn Ninh, trước đây, thủ tục chủ yếu giải quyết theo hồ sơ giấy, việc tra cứu thông tin phải thực hiện trên nhiều nền tảng khác nhau. Nay, với mô hình hành chính công một cấp toàn thành phố, toàn bộ hồ sơ tại các chi nhánh đều được ký số 100%. Khi hồ sơ được tiếp nhận, các cơ quan xử lý ngay trên hệ thống điện tử, không phải chờ chuyển bản giấy. Toàn bộ thao tác xử lý và các bước vết đều được theo dõi trên hệ thống, người dân có thể giám sát quá trình giải quyết. Điều này tạo ra sự minh bạch, giúp việc xử lý hồ sơ nhanh gọn, đúng nghĩa giải quyết trên môi trường điện tử.

Ông Dương Văn Ninh cho biết, Trung tâm đã tham mưu thành phố ban hành nhiều kế hoạch về kiểm soát, rà soát, đơn giản hóa và tái cấu trúc thủ tục hành chính để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình thực chất. Cùng với đó là những giải pháp đổi mới phương thức phục vụ: mô hình dịch vụ công lưu động tới các địa bàn xa trung tâm; các tổ hành chính công xung kích hỗ trợ người yếu thế; 12 chi nhánh triển khai Zalo OA để hỗ trợ trực tiếp, giúp người dân tiếp cận và sử dụng dịch vụ công trực tuyến thuận lợi hơn.

Đặc biệt, việc triển khai đồng bộ 2.075/2.075 thủ tục theo mô hình phi địa giới đã tạo thay đổi lớn trong trải nghiệm của người dân và doanh nghiệp. Khi toàn bộ quy trình được tích hợp trên một hệ thống dùng chung, công tác giám sát trở nên chặt chẽ, công khai, tạo áp lực tích cực buộc các cơ quan nâng cao trách nhiệm và chất lượng phục vụ.

Ở góc nhìn của nhà nghiên cứu, Tiến sĩ Đoàn Văn Tinh, Phó Trưởng khoa Quản trị nhân lực, Học viện Hành chính và Quản trị công cho rằng, việc chuyển từ "quản lý hồ sơ" sang "quản trị bằng dữ liệu" đã chạm đúng cốt lõi của nền hành chính hiện đại.

Giá trị đầu tiên là hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu đồng bộ, đóng vai trò như "mạch máu sạch, sống" nuôi dưỡng toàn bộ hệ thống. Thay vì ra quyết định dựa trên kinh nghiệm và trực giác, các cơ quan quản lý có nguồn dữ liệu làm nền tảng cho quyết định dựa trên bằng chứng và thời gian thực.

Giá trị thứ hai là tái định vị vai trò của người dân. Người dân không còn ở vị thế đi "xin" giải quyết thủ tục mà trở thành chủ thể được phục vụ. Công nghệ vì thế trở thành công cụ chia sẻ gánh nặng và thể hiện sự thấu cảm với người dân thông qua trải nghiệm dịch vụ thuận tiện, nhanh chóng.

Giá trị thứ ba, theo Tiến sĩ Đoàn Văn Tình, trong tầm nhìn phát triển dài hạn của Hà Nội, việc số hóa thủ tục và tháo gỡ các nút thắt trong quá trình thực hiện chính là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng.

Tiến sĩ Đoàn Văn Tình cũng nhấn mạnh, nếu thể chế là khung xương, công nghệ là cánh tay thì tư duy phục vụ mới là “linh hồn” của nền hành chính hiện đại. Khi dữ liệu đã tồn tại đầy đủ trên hệ thống, người dân không cần cung cấp lại hồ sơ giấy hay minh chứng những thông tin đã có. Cách làm này giúp giảm chi phí tuân thủ, khơi thông nguồn lực xã hội và thể hiện rõ vai trò quyết định của con người trong vận hành nền hành chính.

Những kết quả từ tiếp nhận hồ sơ phi địa giới, ký số toàn bộ, mở rộng ủy quyền đến tái cấu trúc quy trình cho thấy cải cách thủ tục hành chính tại Hà Nội đang đi theo hướng thực chất và có chiều sâu. Khi dữ liệu được kết nối, quy trình được chuẩn hóa và trách nhiệm được phân định rõ, bộ máy không chỉ xử lý nhanh hơn mà còn minh bạch và dễ giám sát hơn. Quan trọng hơn, sự chuyển dịch từ “quản lý” sang “phục vụ” đang định hình cách làm mới trong toàn hệ thống, tạo nền tảng để thủ tục hành chính thực sự trở thành công cụ hỗ trợ người dân và doanh nghiệp thay vì là rào cản như trước đây.

*** Hà Nội Triển khai ký số 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính đăng ký hộ kinh doanh**

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội vừa ban hành Công văn số 1835/UBND-NC ngày 05/5/2026 về việc triển khai ký số kết quả giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Theo đó, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội giao Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội hướng dẫn, hỗ trợ người dân nộp hồ sơ 100% qua môi trường mạng đối với toàn bộ thủ tục hành chính đăng ký hộ kinh doanh (đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình); chỉ tiếp nhận hồ sơ giấy trong trường hợp hộ kinh doanh chưa có dữ liệu trên Hệ thống đăng ký hộ kinh doanh quốc gia; phối hợp với Sở Tài chính kết nối, đồng bộ dữ liệu đăng ký hộ kinh doanh từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để sử dụng thay thế giấy tờ trong thành phần hồ sơ thủ tục hành chính theo Quyết định số 50/QĐ-BTC ngày 14/01/2026 của Bộ Tài chính...

Ủy ban nhân dân thành phố giao Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai ký số 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính đăng ký hộ kinh doanh kể từ ngày 01/5/2026; chỉ cấp bản giấy khi có sự cố kỹ thuật không thể ký số; tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn người dân nhận kết quả và kiểm tra tính hợp lệ của bản điện tử ký số: Người nộp hồ sơ đăng nhập vào Cổng thông tin quốc gia về đăng ký hộ kinh doanh hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia bằng tài khoản đã nộp hồ sơ, tra cứu theo mã hồ sơ hoặc mã số hộ kinh doanh để tải kết quả dưới dạng bản điện tử có chữ ký số hợp lệ. Việc kiểm tra chữ ký số thực hiện theo Thông tư số 41/2017/TT-BTTTT ngày 19/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông (trước đây); hướng dẫn chi tiết tại website của Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia (<https://neac.gov.vn>).

Nguồn: hanoimoi.vn

CAO BẰNG: SỞ NỘI VỤ TẬP HUẤN SỬ DỤNG PHẦN MỀM ĐÁNH GIÁ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Ngày 06/5/2026, Sở Nội vụ tỉnh Cao Bằng tổ chức Hội nghị tập huấn sử dụng Hệ thống phần mềm đánh giá, xếp loại và kết nối với Hệ thống quản lý, điều hành văn bản VNPT iOffice cho cán bộ, công chức, viên chức các sở, ban, ngành.

Tại hội nghị, báo cáo viên giới thiệu các tính năng mới trong việc kết nối, đồng bộ giữa phần mềm đánh giá, xếp loại với hệ thống VNPT iOffice. Nội dung tập huấn tập trung vào thực hành các thao tác kỹ thuật; thiết lập, vận dụng tiêu chí đánh giá phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, bảo đảm sát thực tiễn, dễ áp dụng, hạn chế sai sót. Cán bộ chuyên môn kiểm tra tài khoản của các cơ quan, đơn vị; nhập liệu, cập nhật, theo dõi và tổng hợp kết quả đánh giá cán bộ, công chức, viên chức trên môi trường số; hướng dẫn phân công trách nhiệm cụ thể để hoàn thành công tác đánh giá theo từng tháng.

Hệ thống đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức được xây dựng theo hướng số hóa toàn bộ quy trình quản lý công việc và đánh giá, dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và bộ tiêu chí định lượng. Việc thiết lập quy trình đánh giá thống nhất, minh bạch, phương pháp đánh giá đổi mới theo hướng chuyển từ định tính sang định lượng, dựa trên kết quả đầu ra; đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và chuyển đổi số. Đồng thời, hỗ trợ lãnh đạo các cấp theo dõi, giám sát kết quả thực hiện nhiệm vụ kịp thời; giúp cán bộ, công chức, viên chức chủ động tự theo dõi, tự đánh giá, nâng cao trách nhiệm cá nhân.

Sau tập huấn, các sở, ban, ngành triển khai hướng dẫn, tổ chức đánh giá tại cơ quan, đơn vị. Theo kế hoạch, việc đánh giá, xếp loại bằng phần mềm sẽ được triển khai trên phạm vi toàn tỉnh trong quý II/2026.

Nguồn: baocaobang.vn

SƠN LA: BỘ CHỈ SỐ DCCI - TẠO CHUYỂN BIẾN THỰC CHẤT TRONG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chất lượng điều hành kinh tế, tỉnh Sơn La đang hoàn thiện những bước cuối cùng để công bố kết quả Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương năm 2025 (DCCI 2025). Đây được xem là công cụ quan trọng, góp phần tạo chuyển biến thực chất trong cải cách hành chính, hướng tới xây dựng chính quyền phục vụ, đồng hành cùng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

Sau thời gian triển khai, đề xuất “Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tại Sơn La thông qua tăng cường năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và địa phương 2025” đã hoàn thành

mục tiêu đề ra. Theo kế hoạch, kết quả Bộ chỉ số DCCI 2025 của tỉnh Sơn La sẽ chính thức được công bố vào ngày 20/5/2026.

Bộ chỉ số DCCI được xây dựng với mục tiêu phản ánh khách quan, toàn diện chất lượng quản lý, điều hành của các cơ quan, đơn vị thông qua đánh giá trực tiếp từ cộng đồng doanh nghiệp. Không chỉ dừng lại ở việc xếp hạng, DCCI còn giúp các cơ quan nhận diện rõ điểm mạnh, hạn chế, từ đó đề ra giải pháp cải thiện hiệu quả.

Ông Đào Văn Quang, Phó Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Sơn La, cho biết: Bộ chỉ số DCCI Sơn La được thiết kế phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh miền núi, đồng thời bảo đảm tiếp cận các phương pháp đánh giá hiện đại. Mục tiêu không chỉ là chấm điểm, mà là tạo ra động lực cải cách thực chất trong từng cơ quan, đơn vị.

Bộ chỉ số DCCI 2025 được xây dựng với 3 trụ cột chính gồm: Môi trường kinh doanh thuận lợi; thúc đẩy cạnh tranh và tăng trưởng bền vững gắn với vai trò kiến tạo của chính quyền. Các nội dung đánh giá tập trung vào những vấn đề doanh nghiệp quan tâm như: Thủ tục hành chính, tính minh bạch, chi phí tuân thủ, khả năng tiếp cận nguồn lực và hiệu quả hỗ trợ sản xuất, kinh doanh.

Một trong những yếu tố quyết định chất lượng của Bộ chỉ số DCCI chính là có sự tham gia, giám sát và đánh giá trực tiếp của Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Liên minh Hợp tác xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh. Năm nay, tỉnh Sơn La ghi nhận sự hưởng ứng tích cực với tổng số 1.539 phiếu khảo sát được thu thập. Trong đó, có 550 phiếu đánh giá cấp địa phương, 698 phiếu đánh giá các sở, ban, ngành và 291 phiếu đánh giá các cơ quan ngành dọc.

Theo đó, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch đã phối hợp với đơn vị tư vấn hướng dẫn đơn vị khảo sát để thu về số lượng phiếu khách quan, trung thực; thường xuyên theo dõi, kịp thời nắm bắt và hỗ trợ giải quyết khó khăn của đơn vị khảo sát trong quá trình tiếp cận doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật liên quan đến phần mềm khảo sát; xử lý các vấn đề phát sinh về truy cập, nhập liệu, mã hóa và đồng bộ dữ liệu trong suốt quá trình khảo sát. Kết quả, số lượng phiếu thu về không chỉ đạt tỷ lệ cao mà còn vượt dự kiến ban đầu, cho thấy sự quan tâm ngày càng lớn của doanh nghiệp.

Sau khi hoàn thành công tác khảo sát, hiện nay các đơn vị liên quan đang khẩn trương rà soát, xử lý và phân tích dữ liệu để hoàn thiện báo cáo DCCI năm 2025. Quá trình này được thực hiện chặt chẽ nhằm bảo đảm tính chính xác, khách quan và minh bạch. Kết quả DCCI sẽ cho thấy bức tranh tổng thể về năng lực điều hành của từng sở, ngành, địa phương, chỉ ra những lĩnh vực cần ưu tiên cải thiện như thủ tục hành chính, tính minh bạch hay chất lượng hỗ trợ doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, để mỗi đơn vị nhìn nhận lại mình, đồng thời chủ động xây dựng kế hoạch khắc phục những hạn chế.

Cùng với DCCI, tỉnh Sơn La đang đẩy mạnh nhiều giải pháp như cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường đối thoại với doanh nghiệp, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, hoàn thiện cơ chế, chính sách và tăng cường tính minh bạch trong quản lý nhà nước.

Với sự vào cuộc đồng bộ của các cấp, các ngành và sự đồng hành của cộng đồng doanh nghiệp, kết quả Bộ chỉ số DCCI 2025 được kỳ vọng sẽ trở thành động lực thúc đẩy xây dựng môi trường đầu tư minh bạch, thuận lợi, đưa Sơn La phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn tới.

Nguồn: [baosonla.vn](#)

THÁI NGUYÊN: TINH GỌN ĐỂ MẠNH HƠN - BÀI HỌC TỪ THỰC TIỄN

Sau một năm triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, Thái Nguyên không chỉ hoàn thành một cuộc sắp xếp bộ máy quy mô lớn, mà quan trọng hơn là đã từng bước khẳng định hiệu quả thực chất của cải cách. Bộ máy tinh gọn, vận hành thông suốt, trách nhiệm rõ ràng, từ đó tạo ra những chuyển động tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội, đưa địa phương bước vào giai đoạn tăng trưởng mới.

Phương thức quản trị mới, chính quyền gần dân hơn

Việc hợp nhất hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn, đồng thời chuyển từ mô hình chính quyền địa phương 3 cấp sang 2 cấp từ ngày 01/7/2025 là một quyết sách mang tính bước ngoặt. Không chỉ mở rộng không gian phát triển với quy mô gần 1,8 triệu dân, diện tích hơn 8.375km², cải cách này còn đặt ra yêu cầu tái cấu trúc toàn diện hệ thống quản trị địa phương.

Điểm cốt lõi của mô hình mới là bỏ cấp huyện, rút ngắn quy trình xử lý công việc, chuyển từ cơ chế phân tầng sang trực tiếp giữa cấp tỉnh và cấp xã.

Đi cùng với đó là việc phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, gắn trách nhiệm cụ thể với từng cấp, từng vị trí. Các con số cho thấy quy mô tinh gọn lớn chưa từng có: Số đơn vị hành chính cấp xã giảm từ 280 xuống còn 92.

Ở cấp tỉnh, hệ thống cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh cũng được sắp xếp gọn: Từ 26 cơ quan chuyên môn và 2 tổ chức hành chính khác trước sắp xếp, nay còn 13 cơ quan chuyên môn và 1 tổ chức hành chính khác; số phòng chuyên môn giảm từ 213 xuống còn 89.

Ngay trong giai đoạn đầu vận hành, bộ máy mới đã bảo đảm hoạt động liên tục, không để gián đoạn việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp. Điều đó cho thấy sự chủ động, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của tỉnh.

Tuy nhiên, tinh gọn chưa phải là đích đến, mục tiêu xa hơn là nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy - điều đang từng bước được kiểm chứng trong thực tiễn.

Một trong những điểm nổi bật của mô hình chính quyền địa phương 2 cấp là phân quyền mạnh cho cấp cơ sở. Sau khi bỏ cấp huyện, hơn 1.000 nhiệm vụ, thẩm quyền được chuyển giao về cấp xã; đồng thời, hàng nghìn chương trình, dự án đầu tư công được giao trực tiếp cho địa phương tổ chức thực hiện.

Cùng với đó, 92/92 xã, phường đã thành lập trung tâm phục vụ hành chính công, tạo đầu môi thông nhất trong giải quyết thủ tục hành chính. Người dân, doanh nghiệp không còn phải đi lại nhiều cấp, giảm thời gian, chi phí thực hiện các thủ tục.

Thực tế cho thấy, cơ chế mới đã phát huy hiệu quả rõ nét. Ở nhiều địa phương, việc giải quyết công việc được rút ngắn, trách nhiệm được xác định cụ thể, hạn chế tình trạng đùn đẩy, né tránh.

Ở góc độ người dân, những thay đổi cũng được cảm nhận rõ ràng. Ông Nguyễn Văn Cung, 80 tuổi ở tổ dân phố 54, phường Phan Đình Phùng, chia sẻ: Từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, người dân đến Trung tâm phục vụ hành chính công của phường để giải quyết các thủ tục hành chính thuận tiện hơn, giảm bớt phiền hà, tạo tâm lý yên tâm, tin tưởng vào chính quyền hơn.

Nền tảng để bứt phá

Điểm đáng chú ý sau một năm triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp là cải cách hành chính đã bước đầu tạo ra tác động thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Ông Nguyễn Mạnh Cường, Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đức Cường - doanh nghiệp chuyên sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn xã Đồng Hỷ, nhận xét: Cảm nhận rõ nhất của chúng tôi là việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký kinh doanh, đất đai nhanh hơn. Khi bộ máy được tinh gọn, quy trình được rút ngắn, môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện rõ rệt...

Nếu tinh gọn bộ máy là điều kiện cần, thì kết quả phát triển kinh tế - xã hội là thước đo quan trọng để kiểm chứng hiệu quả của mô hình mới. Và ở phương diện này, Thái Nguyên đang tạo ra sự bứt phá ngoạn mục. Quý I/2026, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt 8,55%, xếp 15/34 tỉnh, thành phố trong cả nước và 5/9 tỉnh trung du, miền núi phía Bắc.

Điểm nhấn nổi bật là thu hút đầu tư. Ngay trong quý I, tỉnh cấp mới 7 dự án FDI với tổng vốn đăng ký 5,413 tỷ USD, cùng 5 lượt dự án tăng vốn thêm 307,04 triệu USD, qua đó vươn lên dẫn đầu cả nước về thu hút FDI.

Cùng với đó, tỉnh quyết định chủ trương đầu tư cho 13 dự án trong nước với tổng vốn hơn 10.661 tỷ đồng. Những con số này có ý nghĩa đặc biệt khi đặt trong bối cảnh Thái Nguyên vừa trải qua một cuộc hợp nhất quy mô lớn. Thông thường, sau sắp xếp bộ máy, giai đoạn đầu dễ phát sinh độ trễ: tổ chức mới cần thời gian ổn định, cán bộ cần thời gian thích nghi, quy trình cần thời gian hoàn thiện. Nhưng Thái Nguyên không chỉ giữ được nhịp vận hành, mà còn tạo được đà tăng trưởng khá cao.

Một năm triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp tại Thái Nguyên cho thấy những kết quả bước đầu tích cực. Bộ máy được tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn; chính quyền gần dân hơn; môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện; kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển.

Trong thời gian tới, việc tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng đội ngũ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính sẽ là những yếu tố quan trọng để mô hình chính quyền địa phương 2 cấp phát huy hiệu quả cao hơn.

Tinh gọn bộ máy để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động; từ đó tạo động lực cho phát triển và phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân, doanh nghiệp - đó không chỉ là mục tiêu, mà đang dần trở thành hiện thực trong quá trình đổi mới, phát triển của Thái Nguyên hôm nay.

Nguồn: baothainguyen.vn

BẮC NINH: ROBOT TRÍ TUỆ NHÂN TẠO - LỰC LƯỢNG MỚI PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

Với khối lượng thủ tục hành chính gia tăng nhanh sau sáp nhập đơn vị hành chính, việc đưa robot trí tuệ nhân tạo (AI) vào hỗ trợ tại bộ phận một cửa đang là giải pháp gỡ rối cho nhiều trung tâm phục vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Để mô hình này vận hành hiệu quả, các xã, phường cần tăng cường điều kiện về hạ tầng, chi phí và năng lực triển khai.

Trợ lý đắc lực

Hào hứng hỏi - đáp với “nhân viên” robot khi đến thực hiện thủ tục cấp lại chứng nhận đăng ký kết hôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Hiệp Hòa, ông Trần Văn Nguyên, 67 tuổi, một người dân thôn Tứ cho biết: “Tuổi đã cao nên tôi rất ngại đi làm các thủ tục hành chính. Khi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, tôi thấy các quầy tiếp đón công dân đều rất đông người xếp hàng chờ hướng dẫn và làm thủ tục. Thấy có robot mới nên tôi ra xem và thử thao tác. Thật bất ngờ chỉ từ câu hỏi đầu tiên, robot trả lời ngay các giấy tờ cần chuẩn bị. Tôi kiểm tra lại những giấy tờ mang theo, bổ sung đầy đủ rồi đến gặp cán bộ nộp hồ sơ trực tuyến rất nhanh”.

Sau sáp nhập từ 5 đơn vị hành chính xã cũ với quy mô dân số lên tới 91 nghìn người, xã Hiệp Hòa đứng trước nguy cơ quá tải thủ tục hành chính. Khối lượng công việc tăng đột biến ngay từ những ngày đầu vận hành bộ máy mới. Trung tâm bố trí 13 cửa tiếp nhận và thêm 1 cán bộ hỗ trợ nhập hồ sơ dịch vụ công trực tuyến. Những ngày thường, bộ phận một cửa của Trung tâm Phục vụ hành chính công xã tiếp nhận và giải quyết khoảng 300 hồ sơ; cao điểm có thể lên tới 600 hồ sơ/ngày.

Trong bối cảnh đó, kể từ đầu tháng 4, xã Hiệp Hòa triển khai việc ứng dụng robot AI với chức năng lễ tân - hướng dẫn. Robot được doanh nghiệp hỗ trợ lắp đặt, cài đặt phần mềm có thể giao tiếp bằng giọng nói, trả lời nhanh các câu hỏi về thủ tục, thành phần hồ sơ, quy trình thực hiện... giúp người dân chủ động chuẩn bị trước khi đến quầy giao dịch.

Theo ông Nguyễn Văn Trinh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, robot AI giúp cán bộ tiết kiệm thời gian hướng dẫn ban đầu, tập trung nhiều hơn vào xử lý hồ sơ chuyên sâu. Nhờ vậy, công tác cải cách hành chính của xã đạt được nhiều kết quả tích cực, xếp hạng Bộ chỉ số cải cách hành chính của xã Hiệp Hòa trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia liên tục nằm trong top 20 xã, phường đứng đầu của tỉnh. Tỷ lệ hồ sơ có kết quả điện tử tăng từ 97,2% lên 99,46%, trong đó lĩnh vực đất đai tăng từ 51,17% lên 91,69%.

Trước đó, mô hình này cũng được triển khai thí điểm tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Kinh Bắc. Cùng với robot AI, phường Kinh Bắc bổ trí thêm “trạm số hóa” với 4 máy tính, 1 màn hình cảm ứng (smart touch) tích hợp trợ lý ảo, 2 cán bộ hướng dẫn hỗ trợ người dân thao tác dịch vụ công trực tuyến. Nhờ sự phối hợp linh hoạt giữa con người và công nghệ, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính tại đây đã nâng cao rõ rệt.

Tăng cường huấn luyện chuyên sâu

Được biết, việc triển khai robot AI trong lĩnh vực hành chính công mới được một số ít xã, phường trong tỉnh vận hành. Thực tế, mặc dù đem lại những lợi ích bước đầu song việc nhân rộng mô hình vẫn đặt ra không ít thách thức.

Tại xã Hiệp Hòa, chi phí thuê phần cứng và cài đặt phần mềm robot hiện khoảng 3 triệu đồng/tháng. Trong giai đoạn thí điểm, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đang hỗ trợ miễn phí hoặc ưu đãi. Tuy nhiên, nếu đầu tư mua mới, mỗi robot có giá hàng trăm triệu đồng, khiến việc triển khai phải trải qua nhiều bước thủ tục đầu tư.

Bên cạnh đó, hiệu quả của robot AI phụ thuộc lớn vào chất lượng dữ liệu và mức độ huấn luyện hệ thống. Nếu chỉ dừng ở mức trả lời chung chung, robot khó đáp ứng yêu cầu thực tế vốn rất đa dạng và chi tiết của người dân.

Do đó, các địa phương cần xây dựng bộ dữ liệu chuẩn hóa theo từng lĩnh vực thủ tục; cập nhật thường xuyên các quy định mới; lập trình các kịch bản hỏi - đáp sát với tình huống thực tế. Ngoài ra, cần đẩy mạnh công tác tập huấn cho cán bộ vận hành để không chỉ sử dụng thiết bị mà còn phải biết huấn luyện lại robot, bổ sung dữ liệu, điều chỉnh câu trả lời để phù hợp với nhu cầu người dân tại địa phương.

Một khó khăn khác là tâm lý và thói quen của người dân. Dù một số người tỏ ra hào hứng với công nghệ mới, nhưng vẫn còn bộ phận lớn người cao tuổi e ngại. Do đó, việc kết hợp hài hòa giữa robot và cán bộ hỗ trợ trực tiếp là cần thiết trong giai đoạn đầu.

Trong tổng thể tiến trình chuyển đổi số, robot AI không thay thế con người mà đóng vai trò trợ lý thông minh, giúp tối ưu hóa quy trình, nâng cao chất lượng phục vụ. Để nhân rộng và phát huy hiệu quả, các xã, phường cần có lộ trình đầu tư, xây dựng hệ sinh thái dữ liệu và năng lực vận hành phù hợp.

Bên cạnh đó, các địa phương cũng mong tỉnh sớm có cơ chế hỗ trợ chi phí, hướng dẫn chung về vận hành robot AI một cách đồng bộ, đúng quy định. Mục tiêu hướng tới là phục vụ người dân ngày càng nhanh chóng, minh bạch và hiệu quả.

Nguồn: baobacninhthv.vn

HÀ TỈNH: XÂY DỰNG NỀN HÀNH CHÍNH HIỆN ĐẠI, MINH BẠCH, PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN VÀ DOANH NGHIỆP

Ngày 05/5/2026, thông tin từ Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh cho biết vừa ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 534/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nhằm cụ thể hóa Kết luận số 226-KL/TW của Ban Bí thư về chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Kế hoạch đặt ra nhiều mục tiêu và giải pháp đồng bộ, hướng tới xây dựng nền hành chính hiện đại, minh bạch, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Kế hoạch nhằm tổ chức quán triệt sâu rộng, triển khai nghiêm túc và đồng bộ các nội dung chỉ đạo của Trung ương, tạo chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn toàn tỉnh. Trọng tâm là khắc phục những hạn chế trong lề lối làm việc, loại bỏ biểu hiện hình thức; nâng cao chất lượng ban hành văn bản theo hướng tinh gọn, hiệu quả; đồng thời siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Một trong những yêu cầu nổi bật là đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thúc đẩy chuyển đổi số, đổi mới phương thức làm việc theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, đề cao trách nhiệm cá nhân. Quan điểm “lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm” được xác định là thước đo đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính.

Chỉ tiêu cụ thể trong năm 2026 là giảm tối thiểu 10% số lượng hội nghị; tỷ lệ hội nghị trực tuyến đạt từ 60% trở lên; trên 95% thủ tục hành chính và văn bản được xử lý trên môi trường số. Việc triển khai được gắn với các chương trình cải cách hành chính và chuyển đổi số của Chính phủ và của tỉnh.

Để nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản, các cơ quan, đơn vị được yêu cầu bảo đảm ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; không ban hành văn bản hành chính đối với những nội dung đã được quy định rõ. Cơ quan chủ trì soạn thảo phải chịu trách nhiệm toàn diện về tiến độ và chất lượng văn bản; Sở Tư pháp thực hiện thẩm định, kiểm soát chặt chẽ theo quy định.

Về tổ chức hội họp, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xây dựng lịch họp khoa học, hạn chế trùng lặp, ưu tiên họp trực tuyến và họp không giấy tờ. Thời gian hội nghị được kiểm soát chặt, tăng cường thảo luận, giảm trình bày báo cáo.

Trong cải cách hành chính, các sở, ngành và địa phương có trách nhiệm rà soát chức năng, nhiệm vụ, bảo đảm nguyên tắc “một việc - một đầu mối chịu trách nhiệm”. Ở cấp cơ sở, mỗi nhiệm vụ phát sinh phải được phân công rõ ràng cho từng cá nhân, tránh chồng chéo, đùn đẩy trách nhiệm.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, kết nối hệ thống báo cáo của tỉnh với Trung ương. Sở Khoa học và Công nghệ tập trung hoàn thiện hạ tầng số, xây dựng các hệ thống dữ liệu và nền tảng điều hành thông minh, bảo đảm 100% văn bản, báo cáo được xử lý qua môi trường mạng.

Công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường. Thanh tra tỉnh và Sở Nội vụ sẽ thường xuyên kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính; đồng thời tham mưu xử lý nghiêm các hành vi gây nhũng nhiễu, phiền hà. Kết quả thực hiện kế hoạch được đưa vào tiêu chí đánh giá, xếp loại cơ quan, đơn vị và người đứng đầu.

Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả triển khai; đồng thời phải tăng cường tự kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh sai phạm trong nội bộ. Các cơ quan, đơn vị, địa phương phải xây dựng chương trình triển khai cụ thể, định kỳ báo cáo kết quả về Sở Nội vụ để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo kịp thời.

Nguồn: daibieunhandan.vn

ĐÀ NẴNG: MỘT NĂM VẬN HÀNH MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP - NHÌN TỪ HIỆU QUẢ CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

Chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở qua một năm vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp được định lượng qua các chỉ số đánh giá và thước đo cao nhất là sự hài lòng của người dân, tổ chức trong giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

Ưu tiên giải quyết công việc của dân

Mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã được vận hành theo cơ chế cấp ủy lãnh đạo; chính quyền tổ chức triển khai thực hiện; Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc phối hợp giám sát, kiểm tra; các đoàn thể chính trị tích cực hỗ trợ, hướng dẫn công dân trong thực hiện thủ tục hành chính.

Từ đó, huy động sự tham gia trách nhiệm của cả hệ thống chính trị giúp nâng cao chất lượng phục vụ người dân, nhất là khi chính quyền địa phương được tổ chức lại theo mô hình mới, cấp xã là cấp trực tiếp thực hiện nhiều thủ tục hành chính được phân cấp, phân quyền trên nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước.

Bên cạnh đó, lãnh đạo cấp xã thường xuyên tiếp xúc, ghi nhận những kiến nghị, phản ánh của công dân, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh hạn chế của cán bộ, công chức trong thực hiện công vụ; hướng dẫn, giải đáp những vướng mắc, tạo đồng thuận cao của công dân, doanh nghiệp.

Ngoài tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính theo bộ thủ tục hành chính được công bố, các địa phương còn trực tiếp nhận và giải quyết nhanh chóng các yêu cầu, đề nghị khác của công dân phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội.

Nói về hiệu quả cung cấp dịch vụ hành chính công tại địa phương từ khi triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, ông Nguyễn Hữu Bình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phú Ninh chia sẻ: Các chỉ số đánh giá như tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước và đúng hạn đạt

99,95%; tỷ lệ thực hiện dịch vụ công trực tuyến đạt 99,42%; tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt 100%... là minh chứng thể hiện rõ quyết tâm của địa phương trong việc đưa công tác cải cách thủ tục hành chính đi vào thực chất, tạo dựng niềm tin đối với nhân dân.

Phường Cẩm Lệ là một trong 12 xã, phường đã được Ủy ban nhân dân thành phố xếp loại xuất sắc về thực hiện công tác cải cách hành chính. Bà Nguyễn Thị Hiền, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Cẩm Lệ thông tin: Từ ngày 01/7/2025 đến nay, tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết đúng hạn và trước hạn của địa phương đạt 99,99%; chỉ số mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đạt 18/18 điểm theo Bộ chỉ số trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Để có được kết quả đó, thời gian qua, cùng với tập trung đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức về chuyên môn nghiệp vụ, kỷ luật kỷ cương hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công phường duy trì phân công 2 phó giám đốc và 1 cán bộ trực tiếp phụ trách công tác tiếp đón và hướng dẫn, hỗ trợ công dân. Đồng thời phối hợp với Đoàn Thanh niên phường thành lập Tổ xung kích hỗ trợ người dân hằng ngày tại trung tâm và khu dân cư...

Từng bước nâng cao chỉ số hài lòng

Lấy sự hài lòng làm thước đo chất lượng, phường An Khê đã và đang triển khai áp dụng nhiều tiện ích phục vụ công dân. Ông Trương Thanh Toàn, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường An Khê cho hay, Trung tâm Phục vụ hành chính công phường triển khai sử dụng hệ thống máy bấm số thứ tự bằng mã QR Code.

Người dân dễ dàng quét mã QR bằng điện thoại để lấy số thứ tự trực tuyến, không cần thao tác trực tiếp trên máy, giúp tiết kiệm thời gian và giảm tình trạng tập trung đông người. Công dân có thể theo dõi lượt phục vụ và thứ tự đang xử lý thông qua màn hình hiển thị hoặc trên điện thoại, giúp chủ động thời gian chờ đợi.

Năm 2026, Ủy ban nhân dân phường An Khê còn triển khai mô hình “Thẻ ưu tiên khi thực hiện thủ tục hành chính”. Theo đó, trung tâm tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính đối với người thuộc diện ưu tiên như thương binh, bệnh binh; người cao tuổi; phụ nữ mang thai; người khuyết tật. Áp dụng cơ chế ưu tiên bằng thẻ nhận diện chính thức, thay vì chỉ linh hoạt theo cảm tính, tạo cho công dân cảm giác được tôn trọng và quan tâm, giúp người dân dễ dàng tiếp cận dịch vụ công, đồng thời thể hiện chính quyền thân thiện, nhân văn.

Nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã sau một năm thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố đã tổ chức khảo sát thực tế tại 14 đơn vị hành chính xã, phường.

Kết quả khảo sát ghi nhận: Việc thành lập và vận hành hoạt động Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính của tổ chức, công dân; đáp ứng đúng mục tiêu, yêu cầu về tổ chức mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã xác định rõ chất lượng và hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công cùng cấp. Các địa phương đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đa dạng giải pháp để phát

huy ưu điểm, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh hạn chế, từng bước nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong tiếp cận và thực hiện thủ tục hành chính.

Đáng chú ý, đến nay các Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã cơ bản bố trí đầy đủ nhân sự và kịp thời điều phối, bổ sung nhân lực theo yêu cầu thực tế đảm bảo phục vụ người dân tốt nhất. Trang thiết bị, cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân.

Ủy ban nhân dân các xã, phường cũng đã chỉ đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công trực thuộc xây dựng các tiện ích miễn phí phục vụ người dân, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, hỗ trợ tổ chức, công dân thực hiện các thủ tục hành chính; quy chế phối hợp...

Qua đó, công tác cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn các xã, phường có những kết quả rõ nét, đạt các điểm số theo quy định và từng bước nâng cao chỉ số hài lòng của người dân. Tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức chuyển biến tích cực, thể hiện tính chuyên nghiệp, trách nhiệm, đúng tinh thần “hành chính phục vụ” người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn theo đúng chủ trương khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Nguồn: baodanang.vn

THÀNH PHỐ HUẾ: ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Cắt giảm giấy tờ, đơn giản hóa thủ tục hành chính và đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến, thành phố Huế đang nâng cao chất lượng phục vụ, giúp người dân và doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí; đồng thời từng bước xây dựng nền hành chính minh bạch, hiện đại, lấy người dân và DN làm trung tâm.

Giảm giấy tờ, tiết kiệm chi phí cho người dân

Từ những rà soát chi tiết, cụ thể, nhiều thủ tục đã được đề xuất đơn giản hóa theo hướng giảm giấy tờ, tạo thuận lợi hơn trong thực hiện. Với thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ, thành phố kiến nghị chỉ yêu cầu bản sao hợp lệ “Bảng Tổ quốc ghi công” thay cho bản sao chứng thực. Việc điều chỉnh này giúp rút ngắn thời gian chuẩn bị hồ sơ, giảm chi phí sao y, chứng thực.

Tương tự, thủ tục công nhận người bị thương trong chiến tranh không thuộc lực lượng quân đội, công an cũng được đề xuất đơn giản hóa thành phần hồ sơ. Chi phí tuân thủ dự kiến giảm từ 916.000 đồng xuống còn 392.000 đồng mỗi năm, tương đương mức cắt giảm hơn 57%.

Ở góc độ doanh nghiệp, nhiều thủ tục trong các lĩnh vực tư pháp, khoa học - công nghệ, công thương... đang được rà soát, đề xuất đơn giản hóa, tập trung vào các nội dung như hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và các thủ tục liên quan thẩm định, công nhận kết quả chuyên ngành.

Đơn cử, thủ tục đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được đề xuất rút gọn quy trình, giảm thành phần hồ sơ. Nếu được thông qua, doanh nghiệp không

phải chuẩn bị nhiều loại giấy tờ chứng minh lặp lại, qua đó giảm thời gian hoàn thiện hồ sơ và chi phí phát sinh.

Các thủ tục liên quan xét tặng giải thưởng khoa học - công nghệ, hỗ trợ đổi mới sáng tạo, phát triển du lịch cộng đồng cũng được đề xuất tinh gọn hồ sơ, rõ ràng quy trình. Qua đó, doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và khởi nghiệp, dễ tiếp cận chính sách hơn, giảm rào cản khi tham gia các chương trình hỗ trợ của Nhà nước.

Năm 2025, thành phố Huế đã kiến nghị đơn giản hóa 40 thủ tục hành chính thuộc 8 lĩnh vực, với tổng chi phí tuân thủ dự kiến giảm khoảng 35%, tương đương gần 24 triệu đồng mỗi năm. Những thay đổi tưởng nhỏ nhưng tác động trực tiếp đến người dân và doanh nghiệp, giúp giảm áp lực giấy tờ, chi phí, thời gian đi lại - lâu nay vốn là “nút thắt” trong cải cách hành chính.

Ông Trương Công Lê Hoàng, Giám đốc Công ty Dịch vụ du lịch Việt Trung cho biết: “Việc cắt giảm giấy tờ và thực hiện trực tuyến giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong sản xuất, kinh doanh, nhất là với những thủ tục cần xử lý nhanh”.

Đồng bộ cải cách, hướng đến chính quyền phục vụ

Không chỉ tập trung cắt giảm thủ tục, thành phố Huế đang triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng phục vụ. Trong quý I năm 2026, toàn thành phố đã tiếp nhận và xử lý hơn 69.500 hồ sơ thủ tục hành chính, trong đó 92% số hồ sơ được thực hiện trực tuyến. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn đạt tỷ lệ 99%, cho thấy hiệu quả từ việc ứng dụng công nghệ và chuẩn hóa quy trình giải quyết.

Một điểm mới trong cải cách là việc từng bước thay thế hồ sơ giấy bằng dữ liệu. Thành phố đang đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống, hướng đến nguyên tắc không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại những thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia. Đây được xem là bước chuyển quan trọng, góp phần giảm phiền hà và nâng cao chất lượng phục vụ.

Trên nền tảng đó, toàn bộ thủ tục hành chính đã được công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia và hệ thống của thành phố; các thủ tục đủ điều kiện đều được cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Việc triển khai 166 điểm hỗ trợ dịch vụ công tại cơ sở cũng giúp người dân tiếp cận thuận lợi hơn, nhất là trong bối cảnh sắp xếp đơn vị hành chính.

Cùng với đó, mô hình “một cửa, một cửa liên thông” tiếp tục được hoàn thiện theo hướng tinh gọn, minh bạch. Đặc biệt, việc thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính đã tạo thuận lợi rõ rệt, giúp người dân, doanh nghiệp có thể lựa chọn nơi nộp hồ sơ phù hợp, giảm thời gian đi lại và nâng cao hiệu quả giao dịch hành chính.

Ông Ngô Văn Tuấn, Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố cho biết: “Khi dữ liệu được kết nối, việc giải quyết hồ sơ sẽ nhanh hơn, hạn chế tình trạng yêu cầu người dân bổ sung nhiều lần, đồng thời tăng tính minh bạch trong xử lý”.

Dù vậy, thực tế vẫn còn một số khó khăn, nhất là ở các thủ tục liên thông hoặc lĩnh vực đất đai, khi thời gian xử lý còn kéo dài. Việc phối hợp giữa các cơ quan trong một số trường

hợp chưa đồng bộ cũng là vấn đề đặt ra cần tiếp tục khắc phục. Đây là những “điểm nghẽn” mà thành phố đang tập trung xử lý trong thời gian tới.

Từ những chuyển biến cụ thể, có thể thấy cải cách thủ tục hành chính tại thành phố Huế không chỉ dừng ở việc cắt giảm giấy tờ, mà đang từng bước thay đổi phương thức từ “quản lý” sang “phục vụ”. Khi thủ tục được đơn giản, quy trình minh bạch và dịch vụ ngày càng thân thiện, đó cũng là nền tảng để xây dựng một nền hành chính hiện đại, phục vụ và phát triển bền vững.

Nguồn: [huengaynay.vn](#)

GIA LAI: CHẤM CHỈNH CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

Để nâng cao kết quả thực hiện Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai chỉ đạo khẩn trương chấm chỉnh công tác tiếp nhận, xử lý và giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai vừa ban hành văn bản chỉ đạo các sở, ban, ngành và địa phương tiếp tục triển khai các giải pháp nhằm nâng cao kết quả thực hiện Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, khẩn trương tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao kết quả thực hiện Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp. Đối với những đơn vị có điểm số chưa cao từ đầu năm 2026 đến nay, cần tập trung rà soát nguyên nhân, xác định rõ trách nhiệm và đề ra giải pháp khắc phục cụ thể, bảo đảm tạo chuyển biến rõ rệt, thực chất trong thời gian tới.

Trong đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường khẩn trương chấm chỉnh công tác tiếp nhận, xử lý và giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai. Đồng thời, rà soát, khắc phục các bất cập liên quan đến quy trình xử lý, phần mềm chuyên ngành, cũng như việc kết nối, đồng bộ dữ liệu, bảo đảm tiến độ và chất lượng giải quyết hồ sơ, tránh ảnh hưởng đến kết quả chung của tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh đoàn tăng cường chỉ đạo các tổ chức cơ sở Đoàn và tổ công nghệ số cộng đồng đẩy mạnh hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến, đặc biệt tại các địa bàn còn khó khăn về kỹ năng số và điều kiện tiếp cận công nghệ.

Việc nâng cao kết quả thực hiện Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp được xác định là nhiệm vụ quan trọng, góp phần phản ánh thực chất chất lượng giải quyết thủ tục hành chính và mức độ phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Đây cũng là giải pháp thiết thực nhằm thúc đẩy cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, công khai, minh bạch, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc, khẩn trương triển khai các nhiệm vụ được giao, phấn đấu cải thiện kết quả, nâng cao chất lượng phục vụ và vị trí xếp hạng của tỉnh trong thời gian tới.

Nguồn: baogialai.com.vn

KHÁNH HÒA: CẢI THIỆN SIPAS, HƯỚNG TỚI “RẤT HÀI LÒNG”

Kết quả khảo sát chỉ số hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh (SIPAS) năm 2025 cho thấy nhiều chuyển biến tích cực, tạo động lực để tỉnh tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ, hướng tới gia tăng mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

Chuyển biến tích cực

Năm 2025, chỉ số SIPAS bình quân của 3 khối đơn vị, địa phương đạt 88,24%, tiếp tục duy trì xu hướng tích cực. Trong đó, khối Ủy ban nhân dân cấp xã có chỉ số cao nhất; gần sát là khối sở; khối cơ quan ngành dọc thấp hơn không nhiều. Ở cả 3 khối, tỷ lệ khách hàng không hài lòng, rất không hài lòng đều dưới 1%. Tiêu chí “Sự phục vụ của công chức, viên chức” đạt trên 90%. Đa số khách hàng đánh giá, quy trình tiếp nhận, trả kết quả công khai, minh bạch. Tỷ lệ giải quyết đúng hạn đạt cao. Hiện tượng nhũng nhiễu, tiêu cực có tỷ lệ phản ánh rất thấp.

Ở khối sở, tỷ lệ cơ quan có SIPAS trên 90% chiếm 66,67%, đạt mục tiêu đề ra. Hầu hết khách hàng đánh giá việc hỗ trợ, giải đáp vướng mắc tạm được hoặc rất hài lòng. Phần lớn khách hàng cho biết không gặp nhiều khó khăn khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến; thủ tục hành chính không phức tạp; hồ sơ đơn giản hoặc rất đơn giản, hợp lý. Việc tiếp nhận hồ sơ nhìn chung khách quan, minh bạch, công bằng; đội ngũ công chức có thái độ tận tình, lịch sự, không phát sinh yêu cầu chi phí ngoài quy định.

Khảo sát cho thấy, tại khối sở, kỳ vọng của khách hàng đã chuyển từ cải thiện hành vi phục vụ sang hoàn thiện hạ tầng, chuẩn hóa quy trình, nâng cao năng lực vận hành số. Trong khi đó, mong muốn của người dân đối với khối cơ quan ngành dọc tập trung vào việc đơn giản hóa, rút ngắn quy trình giải quyết thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng, tính ổn định của hệ thống dịch vụ công trực tuyến; tăng cường tính chuyên nghiệp, trách nhiệm giải trình trong thực thi công vụ.

Ở khối Ủy ban nhân dân cấp xã, các địa phương có chỉ số SIPAS cao, gồm: Cam Linh, Trung Khánh Vĩnh, Ninh Hòa, Phước Dinh, Diên Lâm. Riêng ở tiêu chí “Sự phục vụ của công chức - viên chức”, có 5 địa phương đạt trên 95% là: Nam Nha Trang, Cam Linh, Bắc Nha Trang, Nam Khánh Vĩnh, Trung Khánh Vĩnh; 41/64 địa phương đạt mục tiêu kế hoạch. Bà Đỗ Thị Thanh Thảo (Tổ dân phố Phước Lợi 3, phường Nam Nha Trang) cho biết: “Công chức hỗ trợ tôi làm thủ tục đăng ký thành lập hộ kinh doanh rất nhiệt tình. Tôi hài lòng”. Nhìn chung, đa số người dân mong muốn cấp xã tiếp tục củng cố hạ tầng kỹ thuật, ổn định hệ thống phần mềm và nâng cao hiệu quả xử lý thủ tục hành chính.

Tiếp tục nâng cao mức độ hài lòng

Theo đánh giá của Sở Nội vụ, bên cạnh những chuyển biến tích cực, SIPAS năm 2025 vẫn chưa thật bền vững. Tháng 4, Ủy ban nhân dân tỉnh có công văn yêu cầu từng đơn vị, địa phương khẩn trương xây dựng kế hoạch cải thiện, nâng cao SIPAS, xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, kết quả đầu ra theo nguyên tắc “6 rõ” (rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ sản phẩm, rõ trách nhiệm, rõ hiệu quả) và triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ.

Trong đó, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu quán triệt sâu sắc quan điểm lấy sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo và mục tiêu xuyên suốt trong thực thi công vụ; xác định đây là nhiệm vụ chính trị thường xuyên, liên tục của mỗi cơ quan, đơn vị và từng cán bộ, công chức - viên chức; đồng thời là tiêu chí bắt buộc trong đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu. Các đơn vị đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính; chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức - viên chức có tinh thần phục vụ, thái độ chuẩn mực, văn minh, chuyên nghiệp; chuyển mạnh từ tư duy “quản lý” sang “phục vụ”, từ “đáp ứng” sang “chủ động phục vụ”, nâng chuẩn từ “hài lòng” lên “rất hài lòng”. Chủ động, kịp thời cập nhật, công khai đầy đủ các quy định, chính sách, thủ tục hành chính, biểu mẫu mới; đa dạng hình thức cung cấp thông tin; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, nền tảng trực tuyến để hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân. Tập trung rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh; đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình dựa trên dữ liệu; thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến và các giải pháp thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Bên cạnh đó, các đơn vị tuân thủ nghiêm cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính đầy đủ, rõ ràng, chính xác; chỉ được yêu cầu bổ sung hồ sơ 1 lần. Trường hợp giải quyết quá hạn, phải có văn bản xin lỗi chậm nhất trước 1 ngày, nêu rõ lý do và thời gian gia hạn; chỉ được hện lại 1 lần với thời gian gia hạn tối đa bằng thời hạn giải quyết thủ tục hành chính theo quy định. Đồng thời, tập trung nâng cao tỷ lệ hồ sơ giải quyết sớm hạn, giảm hồ sơ trễ hạn; tăng cường theo dõi, kiểm soát hồ sơ sắp đến hạn, không để quá hạn do chủ quan. Rà soát, khắc phục triệt để tình trạng chậm trả kết quả đối với hồ sơ đã giải quyết trước hạn; bảo đảm thống nhất, đồng bộ hồ sơ điện tử và hồ sơ giấy. Đồng thời, thường xuyên rà soát, cập nhật, công khai đầy đủ, minh bạch các kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, bảo đảm dễ tiếp cận, sử dụng và xử lý, trả lời đúng hạn; định kỳ tổng hợp để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục; không để phát sinh phản ánh, kiến nghị kéo dài với cùng nội dung. Sở Nội vụ tham mưu xem xét trách nhiệm gắn với đánh giá, xếp hạng công tác cải cách hành chính, công tác cán bộ đối với trường hợp không triển khai hoặc triển khai không nghiêm túc, chậm cải thiện SIPAS...

Nguồn: baokhanhhoa.vn

AN GIANG: SƠ KẾT 1 NĂM SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, HOẠT ĐỘNG CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP

Chiều ngày 06/5/2026, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Hồ Văn Mừng chủ trì Hội nghị sơ kết 1 năm sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp; bàn giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.

Sau 1 năm thực hiện, tỉnh An Giang đã cơ bản hoàn thành việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp vận hành ổn định, thông suốt, không gián đoạn, phục vụ tốt nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Các cơ quan hành chính được kiện toàn, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, giảm đầu mối trung gian, góp phần tiết kiệm ngân sách và rút ngắn quy trình xử lý công việc.

Phát biểu tại hội nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hồ Văn Mừng khẳng định việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp trên địa bàn tỉnh An Giang là chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước, phù hợp thực tiễn, mô hình đã tạo ra dư địa và không gian phát triển mới cho tỉnh An Giang.

Đặc biệt, việc tinh gọn bộ máy đã giúp tiết kiệm đáng kể ngân sách chi thường xuyên, qua đó tạo nguồn lực để thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh xã hội. Công tác chỉ đạo, điều hành được thực hiện trực tiếp từ cấp tỉnh đến cấp xã, không qua trung gian, góp phần rút ngắn thời gian xử lý công việc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Từ những kết quả và thuận lợi đạt được, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đã và đang góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh An Giang, thể hiện rõ qua những kết quả tích cực trong năm 2025 và những tháng đầu năm 2026.

Bên cạnh những mặt đạt được, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cũng đã chỉ ra những khó khăn, vướng mắc trong quá trình vận hành chính quyền địa phương 2 cấp trên địa bàn tỉnh An Giang: Tình trạng thừa, thiếu cục bộ cán bộ giữa các địa phương, đơn vị; năng lực, trình độ của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; cơ sở vật chất hạ tầng ở cấp xã còn thiếu đồng bộ; việc sắp xếp, xử lý tài sản dôi dư còn khó khăn; chế độ đãi ngộ cho cán bộ chưa được điều chỉnh.

Đối với những khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền của tỉnh, thời gian qua, tỉnh đã chủ động chỉ đạo thực hiện tháo gỡ và tiếp tục thực hiện trong thời gian tới.

Đối với những khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền của Trung ương giải quyết, tỉnh kiến nghị Trung ương tiếp tục có hướng dẫn, cơ chế chính sách để tỉnh xử lý tài sản nhà đất dôi dư đạt hiệu quả; sớm ban hành chính sách tiền lương và phụ cấp thống nhất trong toàn hệ thống chính trị, đảm bảo cán bộ, công chức sống được bằng lương để yên tâm công hiến.

Tỉnh An Giang kiến nghị Trung ương sớm giao biên chế dựa vào quy mô dân số và đặc thù tình hình địa phương để tổ chức tiếp nhận, tuyển dụng, giải quyết tình trạng quá tải công việc và thiếu hụt nhân sự chuyên môn tại cấp xã, phường, đặc khu...

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị các sở, ngành khẩn trương bổ sung các nội dung, số liệu thuộc lĩnh vực mình gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp, hoàn chỉnh báo cáo, trình Ủy ban nhân dân ký, gửi Trung ương theo quy định.

Đối với công tác cải cách hành chính, nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thu hút nguồn lực phát triển, trong thời gian qua, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có nhiều văn bản chỉ đạo cụ thể, kịp thời về cải cách hành chính, bám sát chỉ đạo của Trung ương.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện nghiêm các văn bản chỉ đạo của tỉnh đã ban hành. Sở Nội vụ khẩn trương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập đoàn kiểm tra công tác cải cách hành chính; tổ chức hội nghị đánh giá kết quả công tác cải cách hành chính năm 2025; thực hiện nghiêm việc cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục theo kế hoạch, đề án của bộ, ngành Trung ương. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp các sở, ngành theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ ngày 25 hàng tháng về tình hình cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Sở Khoa học và Công nghệ trong thời gian ngắn nhất thực hiện cắt giảm bộ thủ tục hành chính cấp tỉnh.

Về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh khi tiếp nhận đơn thư, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp khẩn trương tham mưu Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý ngay. Sở Khoa học và Công nghệ nghiên cứu mô hình hay, ứng dụng triệt để chuyển đổi số, khoa học công nghệ vào cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh...

Nguồn: baoangiang.com.vn

TÂY NINH: THÍ ĐIỂM DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG CHỦ ĐỘNG

Tỉnh Tây Ninh đang đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực hành chính công, hướng tới xây dựng nền hành chính phục vụ, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm. Một bước đi đáng chú ý là việc Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thí điểm mô hình “Hành chính công chủ động”, góp phần kiến tạo hệ sinh thái số đồng bộ, hiện đại.

Theo Giám đốc Trung tâm hành chính công tỉnh Tây Ninh Lưu Hiếu Trung, sau hơn hai tháng triển khai, hệ thống hành chính công chủ động cơ bản đã hoàn thành việc cài đặt, cấu hình tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh. Các điều kiện kỹ thuật cần thiết đã được bảo đảm, sẵn sàng cho việc tích hợp, kết nối và vận hành thử nghiệm trong thời gian tới.

Điểm nổi bật của hệ thống là đã tích hợp nhiều kênh thông báo như tin nhắn SMS, Zalo và thư điện tử. Qua đó, tạo nền tảng triển khai các dịch vụ hành chính công theo hướng chủ động, giúp cơ quan nhà nước kịp thời cung cấp thông tin, nhắc việc, nâng cao khả năng tương tác với người dân và doanh nghiệp.

Đồng thời, hệ thống bước đầu đã kết nối, liên thông với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, phục vụ việc khai thác, sử dụng thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

Về dữ liệu, hiện có 15/59 thủ tục hành chính (chiếm khoảng 25%) đã được cập nhật đầy đủ, đủ điều kiện triển khai thí điểm ở cấp độ 1, chủ yếu là chức năng nhắc việc. Tuy nhiên, vẫn còn 44 thủ tục (chiếm 75%) chưa có dữ liệu hoặc dữ liệu chưa hoàn thiện, ảnh hưởng đến tiến độ đưa vào vận hành đồng bộ. Trước thực tế này, các sở, ngành đang tích cực rà soát, bổ sung, chuẩn hóa và đồng bộ dữ liệu theo cấu trúc thống nhất.

Đáng chú ý, tỉnh đang triển khai kết nối với phần mềm quản lý bệnh viện (HIS) của các cơ sở y tế trên địa bàn, trong đó có Bệnh viện Long An và Tây Ninh. Đây là những đơn vị có số lượng lớn các trường hợp phát sinh khai sinh, khai tử và các dịch vụ thiết yếu, có tính lan tỏa cao. Khi việc kết nối hoàn tất, hiệu quả phục vụ người dân dự kiến sẽ được nâng lên rõ rệt.

Bên cạnh những kết quả bước đầu, quá trình triển khai vẫn còn không ít khó khăn. Nguồn dữ liệu còn thiếu và chưa đầy đủ; nhiều trường thông tin quan trọng như số điện thoại, thời hạn hiệu lực chưa được cập nhật. Hình thức cung cấp dữ liệu chủ yếu dưới dạng tệp Excel, thiếu kết nối trực tiếp, gây khó khăn trong việc đồng bộ và cập nhật thường xuyên. Ngoài ra, một số dữ liệu chưa được tích hợp đầy đủ sau khi điều chỉnh địa giới hành chính.

Để bảo đảm tiến độ, tỉnh đặt mục tiêu trước ngày 10/5/2026 hoàn thành phê duyệt hồ sơ an toàn thông tin cấp độ 3; đồng thời hoàn tất kết nối với hệ thống giải quyết thủ tục hành chính và hệ thống HIS của các bệnh viện.

Từ giữa đến cuối tháng 5/2026, các đơn vị tiếp tục hoàn thiện dữ liệu, khắc phục các lỗi phát sinh, đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các kênh thông tin nhằm nâng cao nhận thức của người dân và doanh nghiệp.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh Phạm Tấn Hòa yêu cầu các sở, ngành tăng cường phối hợp, cung cấp dữ liệu bảo đảm tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống”; đồng thời đẩy nhanh tiến độ kết nối, hoàn thiện hệ thống theo kế hoạch đề ra.

Việc triển khai thí điểm mô hình Hành chính công chủ động không chỉ góp phần nâng cao chất lượng phục vụ mà còn thể hiện quyết tâm của tỉnh Tây Ninh trong xây dựng chính quyền số, hướng tới nền hành chính hiện đại, minh bạch, hiệu quả.

Nguồn: nhandan.vn

CẦN THƠ: KHẨN TRƯNG TRIỂN KHAI SẮP XẾP, KIỆN TOÀN SỐ LƯỢNG PHÒNG CHUYÊN MÔN CẤP XÃ

Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ vừa tổ chức hội nghị sơ kết 1 năm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp.

Sắp xếp bộ máy hành chính bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đúng quy định

Trên cơ sở các chủ trương, định hướng của Trung ương và Thành ủy về sắp xếp tổ chức bộ máy theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, thành phố Cần Thơ đã triển khai thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và đúng quy định.

Đến nay, thành phố có 14 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân thành phố và 1 trung tâm phục vụ hành chính công thành phố, 103 trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã; 1.494 đơn vị sự nghiệp công lập (gồm 238 đơn vị cấp thành phố và 1.256 đơn vị cấp xã). Sau sắp xếp, các đầu mối trung gian được cắt giảm, giảm số lượng người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

Sắp xếp cán bộ: Điều động, biệt phái cán bộ về xã, phường

Về công tác sắp xếp cán bộ, thành phố đã bố trí tổng số lượng phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã là 205 người/103 xã, phường (thấp hơn quy định 52,5 người, trong đó có 100 xã, phường bố trí 2 phó chủ tịch, 2 xã bố trí 1 phó chủ tịch và 1 xã bố trí 3 phó chủ tịch).

Đến ngày 30/4/2026, thành phố đã điều động, biệt phái là 596 cán bộ, công chức; tăng cường 8 công chức, viên chức về các xã, phường. Qua đó, kịp thời hỗ trợ những địa bàn khó khăn, lĩnh vực có khối lượng công việc nhiều, góp phần hạn chế tình trạng khoảng trống nhân sự và nâng cao chất lượng điều hành ở cấp xã.

Tại hội nghị, các đại biểu cho rằng sau khi chính quyền địa phương 2 cấp chính thức vận hành, khối lượng công việc phát sinh trong thực tế ngày càng nhiều, cán bộ, công chức phải đảm nhận nhiều công việc dẫn đến công chức thường xuyên trong tình trạng quá tải.

Ở một số lĩnh vực như giáo dục, y tế, đất đai, xây dựng, tài chính - kế toán, công nghệ thông tin vẫn còn tình trạng thiếu cán bộ đúng chuyên môn hoặc chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn chưa chủ động tổ chức thực hiện nhiệm vụ, giải quyết công việc thuộc thẩm quyền, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện nhiệm vụ.

Khẩn trương triển khai sắp xếp, kiện toàn số lượng phòng chuyên môn cấp xã

Phát biểu chỉ đạo tại hội nghị, đồng chí Trương Cảnh Tuyên - Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ yêu cầu thời gian tới các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục rà soát, hoàn thiện tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; bảo đảm phân công, phân cấp rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền; khẩn trương triển khai việc kiện toàn số lượng phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi có ý kiến thống nhất của Ban Thường vụ Thành ủy.

Tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, nhất là năng lực chuyên đổi số; đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyên đổi số toàn diện; hoàn thiện hạ tầng số, cơ sở dữ liệu dùng chung; xây dựng nền hành chính công khai, minh bạch, hiện đại, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

Các sở, ngành, địa phương phải chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời tháo gỡ khó khăn phát sinh từ cơ sở; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng né tránh trách nhiệm, đùn đẩy công việc hoặc gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

Nguồn: baohinhphu.vn

CÀ MAU: SẮP XẾP BỘ MÁY TẬP TRUNG XỬ LÝ TÀI SẢN DÔI DƯ, BỐ TRÍ TRỤ SỞ, CHÍNH SÁCH CHO CÁN BỘ

Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau tổ chức hội nghị sơ kết 1 năm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp.

Sắp xếp bộ máy, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp đồng bộ, quyết liệt

Phát biểu khai mạc hội nghị, đồng chí Lữ Quang Ngời - Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhấn mạnh: Thực hiện chủ trương của Trung ương về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, tỉnh Cà Mau đã triển khai đồng bộ, quyết liệt với tinh thần khẩn trương, nghiêm túc và trách nhiệm cao.

Đây là nhiệm vụ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, tác động sâu rộng đến tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và hoạt động quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Sơ kết 1 năm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp có ý nghĩa rất quan trọng, làm cơ sở để đánh giá khách quan, toàn diện kết quả đạt được; làm rõ những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; đồng thời xác định phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới.

Đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị, các đại biểu tập trung thảo luận, đánh giá sát thực tiễn việc vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, nhất là ở cấp cơ sở; làm rõ hiệu quả phân cấp, phân quyền giữa các cấp; chỉ ra những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện cũng như những mô hình hay, cách làm hiệu quả để nhân rộng, điển hình.

Kiện toàn chính quyền địa phương 2 cấp, giảm tầng nấc trung gian, nâng cao hiệu lực quản lý

Theo báo cáo tại hội nghị, sau 1 năm thực hiện, bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp cơ bản được kiện toàn, từng bước hoạt động ổn định; chức năng, nhiệm vụ giữa các cấp được phân định rõ hơn, giảm tầng nấc trung gian, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước.

Công tác phân cấp, phân quyền được đẩy mạnh, tạo tính chủ động cho địa phương, nhất là cấp cơ sở.

Công tác cải cách hành chính có nhiều chuyển biến tích cực; hệ thống Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã hoạt động thông suốt, tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp được nâng lên.

Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành tiếp tục được quan tâm triển khai.

Tập trung xử lý tài sản dôi dư, bố trí trụ sở, chính sách cho cán bộ

Tại hội nghị, các đại biểu tập trung thảo luận nhiều nội dung liên quan đến xử lý tài sản, bố trí trụ sở làm việc, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức; công tác quy hoạch, bố trí nhà công vụ; biên chế, đảm bảo hoạt động thông suốt của Trung tâm Phục vụ hành chính công; hạ tầng công nghệ số và sắp xếp các cơ sở giáo dục khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Hoàn thiện sắp xếp bộ máy, đảm bảo và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ

Kết luận hội nghị, Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lữ Quang Ngời yêu cầu các sở, ngành, các đơn vị, chính quyền địa phương phải thẳng thắn nhìn nhận một số khó khăn, vướng mắc từ đó kịp thời đề xuất giải pháp cụ thể, khả thi để tiếp tục hoàn thiện mô hình, nâng cao hiệu quả hoạt động; khắc phục hạn chế, phát huy những ưu điểm.

Trong thời gian tới, các sở, ngành, đơn vị, chính quyền các địa phương phải bám sát vào sự chỉ đạo, điều hành của Trung ương, của tỉnh; tăng cường vai trò cũng như trách nhiệm của người đứng đầu trong mọi hoạt động; tiếp tục củng cố, hoàn thiện sắp xếp tổ chức bộ máy; đảm bảo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đảm bảo đúng người, đúng việc; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; bảo đảm hoạt động của chính quyền địa phương thông suốt, hiệu lực, hiệu quả, hướng đến mục tiêu chung là phục vụ tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp.

Nguồn: baohinhphu.vn

TIẾP CẬN LÝ LUẬN VỀ QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI TRÊN NỀN TẢNG SỐ THEO TÌNH THẦN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG

Bối cảnh chuyển đổi số đang cấu trúc lại sâu sắc đời sống kinh tế, chính trị và xã hội trên phạm vi toàn cầu, đặt ra yêu cầu nhìn nhận lại cách thức quản trị phát triển xã hội trong điều kiện xã hội số. Nếu trước đây quản lý xã hội chủ yếu dựa trên thiết chế hành chính và công cụ điều tiết truyền thống thì ngày nay quá trình phát triển xã hội ngày càng được trung gian hóa bởi dữ liệu, thuật toán và nền tảng kết nối đa thực thể, đa lĩnh vực, không còn giới hạn ở nhóm dân cư hay lĩnh vực xã hội truyền thống, mà mở rộng sang cấu trúc số, cơ chế tương tác trên nền tảng, cũng như hệ sinh thái dữ liệu và thuật toán đang tác động mạnh mẽ đến đời sống xã hội. Trong bối cảnh đó, quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số không chỉ là sự ứng dụng công nghệ vào quản lý xã hội, mà là sự chuyển dịch về mô hình quản trị từ quản lý theo chiều dọc sang quản trị mạng lưới dựa trên dữ liệu, kết nối và hợp tác đa tác nhân.

Chuyển đổi số trong bối cảnh hiện nay

Trong bối cảnh phát triển đương đại trên phạm vi toàn cầu, công nghệ số không chỉ làm thay đổi phương thức sản xuất, kinh doanh và quản lý nhà nước, mà còn tạo ra biến đổi sâu sắc trong cách thức tổ chức và vận hành của đời sống xã hội. Các nền tảng số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và công nghệ kết nối đang mở ra khả năng mới cho việc huy động nguồn lực, kết nối các thực thể xã hội và giải quyết vấn đề xã hội theo phương thức linh hoạt, minh bạch và hiệu quả hơn. Trong bối cảnh đó, quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số ngày càng được quan tâm nhằm nâng cao hiệu quả quản trị xã hội, hướng tới mục tiêu phát triển con người, phát triển xã hội.

Ở Việt Nam, chuyển đổi số được xác định là một trong những động lực quan trọng của phát triển quốc gia trong giai đoạn mới. Nhiều chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước đã nhấn mạnh yêu cầu thúc đẩy chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, qua đó tạo nền tảng cho đổi mới trong quản trị quốc gia và quản trị phát triển xã hội. Trong lĩnh vực phát triển xã hội, việc ứng dụng công nghệ số, đẩy mạnh chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội không chỉ giúp nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công, mở rộng khả năng tiếp cận nguồn lực phát triển, mà còn tạo điều kiện để tăng cường sự kết nối đa thực thể xã hội, như doanh nghiệp, tổ chức xã hội, cộng đồng, người dân... trong quá trình giải quyết vấn đề xã hội. Điều này cho thấy, quản trị phát triển xã hội trong thời đại số không còn là hoạt động quản lý mang tính hành chính đơn thuần, mà ngày càng trở thành một quá trình hợp tác đa thực thể, dựa trên sự kết nối và chia sẻ thông tin thông qua nền tảng số.

Tuy nhiên, sự xuất hiện của nền tảng số cũng đặt ra nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn cần được làm rõ. Trước hết, cần xác định bản chất của quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số, tức là làm rõ nó khác gì so với mô hình quản lý xã hội truyền thống và đặc điểm nào tạo nên

tính đặc thù của nó trong bối cảnh xã hội số. Bên cạnh đó, cần nhận diện rõ thực thể tham gia quản trị, như Nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, cộng đồng, cá nhân... trong môi trường số. Đồng thời, đối tượng của quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số cũng cần được xác định cụ thể.

Cùng với đó, sự phát triển của công nghệ số đang làm thay đổi sâu sắc phương thức quản trị phát triển xã hội, từ mô hình quản lý theo chiều dọc, tập trung vào bộ máy hành chính, sang mô hình quản trị dựa trên dữ liệu, kết nối mạng lưới và sự tham gia rộng rãi của các thực thể xã hội. Thay đổi này cũng đòi hỏi xác lập những nguyên tắc cơ bản của quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số.

Bản chất của quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số

Phát triển xã hội là mục tiêu hàng đầu của mỗi quốc gia. Từ tinh thần Tuyên bố Copenhagen về phát triển xã hội, đây là quá trình chuyển đổi có chủ đích, hướng tới các nhóm mục tiêu cơ bản, có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau. *Thứ nhất*, là nâng cao sức khỏe, sự thịnh vượng và hạnh phúc của con người, song phải được thực hiện trong giới hạn tự nhiên của hành tinh. *Thứ hai*, là thúc đẩy giá trị công bằng, dân chủ và công lý trong đời sống xã hội. *Thứ ba*, là bảo đảm điều kiện thiết yếu cho một cuộc sống tốt, trong đó nhấn mạnh vai trò của giáo dục tốt, sức khỏe tốt, cũng như khả năng tiếp cận công bằng đối với nguồn lực, tài nguyên, hàng hóa và dịch vụ xã hội cơ bản⁽¹⁾.

Như vậy, phát triển xã hội không chỉ đơn thuần là sự cải thiện về mức sống vật chất, mà còn là quá trình nâng cao chất lượng cuộc sống con người trong mối quan hệ hài hòa với giới hạn sinh thái của hành tinh. Việc đặt ba nhóm mục tiêu - nâng cao phúc lợi và hạnh phúc của con người, thúc đẩy giá trị công bằng, dân chủ và công lý và bảo đảm điều kiện thiết yếu cho một cuộc sống tốt - trong mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau đã phản ánh rõ tính đa chiều của phát triển xã hội. Cách tiếp cận này cũng nhấn mạnh vai trò của các chính sách và thiết chế xã hội trong việc tạo lập điều kiện bảo đảm cho mọi cá nhân có cơ hội tiếp cận với nguồn lực phát triển, qua đó hướng tới một xã hội bao trùm, công bằng và bền vững.

Trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của công nghệ hiện nay, một trong những yêu cầu quan trọng để đạt được các mục tiêu của phát triển xã hội là quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số. Xét một cách tổng thể, quản trị phát triển xã hội có thể được xem là quá trình hợp tác giữa chính phủ, tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng, khu dân cư, cá nhân... để cùng tham gia điều chỉnh, quản lý xã hội trong bối cảnh xã hội ngày càng đa dạng và phức tạp⁽²⁾. Như vậy, quản trị phát triển xã hội không chỉ là vấn đề tổ chức hay kỹ thuật quản lý, mà là một quá trình đặt con người ở vị trí trung tâm của phát triển.

Về nền tảng số, nhiều nghiên cứu đi trước chỉ ra rằng nền tảng số không thể hiểu thuần túy như một công cụ công nghệ, mà cần được đặt trong mối quan hệ với cấu trúc kinh tế, xã hội và thể chế mà nó tham gia tổ chức và định hình. Trong cách tiếp cận ban đầu, nền tảng số chủ yếu được xem như một hạ tầng phần mềm có khả năng mở rộng, cung cấp chức năng cốt lõi và cho phép phát triển sản phẩm, công nghệ hoặc dịch vụ bổ trợ⁽³⁾. Nhiều nghiên cứu tiếp theo mở rộng cách tiếp cận về nền tảng số theo hướng trung gian và đa hướng, nhấn mạnh vai

trò của nền tảng trong việc kết nối nhiều nhóm tác nhân khác nhau và tạo ra giá trị thông qua việc giảm chi phí giao dịch, chi phí tìm kiếm và chi phí điều phối⁽⁴⁾. Tuy nhiên, cùng với sự lan tỏa của nền tảng số vào các lĩnh vực, như dịch vụ công, an sinh xã hội, giáo dục, y tế và quản trị đô thị, ngày càng nhiều nghiên cứu cho rằng nền tảng số cần được tiếp cận như một thiết chế số mới⁽⁵⁾. Thông qua dữ liệu và thuật toán, nền tảng số không chỉ kết nối các tác nhân, mà còn định hình cách thức tham gia, hợp tác, phân bổ nguồn lực và thực thi trách nhiệm giữa các thực thể liên quan. Do đó, nền tảng số có khả năng cấu trúc lại quan hệ xã hội, phân bổ lại quyền lực và ảnh hưởng đến giá trị công trong xã hội. Từ lập luận trên, chúng ta có thể đi đến quan niệm: *Nền tảng số (digital platform) trong bối cảnh quản trị phát triển xã hội là một hạ tầng - môi trường số, được xây dựng trên cơ sở phần mềm, dữ liệu và thuật toán, có chức năng kết nối, điều phối và tổ chức tương tác đa phía giữa các thực thể tham gia quản trị, như Nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, cộng đồng, khu dân cư, cá nhân...*

Từ sự kết nối giữa phát triển xã hội, quản trị phát triển xã hội và nền tảng số được đề cập đến ở trên, có thể đi đến quan niệm về quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số, như sau: *Quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số là quá trình hợp tác dựa trên nền tảng số giữa các thực thể, như Nhà nước, tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng, khu dân cư, cá nhân... để giải quyết vấn đề xã hội, hướng đến mục tiêu nâng cao sức khỏe, thịnh vượng, hạnh phúc của con người trong giới hạn của tự nhiên, trên cơ sở công bằng, dân chủ, công lý để mỗi cá nhân có giáo dục tốt, sức khỏe tốt và cơ hội tiếp cận tài nguyên, hàng hóa, dịch vụ bảo đảm cuộc sống tốt.*

Cách tiếp cận này thể hiện khá rõ tinh thần tiếp cận liên ngành và hiện đại đối với quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số. Trước hết, cách tiếp cận này nhấn mạnh đúng tính chất đa thực thể của quản trị phát triển xã hội khi đặt Nhà nước, tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng, khu dân cư, cá nhân... trong quan hệ hợp tác, thay vì chỉ nhắc đến vai trò của Nhà nước. Đồng thời, việc nhấn mạnh nền tảng số như một môi trường và công cụ kết nối cho thấy sự phù hợp với xu hướng quản trị hiện nay, nơi công nghệ số giúp tăng cường khả năng phối hợp, minh bạch thông tin và mở rộng sự tham gia của xã hội vào quá trình giải quyết vấn đề xã hội. Bên cạnh đó, cách tiếp cận này cũng gắn quản trị phát triển xã hội với các mục tiêu của phát triển, như sức khỏe, thịnh vượng, hạnh phúc của con người, công bằng, dân chủ và công lý, đồng thời đặt các mục tiêu này trong giới hạn của tự nhiên, điều này phản ánh cách tiếp cận phát triển lấy con người làm trung tâm và chú ý tới tính bền vững sinh thái.

Thực thể, tác nhân tham gia quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số

Quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số, xét về thực thể và tác nhân tham gia, trước hết cần được đặt trong bối cảnh nền tảng số vừa là lõi kỹ thuật, vừa là cơ chế trung gian đa hướng kết nối nhiều nhóm người dùng, đồng thời là một không gian nơi các giá trị công và quan hệ quyền lực được tổ chức lại. Từ đó, thực thể và tác nhân tham gia quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số không thể chỉ gói trong Nhà nước, mà mở ra một mạng lưới đa tác nhân gắn với kiến trúc nền tảng và hệ sinh thái hỗ trợ quanh nó.

Trước hết, Nhà nước vẫn là chủ thể trung tâm theo nghĩa “định hướng và bảo đảm giá trị công”, nhưng vai trò được thực thi theo hai lớp. Lớp thứ nhất là vai trò thể chế - xây dựng

khung pháp lý, chuẩn mực về công bằng, dân chủ, công lý; bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền công dân; giảm thiểu rủi ro loại trừ số và bất bình đẳng tiếp cận dịch vụ xã hội. Lớp thứ hai là vai trò kiến tạo - điều phối hạ tầng số: tham gia thiết kế, đặt tiêu chuẩn dữ liệu/giao diện, giám sát vận hành nền tảng. Từ góc nhìn “xã hội nền tảng”, điều quan trọng là cần có khuôn khổ pháp lý và khung điều tiết để chính phủ xác định trách nhiệm của doanh nghiệp công nghệ đối với dịch vụ của họ. Vì thế, Nhà nước không chỉ “quản” hệ quả xã hội, mà còn phải “quản” chính cơ chế nền tảng và điều kiện hạ tầng tạo ra hệ quả ấy.

Thứ hai là chủ sở hữu/nhà vận hành nền tảng và doanh nghiệp công nghệ là tác nhân có quyền lực cấu trúc vì họ kiểm soát hạ tầng, dữ liệu và cơ chế lựa chọn/đề xuất, xếp hạng, điều khoản truy cập - tức “luật chơi” của tương tác xã hội. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng nền tảng giúp giảm đáng kể chi phí giao dịch (phân phối, tìm kiếm, ký kết, giám sát...), qua đó trở thành mô hình tổ chức hấp dẫn cho nhiều lĩnh vực⁽⁶⁾. Tuy nhiên, điều quan trọng là nền tảng cần được vận hành theo cách bảo đảm trách nhiệm giải trình, công bằng và dân chủ.

Thứ ba là tác nhân hỗ trợ và nhà cung ứng dịch vụ, bao gồm doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xã hội, nhà phát triển ứng dụng, tổ chức nghề nghiệp, đơn vị trung gian - tạo nên hệ sinh thái mở rộng chức năng nền tảng. Điểm quan trọng ở đây là mức độ mở/đóng của quản trị nền tảng và đánh đổi mà chủ nền tảng phải đối mặt khi kiểm soát hệ sinh thái. Trong quản trị phát triển xã hội, nhóm tác nhân này vừa là đối tác đồng triển khai chính sách - dịch vụ (ví dụ tích hợp thanh toán, định danh, hồ sơ sức khỏe, giáo dục), vừa là nơi phát sinh rủi ro về chất lượng dịch vụ, bảo vệ dữ liệu và công bằng tiếp cận. Điều này đòi hỏi Nhà nước thiết kế cơ chế cấp phép, tiêu chuẩn liên thông, kiểm định, trách nhiệm giải trình.

Thứ tư là tổ chức xã hội, tổ chức cộng đồng và các thiết chế trung gian (hội đoàn, tổ chức phi chính phủ (NGO), nhóm vận động, cơ sở nghiên cứu, truyền thông) giữ vai trò đại diện lợi ích xã hội, phản biện chính sách, và đặc biệt là giám sát giá trị công trong không gian nền tảng. Điểm quan trọng là giá trị công, như an toàn, riêng tư, minh bạch... cần được thiết chế công và công dân quan tâm, bảo vệ. Nói cách khác, tổ chức xã hội và cộng đồng không chỉ là người tham gia, mà còn là tác nhân bảo vệ, giúp hạn chế nguy cơ nền tảng ưu tiên lợi ích thương mại hơn lợi ích công.

Thứ năm là cộng đồng và cá nhân vừa là đối tượng thụ hưởng, vừa là tác nhân đồng sản xuất (co-producers): họ tạo dữ liệu, phản hồi dịch vụ, tham gia giám sát, huy động tương trợ xã hội, góp phần tạo hiệu ứng mạng lưới. Họ cũng đứng trước bất cân xứng thông tin và ảnh hưởng, tác động do cơ chế nền tảng tạo ra. Điểm quan trọng là nền tảng thường thể hiện “trao quyền từ dưới lên” và phi tập trung, nhưng lại vận hành bằng cấu trúc tập trung và thiếu minh bạch đối với người dùng⁽⁷⁾. Vì vậy, trong quản trị phát triển xã hội, việc nâng cao “năng lực số”, bảo đảm quyền dữ liệu, cơ chế thu thập, phân tích, đánh giá, phản hồi trong quyết định thuật toán trở thành một phần của bảo đảm xã hội trong kỷ nguyên số.

Thứ sáu là các tác nhân ở cấp độ quản trị vượt ra ngoài quốc gia (khu vực/quốc tế, tổ chức đa phương) cũng ngày càng quan trọng, bởi nền tảng và dòng dữ liệu thường xuyên biên giới. Từ góc nhìn xã hội nền tảng, thế giới kết nối đòi hỏi phải tư duy lại sâu sắc về hệ sinh thái trực tuyến và hạ tầng chính trị - pháp lý. Điều này hàm ý quản trị phát triển xã hội trên

nền tảng số phải tính đến tương thích chuẩn mực và cơ chế hợp tác liên quốc gia trong bảo vệ giá trị công.

Tổng hợp lại, chủ thể và tác nhân trong quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số tạo thành một mạng lưới nhiều tầng: Nhà nước (định hướng - bảo vệ giá trị công), doanh nghiệp nền tảng (tạo dựng hạ tầng - thuật toán - dữ liệu), nhà cung ứng/bổ trợ (mở rộng dịch vụ - đồng triển khai), tổ chức xã hội và trung gian (giám sát - phản biện - đại diện), cộng đồng/cá nhân (đồng sản xuất - thụ hưởng - giám sát), thiết chế quốc tế (đồng thiết lập chuẩn mực chung trong phối hợp, hợp tác quốc tế)... Chính cấu trúc đa tác nhân này khiến quản trị phát triển xã hội trong kỷ nguyên số vừa có tiềm năng tăng hiệu quả phối hợp và giảm chi phí giao dịch, vừa đặt ra yêu cầu quản trị mới về trách nhiệm giải trình, minh bạch thuật toán và bảo vệ giá trị công.

Đối tượng quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số

Đối với quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số, việc xác định đối tượng quản trị có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi nó không chỉ xác lập phạm vi can thiệp của chủ thể quản trị, mà còn định hình công cụ điều tiết, phương thức can thiệp và các tiêu chí đánh giá hiệu quả quản trị. Khác với quản lý xã hội truyền thống - nơi đối tượng quản lý chủ yếu được hiểu là nhóm dân cư, lĩnh vực xã hội hoặc vấn đề xã hội cụ thể - quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số mở rộng đáng kể phạm vi này, bao gồm cả cấu trúc số, quá trình tương tác và cơ chế trung gian được hình thành và vận hành trong môi trường nền tảng. Nền tảng số không chỉ phản ánh quan hệ xã hội hiện hữu, mà còn chủ động tổ chức, điều phối và cấu trúc lại quan hệ đó thông qua cấu trúc kỹ thuật, dữ liệu và thuật toán.

Thứ nhất, cá nhân và nhóm xã hội.

Đối tượng trung tâm của quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số trước hết vẫn là cá nhân và nhóm xã hội, đặc biệt là mức độ tiếp cận, thụ hưởng và tham gia của họ vào quá trình phát triển xã hội. Tuy nhiên, trong môi trường số, con người không chỉ được nhìn nhận như đối tượng thụ hưởng thụ động của chính sách, mà ngày càng trở thành tác nhân tương tác, đồng thời là người tạo ra dữ liệu, phản hồi và nội dung trên nền tảng. Vai trò “đồng sản xuất” (co-production) của công dân ngày càng rõ nét trong cung ứng dịch vụ xã hội và dịch vụ công⁽⁸⁾. Do đó, đối tượng quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số còn là điều kiện tham gia của con người vào không gian nền tảng: khả năng tiếp cận hạ tầng số, kỹ năng số, năng lực sử dụng dịch vụ trực tuyến và quyền kiểm soát dữ liệu cá nhân. Nếu không được quản trị phù hợp, nền tảng số có thể làm trầm trọng thêm bất bình đẳng số và loại trừ xã hội, đặc biệt đối với người nghèo, người cao tuổi, lao động phi chính thức và cư dân vùng sâu, vùng xa⁽⁹⁾. Vì vậy, quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số cần coi bình đẳng tiếp cận và năng lực số là một đối tượng quản trị cốt lõi.

Thứ hai, vấn đề xã hội được trung gian hóa bởi nền tảng.

Một đối tượng quan trọng khác là vấn đề xã hội nảy sinh và được cấu trúc lại trong môi trường nền tảng số. Nền tảng số không chỉ phản ánh các vấn đề xã hội truyền thống, như nghèo đói, bất bình đẳng, thất nghiệp hay loại trừ xã hội, mà còn làm biến đổi hình thức,

phạm vi và cường độ của các vấn đề này. Chẳng hạn, nghiên cứu về kinh tế nền tảng (platform economy) và kinh tế chia sẻ (gig economy) cho thấy nền tảng số vừa tạo ra cơ hội việc làm linh hoạt, vừa có thể làm xói mòn cơ chế bảo vệ lao động truyền thống, đặt ra thách thức mới đối với an sinh xã hội, bảo hiểm và ổn định sinh kế. Tương tự, trong lĩnh vực giáo dục và y tế, nền tảng số có thể mở rộng tiếp cận dịch vụ, giảm chi phí và tăng hiệu quả, nhưng cũng có nguy cơ làm gia tăng khoảng cách giữa các nhóm có và không có năng lực số, hoặc giữa khu vực phát triển và khu vực kém phát triển⁽¹⁰⁾. Do đó, đối tượng quản trị ở đây không chỉ là vấn đề xã hội ở trạng thái “đầu ra”, mà là quá trình xã hội được trung gian hóa bởi nền tảng, nơi vấn đề xã hội được hình thành, chuyển hóa hoặc đặt ra thách thức cần giải quyết.

Thứ ba, quan hệ xã hội và cơ chế tương tác trên nền tảng.

Nền tảng hoạt động như một “kiến trúc số” tổ chức tương tác kinh tế, xã hội và chính trị. Thông qua cơ chế thiết kế, thuật toán và tiêu chuẩn kỹ thuật, nền tảng xác định ai được tham gia, tương tác nào được ưu tiên, chuẩn mực nào được mã hóa vào quá trình tương tác. Do đó, quan hệ xã hội và cơ chế tương tác do nền tảng tổ chức trở thành một đối tượng quản trị quan trọng. Từ góc độ quản trị phát triển xã hội, điều này hàm ý rằng quản trị không thể chỉ tập trung vào kết quả cuối cùng (ví dụ, giảm nghèo hay mở rộng tiếp cận dịch vụ), mà cần quan tâm đến cách thức tương tác xã hội được thiết kế và điều phối. Quyền lực trong xã hội nền tảng số thường được thực thi một cách gián tiếp thông qua thiết kế thuật toán và quy tắc nền tảng, thay vì mệnh lệnh hành chính trực tiếp⁽¹¹⁾. Vì vậy, điều này đặt ra yêu cầu chú trọng đến quy tắc tương tác xã hội được “nhúng” trong nền tảng số.

Thứ tư, dữ liệu và thuật toán.

Trong xã hội nền tảng, dữ liệu và thuật toán trở thành một nhóm đối tượng quản trị đặc biệt quan trọng. Dữ liệu không chỉ là nguồn lực kinh tế, mà còn là cơ sở để ra quyết định chính sách, phân bổ nguồn lực và đánh giá hiệu quả phát triển xã hội. Thuật toán - thông qua các cơ chế xếp hạng, phân loại, đề xuất và tự động hóa - có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến cơ hội tiếp cận dịch vụ xã hội, việc làm, thông tin và phúc lợi của cá nhân. Điểm đáng chú ý ở đây là nguy cơ thiên lệch thuật toán, thiếu minh bạch và suy giảm trách nhiệm giải trình trong hệ thống ra quyết định dựa trên dữ liệu, đặc biệt là trong lĩnh vực liên quan đến phúc lợi xã hội, an sinh xã hội và quản lý dân cư. Do đó, quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số cần coi cách thức thu thập, xử lý, sử dụng và chia sẻ dữ liệu, cũng như tính chính xác, minh bạch của thuật toán, là đối tượng quản trị cốt lõi gắn chặt với giá trị công bằng, dân chủ và công lý.

Thứ năm, thiết chế và hệ sinh thái nền tảng số.

Thiết chế và hệ sinh thái nền tảng số cũng là đối tượng quản trị quan trọng. Nền tảng số không tồn tại độc lập, mà gắn với một hệ sinh thái bao gồm doanh nghiệp công nghệ, nhà cung ứng dịch vụ, tổ chức xã hội, cơ quan công quyền và người dùng. Các mối quan hệ hợp tác, phụ thuộc và cạnh tranh trong hệ sinh thái này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng thực hiện các mục tiêu phát triển xã hội⁽¹²⁾. Vì vậy, quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số cần hướng tới việc điều phối hệ sinh thái theo hướng phục vụ lợi ích công, hạn chế sự tập trung

quyền lực quá mức của chủ sở hữu nền tảng và bảo đảm sự tham gia thực chất của các thực thể xã hội khác nhau.

Tóm lại, đối tượng quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số mang tính đa tầng, động và liên kết chặt chẽ, bao gồm: 1- Cá nhân và nhóm xã hội; 2- Vấn đề xã hội được cấu trúc lại trong môi trường số; 3- Quan hệ và cơ chế tương tác xã hội do nền tảng tổ chức; 4- Dữ liệu, thuật toán và các cơ chế kỹ thuật; 5- Thiết chế, hệ sinh thái nền tảng. Việc mở rộng đối tượng, phương thức quản trị theo hướng này cho phép tiếp cận quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số không chỉ như sự “số hóa” quản lý xã hội truyền thống, mà như một phương thức quản trị mới, gắn liền với những biến đổi căn bản của cấu trúc xã hội trong kỷ nguyên số.

Phương thức quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số

Phương thức quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số có thể hiểu là tổng hòa cách thức phối hợp, điều phối, thiết kế thể chế, vận hành hạ tầng số và bảo đảm trách nhiệm giải trình để các thực thể (Nhà nước - doanh nghiệp - tổ chức xã hội - cộng đồng - cá nhân) cùng tham gia giải quyết vấn đề xã hội trong môi trường số. Do nền tảng số vừa là hạ tầng kỹ thuật, vừa là thiết chế xã hội tổ chức tương tác, phương thức quản trị không thể chỉ dựa vào mệnh lệnh hành chính, mà cần kết hợp nhiều cơ chế: hợp tác đa thực thể, điều tiết dựa trên luật lệ/tiêu chuẩn, quản trị dữ liệu - thuật toán và quản trị hạ tầng số công theo định hướng giá trị công.

Phương thức quản trị đầu tiên là quản trị hợp tác (collaborative governance), tức cơ quan công quyền trực tiếp huy động và tham gia cùng các bên liên quan ngoài nhà nước trong một quá trình ra quyết định và triển khai chính sách dựa trên đồng thuận, chia sẻ trách nhiệm và cam kết dài hạn. Đây là một cách thức quản trị phù hợp khi vấn đề công phức tạp, nguồn lực phân tán và cần phối hợp liên ngành, liên khu vực⁽¹³⁾. Trong bối cảnh nền tảng số, hợp tác đa thực thể không chỉ là tham vấn, mà còn là đồng thiết kế dịch vụ số, đồng vận hành quy trình dữ liệu và đồng giám sát chất lượng cung ứng. Cách tiếp cận này cũng tương thích với khung chính phủ số, trong đó nhấn mạnh chuyển từ số hóa thủ tục sang thiết kế lại chính sách - dịch vụ theo hướng lấy người dùng làm trung tâm và thúc đẩy phối hợp giữa cơ quan, tổ chức cũng như hệ sinh thái đối tác bên ngoài để tạo giá trị công.

Phương thức thứ hai là quản trị dựa trên hạ tầng số công (digital public infrastructure - DPI), coi các thành phần, như định danh số, thanh toán số, chia sẻ dữ liệu, nền tảng tích hợp dịch vụ... là “xương sống” để mở rộng tiếp cận dịch vụ xã hội và nâng cao hiệu quả quản trị. Nhiều tổ chức quốc tế, như OECD gần đây nhấn mạnh vai trò DPI đối với chính phủ số, đặc biệt là các nguyên tắc liên thông, chuẩn mở, quản trị dữ liệu và an toàn, tin cậy⁽¹⁴⁾. Nếu DPI được vận hành đúng hướng sẽ giúp giảm chi phí giao dịch, rút ngắn thời gian tiếp cận dịch vụ, hỗ trợ “một lần khai báo - nhiều lần sử dụng”; đồng thời, đòi hỏi quản trị rủi ro loại trừ số, bảo vệ dữ liệu cá nhân, cơ chế khắc phục khi người dân không thể/khó sử dụng định danh số.

Phương thức thứ ba là quản trị quy tắc và cơ chế tương tác do nền tảng tổ chức. Nền tảng số hình thành các lớp quan hệ quản trị (giữa doanh nghiệp nền tảng - người dùng - nhà quảng cáo - Nhà nước - tác nhân chính trị - xã hội) và quyền lực, ảnh hưởng được thực thi không chỉ bằng luật, mà còn bằng thiết kế hệ thống và điều khoản sử dụng. Do đó, quản trị

phát triển xã hội trên nền tảng số cần chuyển từ tư duy “quản lý kết quả” sang tư duy “quản trị cơ chế”, cụ thể là ai được tham gia, điều kiện tham gia ra sao, tương tác nào được ưu tiên, tiêu chuẩn nội dung/dịch vụ thế nào, cơ chế thu thập, phân tích, đánh giá, phản hồi, phục hồi quyền lợi gắn với thực thể liên quan ra sao. Cách nhìn “nền tảng như thiết chế xã hội” cũng được nhấn mạnh trong các nền tảng can thiệp vào thị trường, lao động... từ đó đặt vấn đề bảo vệ giá trị công trong một “thế giới kết nối”. Điều này gợi ý rằng nền tảng phục vụ dịch vụ công, giáo dục, y tế,... cần có “thiết kế thể chế” rõ ràng trên cơ sở giá trị công: bao trùm, công bằng, minh bạch, bảo vệ nhóm yếu thế và trách nhiệm giải trình.

Phương thức thứ tư là quản trị dữ liệu - thuật toán như những đối tượng trung tâm của quản trị xã hội trong kỷ nguyên số. Kitchin (2017) nhấn mạnh cần nghiên cứu và giám sát thuật toán một cách phê phán vì thuật toán không trung tính: thuật toán mã hóa giả định, ưu tiên và logic phân loại có thể tạo bất công hoặc loại trừ⁽¹⁵⁾. Diakopoulos (2016) đề xuất hướng “trách nhiệm giải trình thuật toán” thông qua cơ chế minh bạch, kiểm toán, thiết kế cơ chế giám sát/khắc phục để hạn chế rủi ro thiên lệch và lạm quyền trong ra quyết định tự động⁽¹⁶⁾. Do đó, phương thức quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số cần bao gồm các cơ chế, như nguyên tắc quản trị dữ liệu dựa trên quyền con người; minh bạch thuật toán ở mức phù hợp; kiểm toán và đánh giá tác động xã hội của hệ thống số; cơ chế đánh giá, phản hồi, sửa sai đối với quyết định số. Đây không chỉ là yêu cầu kỹ thuật, mà là yêu cầu thể chế gắn với bảo vệ công bằng, dân chủ và công lý trong quản trị xã hội.

Phương thức thứ năm là điều phối hệ sinh thái nền tảng theo hướng phục vụ lợi ích công. Trên thực tế, quan hệ hợp tác, phụ thuộc và cạnh tranh giữa các tác nhân trong hệ sinh thái có ảnh hưởng trực tiếp đến cách thức tạo và phân phối giá trị⁽¹⁷⁾. Trong bối cảnh phát triển xã hội, nếu thiếu điều tiết, quyền lực có thể tập trung quá mức vào chủ sở hữu nền tảng, làm suy giảm vai trò của chủ thể xã hội khác. Vì vậy, quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số cần hướng tới việc cân bằng quyền lực, tạo không gian tham gia thực chất cho tổ chức xã hội, cộng đồng, người dân..., đồng thời bảo đảm rằng nền tảng phục vụ xã hội không bị chi phối hoàn toàn bởi logic lợi nhuận hay kỹ thuật.

Nguyên tắc quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số

Thứ nhất, nguyên tắc lấy con người làm trung tâm và hướng đến phát triển con người. Nguyên tắc nền tảng của quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số là lấy con người làm trung tâm, coi công nghệ và nền tảng số là phương tiện nhằm mở rộng năng lực, cơ hội và lựa chọn của con người, chứ không phải là mục tiêu tự thân. Cách tiếp cận này kế thừa trực tiếp truyền thống phát triển con người và phát triển xã hội, trong đó nhấn mạnh rằng tăng trưởng kinh tế hay tiến bộ công nghệ chỉ có ý nghĩa khi góp phần nâng cao sức khỏe, thịnh vượng và hạnh phúc của con người⁽¹⁸⁾. Trong bối cảnh chuyển đổi số, mô hình quản trị số hiệu quả là mô hình đặt nhu cầu, trải nghiệm và quyền lợi của người dân làm trung tâm của thiết kế chính sách và dịch vụ công, thay vì ưu tiên tối đa hóa hiệu quả kỹ thuật hay tiết kiệm chi phí hành chính⁽¹⁹⁾. Do đó, quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số cần được đánh giá không chỉ bằng chỉ số số hóa hay mức độ tự động hóa, mà bằng tác động xã hội đối với con người và cộng đồng, đặc biệt là khả năng mở rộng tiếp cận dịch vụ xã hội thiết yếu.

Thứ hai, bảo đảm công bằng và bao trùm xã hội trong toàn bộ quá trình quản trị trên nền tảng số. Trên thực tế, nền tảng số có thể đồng thời tạo ra cơ hội tiếp cận mới, nhưng cũng có nguy cơ làm gia tăng khoảng cách giữa nhóm xã hội khác nhau nếu thiếu cơ chế điều tiết phù hợp. Trong các lĩnh vực, như giáo dục, y tế và an sinh xã hội, nền tảng số vừa có thể mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ và giảm chi phí, vừa có thể làm sâu sắc thêm bất bình đẳng giữa nhóm có và không có năng lực số. Vì vậy, quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số cần tuân thủ nguyên tắc “không để ai bị bỏ lại phía sau”, gắn chuyển đổi số với chính sách tăng cường năng lực số, hỗ trợ tiếp cận và kết hợp linh hoạt giữa kênh số và phi số, đặc biệt đối với nhóm dễ bị tổn thương.

Thứ ba, nguyên tắc quản trị đa thực thể và tham gia thực chất. Quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số là một quá trình đa thực thể, trong đó Nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, cộng đồng, cá nhân... cùng tham gia vào việc định hình, vận hành và giám sát nền tảng. Vì vậy, vấn đề công phức tạp chỉ có thể được giải quyết hiệu quả thông qua sự phối hợp giữa thực thể nhà nước và phi nhà nước⁽²⁰⁾. Trong bối cảnh số hóa, quản trị số hiệu quả đòi hỏi sự tham gia thực chất của nhiều tác nhân trong hệ sinh thái, thay vì cách tiếp cận quản lý tập trung, khép kín theo mô hình hành chính truyền thống. Do đó, quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số cần tạo ra cơ chế để tổ chức xã hội, cộng đồng, người dân... không chỉ là người sử dụng, mà còn là người có khả năng tác động thực sự đến quyết định liên quan đến thiết kế và vận hành nền tảng.

Thứ tư, nguyên tắc minh bạch, trách nhiệm giải trình và giám sát xã hội. Trong môi trường nền tảng số, nơi quyết định ngày càng được trung gian hóa bởi dữ liệu và thuật toán, minh bạch và trách nhiệm giải trình trở thành nguyên tắc đặc biệt quan trọng. Nghiên cứu về quản trị thuật toán chỉ ra rằng thuật toán không trung tính, mà phản ánh giả định, ưu tiên và quan hệ quyền lực, tác động, ảnh hưởng của chủ thể thiết kế và vận hành hệ thống. Nền tảng số cần được coi là thiết chế xã hội có ảnh hưởng đáng kể, do đó phải gắn với yêu cầu về trách nhiệm giải trình tương tự như thiết chế công. Vì vậy, điều quan trọng là cần xây dựng cơ chế minh bạch thuật toán, kiểm toán hệ thống số và tạo điều kiện cho giám sát xã hội nhằm hạn chế rủi ro thiên lệch, lạm quyền và bất công trong quản trị số.

Thứ năm, bảo vệ quyền con người trong môi trường số, đặc biệt là quyền riêng tư và quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân. Nhiều tài liệu của Liên hợp quốc và các cơ quan chức năng của Liên hợp quốc đã nhiều lần nhấn mạnh rằng quyền con người được thừa nhận trong không gian vật lý cũng phải được bảo vệ đầy đủ trong không gian số. Trong xã hội nền tảng, dữ liệu trở thành tài nguyên cốt lõi cho quản trị và phát triển xã hội, đồng thời cũng làm gia tăng nguy cơ giám sát, lạm dụng và xâm phạm quyền cá nhân nếu thiếu chuẩn mực và thể chế phù hợp.

Thứ sáu, nguyên tắc định hướng giá trị công và hạn chế logic thuần túy thị trường. Quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số cần được dẫn dắt bởi định hướng giá trị công, thay vì bị chi phối hoàn toàn bởi logic lợi nhuận hay hiệu quả kỹ thuật. Nếu để nền tảng số vận hành chủ yếu theo động cơ thị trường, giá trị công, như công bằng, bao trùm và đoàn kết xã hội có nguy cơ bị suy giảm. Do đó, quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số cần bảo đảm

rằng nền tảng phục vụ xã hội được thiết kế và vận hành theo chuẩn mực giá trị công, với vai trò kiến tạo và điều tiết rõ ràng của Nhà nước.

Thứ bảy, nguyên tắc thích ứng, học hỏi và phát triển bền vững. Quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số không thể được thiết kế như một mô hình tĩnh, đóng kín, mà cần được xây dựng trên cơ sở thích ứng và học hỏi liên tục. Trong bối cảnh công nghệ số, dữ liệu lớn và nền tảng tương tác xã hội thay đổi nhanh chóng cả về hình thức lẫn quy mô tác động, mô hình quản trị cứng nhắc, dựa chủ yếu vào quy trình hành chính truyền thống, thường khó theo kịp thực tiễn và dễ rơi vào tình trạng lạc hậu hoặc kém hiệu quả. Do đó, quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số đòi hỏi một tư duy linh hoạt, coi chính sách và thể chế là các cấu trúc có khả năng điều chỉnh, cập nhật và hoàn thiện thông qua quá trình triển khai và phản hồi từ xã hội. Theo OECD, quản trị hiệu quả trong môi trường phức tạp và nhiều bất định cần dựa trên cách tiếp cận hệ thống, trong đó nhấn mạnh việc thử nghiệm chính sách, đánh giá tác động thường xuyên và điều chỉnh linh hoạt dựa trên phản hồi của thực thể liên quan, đặc biệt là người dân và cộng đồng thụ hưởng. Đồng thời, nguyên tắc thích ứng và học hỏi cũng gắn chặt với mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm rằng nền tảng số và sáng kiến chuyển đổi số không chỉ tạo ra lợi ích ngắn hạn về hiệu quả hay chi phí, mà còn góp phần củng cố năng lực xã hội, tăng cường tính bao trùm và nâng cao sức chống chịu của thiết chế trong dài hạn⁽²¹⁾. Điều này cho thấy sáng kiến chuyển đổi số không nên chỉ được đánh giá dựa trên hiệu quả kỹ thuật hay lợi ích kinh tế trong ngắn hạn, mà cần được đặt trong tầm nhìn dài hạn của phát triển bền vững.

Trong bối cảnh mới, việc gắn kết chuyển đổi số với năng lực thích ứng của xã hội giúp nền tảng số không chỉ trở thành công cụ quản lý hay cung cấp dịch vụ, mà còn góp phần củng cố năng lực thể chế, mở rộng tính bao trùm xã hội, tăng cường quản lý và phát triển các loại hình truyền thông, thông tin trên nền tảng số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, khả năng chống chịu của hệ thống xã hội trước biến động trong tương lai./.

PGS, TS Đoàn Minh Huân

Ủy viên Bộ Chính trị, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Nguồn: tapchicongsan.org.vn

(1) United Nations - Department of Economic and Social Affairs: “Copenhagen Declaration on Social Development” (Tạm dịch: Tuyên bố Copenhagen về phát triển xã hội), 1995

(2) Liu Jinfa: “From social management to social governance: social conflict mediation in China” (Tạm dịch: Từ quản lý xã hội đến quản trị xã hội: hòa giải xung đột xã hội ở Trung Quốc), *Journal of Public Affairs*, 14(2), tr. 93 – 104

(3) Spagnoletti, Paolo, Andrea Resca and Gwanhoo Lee: “A Design Theory for Digital Platforms Supporting Online Communities: A Multiple Case Study” (Tạm dịch: Lý thuyết

thiết kế nền tảng số hỗ trợ cộng đồng trực tuyến: Nghiên cứu đa trường hợp), *Journal of Information Technology*, 2015, tr. 364 – 380

(4) Tan, Barney, Shan L Pan, Xianghua Lu, and Lihua Huang: “The Role of IS Capabilities in the Development of Multi-Sided Platforms: The Digital Ecosystem Strategy of Alibaba.com” (Tạm dịch: Vai trò của năng lực hệ thống thông tin trong phát triển nền tảng đa phía: chiến lược hệ sinh thái số của Alibaba.com), *Journal of the Association for Information Systems*, 16(4), 2015, tr. 248 – 280

(5) José Van Dijck, Thomas Poell, Martijn de Waal: “The Platform Society: Public Values in a Connective World” (Tạm dịch: Xã hội nền tảng: Các giá trị công trong một thế giới kết nối), *Oxford University Press*, Oxford, 2018

(6) Ahmad Asadullah, Isam Faik, Atreyi Kankanhalli: “Digital Platforms: A Review and Future Directions” (Tạm dịch: Nền tảng số: Tổng quan và định hướng nghiên cứu trong tương lai), *PACIS 2018 Proceedings*, 2018, tr. 248

(7) José Van Dijck, Thomas Poell, Martijn de Waal: “The Platform Society” (Tạm dịch: Xã hội nền tảng), *Oxford University Press*, Oxford, 2018, tr. 30 – 45

(8) OECD: “The OECD Digital Government Policy Framework: Six dimensions of a Digital Government” (Tạm dịch: Khung chính sách chính phủ số của OECD: Sáu trụ cột của chính phủ số), *OECD Public Governance Policy Papers*, No. 2, OECD Publishing, Paris, 2020

(9) Robert Gorwa: “What is platform governance?” (Tạm dịch: Quản trị nền tảng là gì?), *Information, Communication & Society*, 22(6), 2019, tr. 854 – 871

(10) Neil Selwyn: “Is Technology Good for Education?” (Tạm dịch: Công nghệ có thực sự tốt cho giáo dục?), *Polity Press*, Cambridge, 2016

(11) Robert Gorwa: “What is platform governance?” (Tạm dịch: Quản trị nền tảng là gì?), *Tlđđ*

(12) Annabelle Gawer: “Digital platforms and ecosystems: remarks on the dominant organizational forms of the digital age” (Tạm dịch: Nền tảng số và hệ sinh thái: nhận xét về các hình thức tổ chức chủ đạo của thời đại số), *Innovation*, 24(1), 2022, tr. 110 – 124

(13) Chris Ansell, Gash Alison: “Collaborative Governance in Theory and Practice” (Tạm dịch: Lý thuyết và thực tiễn trong quản trị hợp tác), *Journal of Public Administration Research and Theory*, 18(4), 2007, tr. 543 – 571

(14) OECD: “Digital public infrastructure for digital governments” (Tạm dịch: Hạ tầng công cộng số cho chính phủ số), *OECD Public Governance Policy Papers*, No. 68, OECD Publishing, Paris, 2024

(15) Rob Kitchin: “Thinking critically about and researching algorithms” (Tạm dịch: Tư duy phê phán và nghiên cứu về các thuật toán), *Information, Communication & Society*, 20(1), 2017, tr. 14 – 29

(16) Nicholas Diakopoulos: “Accountability in algorithmic decision making” (Tạm dịch: Trách nhiệm giải trình trong quá trình ra quyết định bằng thuật toán), *Communications of the ACM*, 59(2), 2016, tr. 56 – 62

(17) Annabelle Gawer: “Digital platforms and ecosystems: remarks on the dominant organizational forms of the digital age” (Tạm dịch: Nền tảng số và hệ sinh thái: nhận xét về các hình thức tổ chức chủ đạo của thời đại số), *Tlđđ*

(18) UNDP (United Nations Development Programme): “Human Development Report 2020” (Tạm dịch: Báo cáo Phát triển Con người năm 2020), *UNDP*, New York, 2020

(19) Benjamin Welby: “The impact of digital government on citizen well-being” (Tạm dịch: Tác động của chính phủ số đối với phúc lợi và chất lượng sống của người dân), *OECD Working Papers on Public Governance*, No. 32, OECD Publishing, Paris, 2019

(20) Chris Ansell, Alison Gash: “Collaborative Governance in Theory and Practice” (Tạm dịch: Lý thuyết và thực tiễn trong quản trị hợp tác), *Tlđđ*

(21) UNDP: “Human Development Report 2023/24: Breaking the gridlock: Reimagining cooperation in a polarized world” (Tạm dịch: Báo cáo Phát triển Con người 2023/24: Phá vỡ thế bế tắc - Tái hình dung hợp tác trong một thế giới phân cực), New York, 2023, <https://hdr.undp.org/system/files/documents/global-report-document/hdr2023-24reporten.pdf>.

8 NGHỊ QUYẾT VÀ THÔNG ĐIỆP VỀ CHÍNH PHỦ HIỆN ĐẠI, HÀNH ĐỘNG, KIẾN TẠO

Với việc ban hành 8 Nghị quyết về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh lần này, Chính phủ đã phát đi một tín hiệu rõ ràng: Lựa chọn con đường cải cách thực chất, trao quyền và kiến tạo phát triển.

Trong quản trị quốc gia, những tháng ngày đầu của một Chính phủ nhiệm kỳ mới là thời gian xác lập cách thức vận hành. Đó là lúc Chính phủ trả lời những câu hỏi căn bản: Sẽ quản lý hay kiến tạo, kiểm soát hay trao quyền, tập trung hay phân cấp?

Lịch sử cải cách cho thấy, những Chính phủ thành công không phải là những Chính phủ ban hành nhiều chính sách nhất, mà là những Chính phủ định hình được “hệ điều hành” tốt cho cả nhiệm kỳ ngay từ những bước đi đầu tiên.

Trong bối cảnh đó, việc Chính phủ ban hành đồng loạt 8 Nghị quyết về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh ngay trong tháng đầu tiên của nhiệm kỳ không chỉ là một quyết sách hành chính thông thường. Đó là một tuyên bố chính trị thể chế về cách Chính phủ lựa chọn hành động.

Điều này hoàn toàn phù hợp với cam kết khi phát biểu nhậm chức của Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng: *Xây dựng một Chính phủ hiện đại, kiến tạo và phục vụ nhân dân, đoàn kết một lòng dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng mà hạt nhân là đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm.*

Một quyết định chưa từng có: Quy mô, tốc độ và cách tiếp cận

Điểm gây ấn tượng mạnh nhất trước hết là quy mô cải cách. Theo các Nghị quyết được ban hành, Chính phủ tiến hành sửa đổi, bổ sung đồng bộ 163 văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có tới 155 nghị định - một con số chưa từng có trong các đợt cải cách trước đây. Trên cơ sở đó, 184 thủ tục hành chính được bãi bỏ, 134 thủ tục được phân cấp, và 349 thủ tục được đơn giản hóa.

Không dừng lại ở đó, Chính phủ còn quyết định bãi bỏ 890 điều kiện kinh doanh, đồng thời đưa tỉ lệ thủ tục hành chính do cấp Trung ương trực tiếp giải quyết xuống còn khoảng 27%. Mục tiêu đặt ra là giảm hơn 50% thời gian và chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp.

Những con số này không chỉ phản ánh quy mô, mà còn cho thấy một cách tiếp cận mới: Đổi mới một cách căn cơ và có hệ thống, thay vì điều chỉnh từng phần nhỏ lẻ như trước đây.

Điểm thứ hai là tốc độ triển khai. Việc ban hành đồng loạt 8 Nghị quyết ngay trong tháng đầu nhiệm kỳ cho thấy đây không phải là những quyết định mang tính thử nghiệm, mà là những lựa chọn đã được cân nhắc kỹ lưỡng và triển khai với quyết tâm cao.

Trong quản trị công, tốc độ không đơn thuần là yếu tố kỹ thuật. Khi cải cách được thực hiện nhanh và đồng bộ, đó là dấu hiệu của một Chính phủ không chỉ có ý chí, mà còn có năng lực hành động.

Điểm thứ ba, và quan trọng hơn cả, là cách tiếp cận. Những gì diễn ra không chỉ là “cắt giảm thủ tục”, mà là thiết kế lại cách vận hành của hệ thống hành chính. Chính phủ không chỉ giảm số lượng quy định, mà đang thay đổi logic vận hành của quyền lực nhà nước một cách thực chất và hiệu quả.

Lựa chọn của Chính phủ: Ba chuyển dịch chiến lược

Nếu nhìn sâu vào nội dung của 8 Nghị quyết, có thể thấy rõ ba chuyển dịch lớn - ba lựa chọn mang tính chiến lược của Chính phủ trong cách thức vận hành.

Từ tiền kiểm sang hậu kiểm: Thay đổi triết lý quản lý

Trong một thời gian dài, hệ thống quản lý của chúng ta vận hành theo logic tiền kiểm: Phải xin phép trước khi làm, phải được chấp thuận trước khi triển khai. Cách tiếp cận này giúp giảm thiểu rủi ro, nhưng lại tạo ra chi phí tuân thủ lớn, làm chậm dòng chảy của nền kinh tế.

Với 8 Nghị quyết lần này, việc bãi bỏ hàng loạt điều kiện kinh doanh và thủ tục tiền kiểm cho thấy một chuyển dịch rõ ràng: Từ kiểm soát trước sang quản trị rủi ro trong quá trình vận hành.

Nhà nước không còn đứng ở vị trí “giữ cửa”, mà chuyển sang vai trò thiết lập tiêu chuẩn, giám sát và xử lý vi phạm trên cơ sở dữ liệu và quy định của pháp luật. Đây là một thay đổi không chỉ về công cụ, mà về triết lý quản lý.

Không phải kiểm soát trước để tránh rủi ro, mà là quản lý rủi ro một cách chủ động và linh hoạt.

Từ tập trung sang phân quyền: Tái phân bổ quyền lực thực thi

Một trong những nội dung nổi bật của các Nghị quyết là việc phân cấp 134 thủ tục hành chính, qua đó giảm mạnh tỉ lệ thủ tục do cấp Trung ương trực tiếp giải quyết.

Điều này cho thấy một lựa chọn rõ ràng: Trung ương không còn ôm việc, mà chuyển sang tập trung vào thiết kế thể chế và giám sát, trong khi trao quyền thực thi cho địa phương.

Phân quyền, nếu chỉ dừng lại ở giao việc, sẽ không tạo ra thay đổi thực chất. Nhưng nếu đi kèm với trách nhiệm giải trình và đo lường kết quả, nó sẽ trở thành động lực để nâng cao hiệu quả quản trị.

Ở đây, điều đáng chú ý không phải chỉ là “phân cấp bao nhiêu”, mà là cách phân quyền trong hệ thống hành chính - một yếu tố cốt lõi của năng lực thực thi quốc gia.

Từ kiểm soát sang kiến tạo: Định vị lại vai trò của Nhà nước

Có lẽ chuyển dịch sâu sắc nhất nằm ở cách Chính phủ định vị lại vai trò của mình đối với nền kinh tế.

Khi 890 điều kiện kinh doanh được bãi bỏ, thông điệp gửi đi là rất rõ: Doanh nghiệp không còn là đối tượng cần được kiểm soát chặt chẽ, mà là chủ thể cần được trao quyền để phát triển.

Nhà nước không đứng ở vị trí “cấp phép để cho tồn tại”, mà chuyển sang vai trò kiến tạo môi trường để phát triển.

Đây chính là bước chuyển từ một nền hành chính quản lý sang một nền hành chính kiến tạo - một chuyển dịch đã được nhắc đến nhiều năm, nhưng chỉ thực sự trở nên rõ nét khi được cụ thể hóa bằng những quyết định có quy mô lớn như lần này.

Tái thiết niềm tin và động lực phát triển

Những chuyển dịch nói trên không chỉ mang ý nghĩa về mặt thể chế, mà còn có tác động trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp và toàn bộ nền kinh tế.

Với doanh nghiệp, việc cắt giảm thủ tục và điều kiện kinh doanh đồng nghĩa với việc giảm đáng kể chi phí tuân thủ - không chỉ là chi phí chính thức, mà cả những chi phí không chính thức vốn là một gánh nặng lâu nay. Quy trình nhanh hơn, rõ ràng hơn cũng giúp doanh nghiệp tăng tốc độ ra quyết định, nâng cao khả năng cạnh tranh.

Với người dân, việc giảm thủ tục và giảm tiếp xúc trực tiếp với cơ quan hành chính sẽ góp phần giảm rủi ro những nhiễu, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ công.

Với nền kinh tế, ý nghĩa lớn nhất là khơi thông dòng chảy nguồn lực. Khi các rào cản thủ tục được dỡ bỏ, nguồn vốn, ý tưởng và năng lực sản xuất có thể vận hành nhanh hơn, hiệu quả hơn. Đây chính là điều kiện cần để đạt được các mục tiêu tăng trưởng cao trong giai đoạn tới.

Quan trọng hơn, những quyết định này góp phần tái thiết niềm tin - niềm tin của doanh nghiệp vào môi trường kinh doanh, niềm tin của người dân vào hiệu quả của bộ máy hành chính. Đúng như Thủ tướng Lê Minh Hưng đã phát biểu khi nhậm chức: *Tôi ý thức sâu sắc rằng, lòng tin của nhân dân là nguồn lực lớn nhất của quốc gia.*

Thực tế, trong tất cả các cuộc làm việc với các bộ ngành sau khi nhậm chức, Thủ tướng luôn nhấn mạnh yêu cầu tập trung, dứt khoát cắt giảm thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh. Ông nêu rõ, đây là một trong những giải pháp nhanh nhất, ngắn nhất để hoàn thiện thể chế, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, tác động trực tiếp ngay tới tăng trưởng với mục tiêu 2 con số và quan trọng hơn cả, sẽ giúp củng cố niềm tin của người dân và doanh nghiệp.

Thách thức của lựa chọn: Cải cách thực chất

Tuy nhiên, cũng cần nhìn nhận một cách thẳng thắn rằng, lựa chọn này đi kèm với những thách thức không nhỏ.

Thứ nhất, chuyển sang hậu kiểm đòi hỏi một hệ thống dữ liệu và năng lực giám sát hiện đại. Nếu không có công cụ phù hợp, việc giảm tiền kiểm có thể dẫn đến rủi ro trong quản lý.

Thứ hai, phân quyền đòi hỏi phải thiết lập cơ chế kiểm soát quyền lực mới. Nếu không, có thể xuất hiện tình trạng buông lỏng hoặc “đẩy trách nhiệm” giữa các cấp.

Thứ ba, và quan trọng nhất, là thay đổi tư duy của bộ máy. Nếu tư duy quản lý cũ vẫn tồn tại, thì cải cách trên giấy có thể không chuyển hóa thành thay đổi trong thực tế. Thủ tướng Lê Minh Hưng đã chỉ rõ, điều quan trọng là tinh thần chỉ đạo của Trung ương, Bộ Chính trị và Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm về đổi mới tư duy phải được quán triệt không chỉ ở cấp lãnh đạo các bộ hay địa phương, mà phải xuống tới cấp các vụ cục, đơn vị trực thuộc, cấp

thực thi. Bởi lẽ, cải cách lớn nhất không nằm ở văn bản, mà nằm ở cách bộ máy thực thi nó mỗi ngày.

Một lựa chọn đã được xác lập

Những tháng ngày đầu không quyết định toàn bộ nhiệm kỳ, nhưng nó quyết định hướng đi của Chính phủ. Với việc ban hành 8 Nghị quyết lần này, Chính phủ đã phát đi một tín hiệu rõ ràng: Lựa chọn con đường cải cách thực chất, trao quyền và kiến tạo phát triển.

Với quyết tâm mạnh mẽ, những quyết định này không chỉ làm cho thủ tục nhanh hơn, chi phí thấp hơn. Quan trọng hơn, nó có thể làm cho nền kinh tế vận hành theo một logic hoàn toàn khác- logic của niềm tin, của hiệu quả và của tăng trưởng. Chính phủ đã cam kết là hành động, nỗ lực hết sức mình để kiến tạo cho sự phát triển, đem đến cuộc sống tốt đẹp hơn cho người dân.

Tiến sĩ Nguyễn Sĩ Dũng - nguyên Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội

Nguồn: baochinhphu.vn

TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ CUỘC TÁI CẤU TRÚC SỨC MẠNH QUỐC GIA

Trí tuệ nhân tạo (AI) đang nổi lên như công nghệ nền tảng của thời đại mới. Nhưng nếu chỉ nhìn AI như một tiến bộ công nghệ, chúng ta sẽ bỏ lỡ điều cốt lõi hơn: AI đang tái cấu trúc cách các quốc gia tạo ra của cải, vận hành bộ máy và tổ chức quyền lực. Nói cách khác, AI không chỉ là công cụ, mà đang trở thành “hệ điều hành” mới của nền kinh tế và năng lực thực thi quốc gia. Trong bối cảnh đó, cuộc cạnh tranh giữa các quốc gia không còn đơn thuần là cuộc đua công nghệ, mà là cuộc đua về mô hình phát triển và khả năng tổ chức thực thi ở quy mô hệ thống.

Với Việt Nam, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã có những chỉ đạo, thông điệp đặc biệt quan trọng; mới nhất là Thông báo số 20-TB/CQTTBCĐ ngày 16/3/2026 kết luận Phiên họp lần thứ nhất năm 2026 của Thường trực Ban Chỉ đạo, với những nhiệm vụ, giải pháp, chủ thể chịu trách nhiệm triển khai, thời hạn hoàn thành và kết quả đầu ra hết sức cụ thể.

AI - từ công nghệ đến nền tảng của năng lực quốc gia

AI đang làm thay đổi tận gốc cách thức tạo ra giá trị trong nền kinh tế. Không giống các công nghệ trước đây chỉ tác động đến một số ngành cụ thể, AI có khả năng lan tỏa và tích hợp vào mọi lĩnh vực từ sản xuất, dịch vụ đến quản trị nhà nước.

Thực tế cho thấy, trong sản xuất công nghiệp, các nhà máy thông minh tại Trung Quốc và Đức đã sử dụng AI để tối ưu hóa dây chuyền, giúp giảm tới 20-30% chi phí vận hành và tăng đáng kể năng suất.

Trong lĩnh vực logistics, các hệ thống do Amazon triển khai đã sử dụng AI để dự báo nhu cầu và tối ưu hóa kho vận theo thời gian thực, rút ngắn đáng kể thời gian giao hàng và giảm chi phí tồn kho.

Trong tài chính, AI được các ngân hàng lớn sử dụng để phát hiện gian lận và chấm điểm tín dụng, giúp giảm rủi ro và mở rộng khả năng tiếp cận vốn.

Nhờ khả năng xử lý dữ liệu ở quy mô lớn và ra quyết định theo thời gian thực, AI không chỉ nâng cao năng suất lao động mà còn tối ưu hóa việc phân bổ nguồn lực và mở ra những mô hình kinh doanh hoàn toàn mới.

Theo ước tính của các tổ chức quốc tế như PwC và McKinsey, AI có thể đóng góp hàng chục nghìn tỷ USD cho kinh tế toàn cầu trong thập kỷ tới-một con số cho thấy mức độ ảnh hưởng mang tính hệ thống của công nghệ này.

Điều quan trọng hơn là AI đang thay đổi chính cách thức vận hành của một quốc gia. Khi dữ liệu trở thành tài nguyên trung tâm, khi thuật toán trở thành công cụ tổ chức, thì năng lực phát triển không còn phụ thuộc chủ yếu vào vốn hay lao động, mà phụ thuộc vào khả năng tổ chức tri thức và thực thi chính sách hiệu quả.

Thực tế này thể hiện rất rõ trong quản trị công: Tại Estonia, một trong những quốc gia số hóa hàng đầu thế giới, hệ thống chính phủ điện tử sử dụng AI để xử lý phần lớn dịch vụ công trực tuyến, giúp giảm mạnh chi phí hành chính và nâng cao tính minh bạch. Tại Singapore, AI được tích hợp vào quản lý giao thông đô thị, cho phép điều tiết dòng xe theo thời gian thực, giảm ùn tắc và tối ưu hóa hạ tầng.

Chính vì vậy, nhiều quốc gia đã chuyển từ tư duy “phát triển AI” sang tư duy “AI hóa nền kinh tế”. Trung Quốc triển khai chiến lược “AI+” để tích hợp AI vào mọi ngành; Hoa Kỳ thúc đẩy AI như một nền tảng đổi mới sáng tạo trong toàn bộ khu vực tư nhân; còn Liên minh châu Âu định hình AI như một hệ thống cần được quản trị ở cấp độ toàn xã hội.

Ở cấp độ này, AI không còn là một ngành công nghệ, mà trở thành một loại hạ tầng-tương tự điện, Internet hay giao thông-chi phối cách toàn bộ hệ thống vận hành. Một ví dụ điển hình là sự bùng nổ của các mô hình AI tạo sinh như OpenAI, cho thấy AI đang trở thành “lớp nền” cho hàng loạt dịch vụ và ngành nghề mới, từ giáo dục, truyền thông đến phát triển phần mềm.

Quốc gia nào tích hợp AI vào nền kinh tế sớm và hiệu quả hơn sẽ có lợi thế chiến lược rõ rệt về năng suất, năng lực cạnh tranh và khả năng thích ứng với biến động. Ngược lại, nếu chậm trễ trong việc “AI hóa” nền kinh tế, khoảng cách phát triển sẽ không chỉ nới rộng mà còn trở nên khó bù đắp, bởi AI không chỉ tạo ra tăng trưởng, mà còn tái định hình cách tăng trưởng diễn ra.

Ba mô hình AI của thế giới: Ba cách tổ chức sức mạnh

Nhìn ra thế giới, có thể thấy ba mô hình phát triển AI tiêu biểu, phản ánh ba cách tiếp cận khác nhau trong tổ chức sức mạnh quốc gia. Điểm đáng chú ý là mỗi mô hình không chỉ khác nhau về công nghệ, mà khác nhau sâu sắc về cách thiết kế thể chế, vai trò của nhà nước và cơ chế vận hành nền kinh tế.

1. Mô hình Mỹ: Đổi mới sáng tạo dẫn dắt bởi thị trường

Hoa Kỳ lựa chọn con đường phát triển AI dựa trên sức mạnh của thị trường và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Các tập đoàn công nghệ lớn cùng mạng lưới startup năng động đóng vai trò dẫn dắt, tạo ra những đột phá nhanh chóng cả về công nghệ lẫn mô hình kinh doanh. Những cái tên như OpenAI, Google, Microsoft hay NVIDIA không chỉ là doanh nghiệp, mà đã trở thành “trung tâm quyền lực công nghệ” trong kỷ nguyên AI.

Thực tế cho thấy, chỉ trong vài năm, các mô hình AI tạo sinh như ChatGPT hay Gemini đã làm thay đổi hàng loạt ngành nghề từ giáo dục, truyền thông đến lập trình phần mềm. NVIDIA, với vai trò cung cấp chip AI, đã trở thành một trong những công ty có giá trị vốn hóa lớn nhất thế giới, phản ánh mức độ “hạ tầng hóa” của AI trong nền kinh tế Mỹ.

Ưu thế nổi bật của mô hình này là tốc độ và khả năng đổi mới. Theo nhiều thống kê quốc tế, Mỹ vẫn chiếm tỉ trọng lớn nhất về đầu tư tư nhân vào AI và số lượng startup AI toàn cầu. Tuy nhiên, đi kèm với đó là những vấn đề ngày càng rõ: Xu hướng tập trung quyền lực công nghệ vào một số doanh nghiệp lớn, sự gia tăng bất bình đẳng số và những tranh luận gay gắt về đạo đức AI-từ quyền riêng tư dữ liệu đến nguy cơ thao túng thông tin.

2. Mô hình châu Âu: AI nhân văn và pháp quyền

Khác với Mỹ, Liên minh châu Âu đặt trọng tâm vào việc bảo đảm AI phục vụ con người và tuân thủ các giá trị pháp quyền. Đạo luật AI của EU (AI Act) là khuôn khổ pháp lý toàn diện đầu tiên trên thế giới, phân loại các hệ thống AI theo mức độ rủi ro từ “không chấp nhận được” (bị cấm) đến “nguy cơ cao” (bị kiểm soát chặt).

Ví dụ, các ứng dụng AI trong tuyển dụng, chấm điểm tín dụng hay tư pháp phải đáp ứng các yêu cầu nghiêm ngặt về minh bạch và không phân biệt đối xử. Trong khi đó, các hệ thống AI tạo sinh phải công khai nội dung do máy tạo ra, nhằm tránh gây hiểu lầm hoặc thao túng thông tin.

Cách tiếp cận này giúp châu Âu trở thành người dẫn dắt về chuẩn mực toàn cầu trong quản trị AI. Nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế đã tham khảo mô hình này khi xây dựng khung pháp lý của riêng mình. Tuy nhiên, sự thận trọng cũng có cái giá: Theo một số đánh giá, chi phí tuân thủ cao có thể làm giảm tốc độ đổi mới và khiến doanh nghiệp châu Âu gặp bất lợi trong cuộc cạnh tranh với các đối thủ Mỹ và Trung Quốc.

3. Mô hình Trung Quốc: Huy động toàn hệ thống

Trung Quốc thể hiện một cách tiếp cận mang tính hệ thống: coi AI là công cụ để tái cấu trúc toàn bộ nền kinh tế. Thông qua chiến lược “AI+”, AI được tích hợp vào mọi lĩnh vực-từ sản xuất, nông nghiệp đến quản trị đô thị và dịch vụ công.

Trong sản xuất, nhiều nhà máy tại các khu công nghiệp lớn đã triển khai hệ thống “nhà máy không đèn” (dark factory), nơi robot và AI vận hành gần như toàn bộ dây chuyền. Trong đô thị, các thành phố như Hàng Châu sử dụng hệ thống “City Brain” do Alibaba phát triển để điều phối giao thông theo thời gian thực, giúp giảm đáng kể ùn tắc. Trong thương mại điện tử,

JD.com và Alibaba sử dụng AI để tối ưu hóa chuỗi cung ứng ở quy mô hàng trăm triệu đơn hàng mỗi ngày.

Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, điều phối và huy động nguồn lực ở quy mô lớn, từ xây dựng hạ tầng dữ liệu, trung tâm tính toán đến định hướng ứng dụng trong từng ngành. Điểm đặc biệt của mô hình này là AI không được phát triển như một ngành riêng biệt, mà như một phương tiện nâng cấp toàn bộ hệ thống sản xuất và quản trị.

Điều đó cho phép triển khai nhanh ở quy mô lớn và tạo ra tác động trực tiếp đến năng suất. Tuy nhiên, mô hình này cũng đối mặt với những thách thức không nhỏ: Làm thế nào để cân bằng giữa kiểm soát và sáng tạo, giữa hiệu quả và quyền riêng tư, giữa tốc độ triển khai và tính bền vững dài hạn.

Ba mô hình AI lớn của thế giới không chỉ khác nhau về công nghệ, mà phản ánh ba cách tổ chức sức mạnh quốc gia: Mỹ dựa vào thị trường để tạo đột phá, châu Âu dựa vào pháp quyền để kiểm soát rủi ro, còn Trung Quốc dựa vào khả năng huy động hệ thống để triển khai ở quy mô lớn.

Việt Nam: Những bước đi đáng ghi nhận

Trong bức tranh đó, Việt Nam đã có những bước đi đáng ghi nhận. Việc ban hành chiến lược quốc gia về AI, cùng với việc thông qua Luật Trí tuệ nhân tạo và Luật Dữ liệu, cho thấy chúng ta đã sớm nhận thức được vai trò của AI và chủ động xây dựng khung thể chế cần thiết. Trên thực tế, không nhiều quốc gia đang phát triển có thể đồng thời thiết lập cả chiến lược, luật chuyên ngành và khung dữ liệu trong một thời gian tương đối ngắn như vậy.

Đây là một lợi thế quan trọng, bởi khung pháp lý chính là điều kiện tiên quyết để AI phát triển có định hướng và bền vững. Tuy nhiên, khoảng cách giữa thiết kế chính sách và thực thi vẫn còn khá lớn, và điều này thể hiện rõ qua thực tiễn triển khai.

Thứ nhất, AI chưa thực sự đi vào nền kinh tế ở quy mô hệ thống. Việc ứng dụng còn phân tán, chủ yếu tập trung ở một số doanh nghiệp lớn và một vài lĩnh vực tiên phong. Chẳng hạn, Viettel đã phát triển các nền tảng AI phục vụ giám sát giao thông và phân tích dữ liệu; FPT triển khai AI trong xử lý tài liệu, tự động hóa quy trình doanh nghiệp; một số ngân hàng ứng dụng AI trong chấm điểm tín dụng và phát hiện gian lận. Tuy nhiên, các ứng dụng này vẫn mang tính điểm lẻ, chưa tạo thành một làn sóng “AI hóa” toàn bộ nền kinh tế như cách Trung Quốc đang triển khai với “AI+”.

Thứ hai, dữ liệu - yếu tố cốt lõi của AI - vẫn chưa được khai thác như một tài nguyên chung. Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể, tiêu biểu là việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và nền tảng định danh điện tử VNeID do Bộ Công an triển khai, với hàng chục triệu người dân tham gia. Đây là một tài sản dữ liệu cực kỳ quan trọng, có giá trị. Tuy nhiên, việc kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành vẫn còn hạn chế; nhiều hệ thống dữ liệu vẫn vận hành theo “logic cục bộ”, khiến AI khó có thể khai thác giá trị ở quy mô lớn.

Thứ ba, thiếu một cơ chế điều phối đủ mạnh trên thực tế để kết nối dữ liệu các bộ, ngành và địa phương dẫn đến tình trạng mỗi nơi triển khai theo cách riêng, thiếu liên thông, làm giảm hiệu quả chung của hệ thống.

Thứ tư, khu vực công - nơi có thể đóng vai trò dẫn dắt-vẫn chưa sẵn sàng cả về năng lực và quy trình. Mặc dù đã có những bước tiến trong xây dựng Chính phủ điện tử và Chính phủ số, nhưng việc ứng dụng AI trong quản trị còn ở giai đoạn thử nghiệm. Một số địa phương đã triển khai trung tâm điều hành thông minh (IOC), nhưng phần lớn vẫn dừng ở mức hiển thị dữ liệu, chưa chuyển sang phân tích dự báo và hỗ trợ ra quyết định bằng AI. Trong khi đó, ở các quốc gia tiên tiến, AI đã được sử dụng để tự động hóa xử lý hồ sơ, dự báo chính sách và tối ưu hóa phân bổ nguồn lực công.

Vì vậy, có thể nói một cách thẳng thắn: Việt Nam đã có nền tảng thể chế, nhưng chưa có kiến trúc thực thi đủ mạnh để biến AI thành động lực phát triển. Khoảng cách này nếu không được thu hẹp kịp thời sẽ làm giảm đáng kể lợi thế đi sau-trong khi đây lại chính là cơ hội để Việt Nam bứt phá trong kỷ nguyên mới.

Những điều chỉnh cần thiết: Từ chiến lược đến hành động

Trong bối cảnh đó, trọng tâm cải cách không còn là xây dựng thêm chính sách, mà là tổ chức lại cách hệ thống vận hành để AI thực sự đi vào cuộc sống.

Trước hết, cần chuyển từ tư duy phát triển AI sang AI hóa toàn bộ nền kinh tế. Mỗi ngành, mỗi địa phương cần có lộ trình ứng dụng AI gắn với mục tiêu cụ thể về năng suất và chất lượng.

Tiếp theo, cần làm cho dữ liệu thực sự “chảy”. Dữ liệu công cần được chia sẻ và liên thông, đồng thời có cơ chế khai thác hiệu quả và bảo đảm an toàn. Không có dữ liệu, AI không thể phát triển.

Song song với đó, cần xây dựng các nền tảng AI dùng chung ở cấp quốc gia, giúp giảm chi phí và tăng khả năng triển khai. Đây là điều kiện để mở rộng ứng dụng AI ra toàn bộ nền kinh tế.

Một yêu cầu quan trọng khác là gắn AI với trách nhiệm cụ thể của các bộ, ngành. Khi AI trở thành một tiêu chí đánh giá hiệu quả, việc triển khai sẽ thực chất hơn.

Cuối cùng, cần một cơ chế điều phối đủ mạnh ở cấp quốc gia để bảo đảm tính liên thông và đồng bộ. AI không thuộc riêng một lĩnh vực nào, nên không thể triển khai hiệu quả nếu thiếu một “nhạc trưởng” chung.

Cuộc đua của năng lực tổ chức và thực thi

Lịch sử cho thấy, công nghệ chỉ tạo ra cơ hội, còn kết quả phụ thuộc vào cách một quốc gia tổ chức và thực thi để tận dụng cơ hội đó. Trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo, điều này càng trở nên rõ ràng hơn.

Khoảng cách giữa các quốc gia sẽ không còn được quyết định chủ yếu bởi tài nguyên hay quy mô, mà bởi khả năng tổ chức dữ liệu, triển khai công nghệ và thực thi chính sách một cách hiệu quả.

Việt Nam đã có nền tảng để bước vào cuộc chơi này. Nhưng cơ hội chỉ trở thành hiện thực nếu được dẫn dắt bằng hành động- nhanh hơn, thông minh hơn và quyết liệt hơn.

Tương lai chưa chắc đã thuộc về quốc gia có AI mạnh nhất, mà chắc chắn thuộc về quốc gia biết dùng AI để tổ chức lại toàn bộ nền kinh tế và bộ máy nhà nước của mình.

Tiến sĩ Nguyễn Sĩ Dũng - nguyên Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội

Nguồn: baochinhhphu.vn

TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 68-NQ/TW: TẠO THÊM NIỀM TIN CHO DOANH NHÂN KIỀU BÀO

Sau 1 năm triển khai Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, cộng đồng doanh nghiệp và kiều bào đã ghi nhận tín hiệu tích cực nhất là sự thay đổi trong tư duy chính sách: khu vực tư nhân ngày càng được nhìn nhận như một động lực quan trọng của nền kinh tế.

Những chuyển biến về cải cách thủ tục, tháo gỡ rào cản thị trường và tinh thần bảo vệ doanh nhân đã góp phần củng cố niềm tin, tạo thêm động lực để kiều bào quan tâm hơn tới cơ hội đầu tư, hợp tác và đồng hành với sự phát triển của Việt Nam.

Trao đổi với phóng viên Thông tấn xã Việt Nam tại Canada về vấn đề này, bà Vũ Thị Thu Hoàn - Trưởng phòng tại Ngân hàng Citibank Canada thuộc Citigroup, cho biết chuyển động đáng chú ý nhất không chỉ nằm ở các chính sách cụ thể, mà trước hết là sự thay đổi về tư duy phát triển. Việc kinh tế tư nhân được xác định rõ là một trong những động lực quan trọng nhất của nền kinh tế đã tạo tín hiệu rất tích cực đối với cộng đồng doanh nghiệp và kiều bào. Bà nhận định đây là bước chuyển có ý nghĩa lớn, bởi khu vực tư nhân không còn chỉ được nhìn nhận như một bộ phận cấu thành của nền kinh tế, mà đã được đặt vào vị trí trung tâm hơn trong chiến lược phát triển quốc gia.

Theo bà Vũ Thị Thu Hoàn, cộng đồng người Việt ở nước ngoài, trong đó có kiều bào tại Canada, đã cảm nhận rõ hơn những chuyển biến từ môi trường kinh doanh trong nước. Một số rào cản gia nhập thị trường đã được tháo gỡ; nhiều ngành nghề kinh doanh có điều kiện được rà soát, cắt giảm; qua đó tạo thêm dư địa cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, cũng như các ý tưởng khởi nghiệp.

Một điểm tích cực khác là tiến trình chuyển đổi số trong thủ tục hành chính. Việc mở rộng dịch vụ công trực tuyến giúp kiều bào có thể xử lý một số thủ tục từ xa, giảm phụ thuộc vào việc phải trực tiếp về Việt Nam. Tuy đây là thay đổi mang tính kỹ thuật, nhưng có tác động đáng kể đến tâm lý của nhà đầu tư ở xa, bởi thủ tục thuận tiện hơn đồng nghĩa với việc chi phí thời gian và chi phí tiếp cận thị trường sẽ thấp hơn.

Từ thực tế cộng đồng người Việt tại Canada, bà Vũ Thị Thu Hoàn cho rằng niềm tin của kiều bào đối với môi trường đầu tư trong nước đang có dấu hiệu gia tăng. Nếu như cách đây khoảng 5 năm, việc đưa vốn, kinh nghiệm hoặc mạng lưới kinh doanh về Việt Nam chưa phải là chủ đề được bàn luận thường xuyên, thì hiện nay ngày càng có nhiều người Việt tại Canada nghiêm túc trao đổi về khả năng đầu tư, hợp tác hoặc kết nối kinh doanh với quê hương.

Nhìn về giai đoạn Việt Nam bước vào “kỷ nguyên vươn mình,” bà Vũ Thị Thu Hoàn kỳ vọng khu vực kinh tế tư nhân sẽ đảm nhận 3 vai trò quan trọng. Trước hết, kinh tế tư nhân cần trở thành lực lượng dẫn dắt đổi mới sáng tạo.

Tại Canada, nhiều đột phá thực chất thường xuất phát từ khu vực tư nhân, từ các startup công nghệ tại Toronto đến các doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao ở Ontario. Việt Nam hiện có lực lượng kỹ sư trẻ, năng động và có năng lực. Nếu khu vực tư nhân được trao đủ không gian phát triển, được tiếp cận nguồn lực phù hợp và có môi trường thử nghiệm thuận lợi, Việt Nam hoàn toàn có thể hình thành những doanh nghiệp công nghệ có năng lực cạnh tranh thực chất, chứ không chỉ dừng lại ở những định giá mang tính biểu tượng.

Thứ hai, khu vực tư nhân có thể đóng vai trò cầu nối hiệu quả hơn với mạng lưới kiều bào toàn cầu. Theo bà, cộng đồng người Việt tại Canada không chỉ có nguồn lực tài chính mà còn có kinh nghiệm quản trị theo chuẩn quốc tế, hiểu biết về thị trường sở tại, mạng lưới quan hệ kinh doanh và lợi thế đặc biệt là am hiểu cả Việt Nam lẫn Canada. Đây là nguồn lực mềm rất quan trọng, có thể hỗ trợ doanh nghiệp trong nước trong quá trình nâng chuẩn quản trị, mở rộng thị trường, tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng quốc tế.

Thứ ba, kinh tế tư nhân cần góp phần tạo ra việc làm chất lượng cao. Bà cho rằng thách thức đối với Việt Nam không chỉ là tạo thêm nhiều việc làm, mà còn là tạo ra những công việc giúp người lao động tích lũy kỹ năng, nâng cao năng suất và tham gia vào các ngành có giá trị gia tăng cao hơn. Đây mới là nền tảng quan trọng để Việt Nam nâng cao sức cạnh tranh quốc gia và tránh nguy cơ mắc kẹt trong bẫy thu nhập trung bình.

Từ góc nhìn thực tiễn tại Canada, bà Vũ Thị Thu Hoàn cho rằng để phát triển kinh tế tư nhân hiệu quả hơn, Việt Nam cần tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, đặc biệt là tính ổn định, minh bạch và khả năng dự đoán của chính sách.

Về tiếp cận vốn, bà Vũ Thị Thu Hoàn cho rằng cần phát triển hệ sinh thái tài chính đa dạng hơn cho khu vực tư nhân. Doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ, không nên phụ thuộc quá nhiều vào tín dụng ngân hàng truyền thống. Việt Nam cần thúc đẩy các kênh như quỹ đầu tư mạo hiểm, thị trường vốn dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, cũng như các cơ chế bảo lãnh tín dụng để doanh nghiệp có thêm lựa chọn tài chính phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

Đối với cải cách thủ tục hành chính, bà nhấn mạnh công tác này không nên chỉ dừng lại ở việc đơn giản hóa từng thủ tục riêng lẻ, mà cần tái thiết kế toàn bộ quy trình theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm. Nói cách khác, quy trình hành chính cần được thiết kế từ nhu cầu của người sử dụng cuối cùng, thay vì chỉ dựa trên logic vận hành nội bộ của cơ quan quản lý.

Riêng đối với việc thu hút nguồn lực kiều bào, bà Vũ Thị Thu Hoàn cho rằng Việt Nam cần có cơ chế cụ thể hơn, thay vì chỉ dừng lại ở lời kêu gọi chung. Một số hướng có thể xem xét là đơn giản hóa thủ tục để kiều bào tham gia các quỹ đầu tư trong nước; xây dựng công kết nối giữa kiều bào và doanh nghiệp Việt Nam do nhà nước bảo trợ nhưng vận hành theo cơ chế thị trường; đồng thời có cơ chế công nhận bằng cấp, kinh nghiệm chuyên môn quốc tế để

kiểu bào có thể tham gia thực chất hơn vào hội đồng quản trị doanh nghiệp, hoạt động tư vấn chiến lược hoặc tư vấn chính sách. Việt Nam đang đi đúng hướng trong việc khẳng định vai trò của kinh tế tư nhân.

Một khi môi trường pháp lý ổn định hơn, thủ tục minh bạch và cơ chế tham gia rõ ràng hơn, nguồn lực tài chính, tri thức và mạng lưới của người Việt ở nước ngoài sẽ có cơ hội chuyển hóa thành những quyết định đầu tư, hợp tác và đồng hành thực chất với sự phát triển của đất nước.

Nguồn: vietnamplus.vn

NỀN TẢNG VỮNG CHẮC CHO SỰ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

Những biến động mạnh mẽ của bối cảnh phát triển hiện nay, từ yêu cầu tinh gọn bộ máy, cải cách hành chính đến áp lực hội nhập và chuyển đổi số, đang đặt ra những đòi hỏi ngày càng cao đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Từ đó, vấn đề đạo đức công vụ không chỉ là yêu cầu thường xuyên, mà trở thành yếu tố nền tảng, quyết định chất lượng hoạt động của bộ máy nhà nước.

Đạo đức công vụ, có thể hiểu là hệ thống các nguyên tắc, quy tắc hành vi và cách ứng xử mà cán bộ, công chức phải tuân theo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ công.

Đó là các chuẩn mực về đạo đức như sự trung thực, công bằng, công tâm, tính minh bạch, khách quan.

Đó là các chuẩn mực về trách nhiệm và nghĩa vụ của người cán bộ, công chức như tận tụy với công việc, chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị, pháp luật của Nhà nước, dám đối mặt với khó khăn, thử thách, sẵn sàng chấp nhận sự hy sinh quyền lợi vật chất, tinh thần trong những trường hợp nhất định, cần sự tiên phong, gương mẫu của người cán bộ, đảng viên.

Đó là tính hiệu quả như hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có nhiều sáng kiến, sáng tạo, đột phá, cải tiến trong công việc...

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đạo đức công vụ chính là sự thực hành các phẩm chất “cần - kiệm - liêm - chính” trong công việc hằng ngày.

Đây không chỉ là những chuẩn mực đạo đức truyền thống, mà còn là yêu cầu mang tính thời đại đối với đội ngũ cán bộ, công chức trong bối cảnh đất nước đang chuyển mình mạnh mẽ.

Khi bộ máy được sắp xếp, tinh gọn; khi phân cấp, phân quyền được đẩy mạnh; khi mô hình chính quyền địa phương hai cấp được triển khai, thì mỗi cán bộ, đảng viên càng phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, tự giác rèn luyện, giữ vững đạo đức công vụ, coi đó là “la bàn” định hướng cho mọi hành vi trong thực thi nhiệm vụ.

Thực tiễn thời gian qua cho thấy, trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại bộ máy, đa số cán bộ, công chức, viên chức đã thể hiện rõ “lương tâm nghề nghiệp”, sẵn sàng thích ứng với vị trí công tác mới, môi trường làm việc mới.

Không ít người chấp nhận những khó khăn về điều kiện sinh hoạt, sẵn sàng đi xe chuyên, thuê nhà trọ ở nơi công tác mới, khắc phục mọi khó khăn, xáo trộn... để đảm nhận nhiệm vụ.

Những đợt cao điểm làm việc ngày đêm, những nỗ lực bảo đảm tiến độ, chất lượng công việc trong điều kiện thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã phản ánh sinh động tinh thần trách nhiệm và đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ.

Tuy nhiên, trong giai đoạn phát triển mới, khi đất nước bước vào quỹ đạo tăng trưởng nhanh và bền vững, yêu cầu đặt ra không chỉ dừng lại ở việc “làm tròn nhiệm vụ”, mà phải hướng tới “làm tốt hơn, hiệu quả hơn”.

Điều đó đòi hỏi mỗi cán bộ, công chức, nhất là người đứng đầu, phải nêu cao đạo đức công vụ, gắn với việc nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp. Đạo đức và năng lực phải song hành, bổ trợ cho nhau; nếu thiếu một trong hai yếu tố này, hiệu quả công việc khó có thể đạt tới mức tối ưu.

Một trong những chuyển biến tích cực hiện nay là sự thay đổi trong tư duy và cách tiếp cận của đội ngũ công chức: Từ vai trò “quản lý” sang “phục vụ”. Đây là bước chuyển mang tính căn bản, phù hợp với yêu cầu xây dựng nền hành chính kiến tạo, liêm chính, hành động.

Khi xác định mình là “công bộc của dân”, mỗi cán bộ, công chức sẽ tự điều chỉnh hành vi, ứng xử theo hướng chuẩn mực hơn, trách nhiệm hơn, đặt lợi ích của người dân và doanh nghiệp lên trên hết.

Sự chuyển đổi này góp phần từng bước xóa bỏ cơ chế “xin-cho”, hạn chế tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà trong giải quyết công việc.

Thay vào đó là tinh thần phục vụ, hỗ trợ, đồng hành cùng người dân và doanh nghiệp. Một nền hành chính thật sự hiệu quả không chỉ được đo bằng tốc độ xử lý công việc, mà còn bằng thái độ phục vụ, bằng mức độ hài lòng của xã hội.

Để đạo đức công vụ được thực thi một cách thực chất, không thể chỉ trông chờ vào ý thức tự giác của mỗi cá nhân, mà cần có hệ thống chính sách đồng bộ, tạo động lực và điều kiện để cán bộ, công chức yên tâm công tác.

Trong đó, cải cách chế độ tiền lương, tiền thưởng và chính sách đãi ngộ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Chính sách tiền lương hợp lý không chỉ là yếu tố kinh tế, mà còn là “đòn bẩy” cho đạo đức công vụ.

Trong chỉ đạo về cải cách tiền lương, tiền thưởng, chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công chức, viên chức mà Thủ tướng Chính phủ ban hành tháng 2/2026, Thủ tướng giao Bộ Nội vụ chủ trì phối hợp các bộ, ngành liên quan xây dựng cải cách chế độ tiền lương, tiền thưởng và đa dạng chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công chức, viên chức ngay trong năm 2026.

Việc thực hiện cải cách chế độ tiền lương, phụ cấp phù hợp với thực tiễn sắp xếp, tổ chức lại bộ máy và tinh giảm biên chế. Khi đời sống được bảo đảm, yêu cầu về liêm chính, minh bạch, không vụ lợi cá nhân sẽ trở nên rõ ràng và có tính ràng buộc cao hơn.

Đồng thời, cơ chế giám sát, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật cần được hoàn thiện theo hướng công khai, minh bạch, công bằng, bảo đảm mọi hành vi vi phạm đều bị xử lý nghiêm minh, không có “vùng cấm”.

Bên cạnh đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức cần được triển khai bài bản, khoa học, gắn với yêu cầu thực tiễn. Không chỉ nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, mà còn chú trọng bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, văn hóa công vụ.

Một đội ngũ vừa “hồng” vừa “chuyên” mới có thể đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nền hành chính hiện đại. Quan trọng hơn, cần khơi dậy trong mỗi cán bộ, công chức khát vọng cống hiến, tinh thần phụng sự Tổ quốc và nhân dân.

Đạo đức công vụ, suy cho cùng, không chỉ là những quy định mang tính bắt buộc, mà còn là sự lựa chọn tự giác, là niềm tự hào nghề nghiệp, là động lực nội tại thúc đẩy mỗi người nỗ lực hoàn thiện bản thân. Khi mỗi cán bộ, công chức coi việc phục vụ nhân dân là sứ mệnh, thì mọi hành vi tiêu cực, vụ lợi sẽ không còn “đất sống”.

Trong bối cảnh đất nước đang nỗ lực xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, liêm chính và phục vụ, việc nâng cao đạo đức công vụ là yêu cầu cấp bách trước mắt, cũng là nhiệm vụ lâu dài, có ý nghĩa chiến lược.

Đây chính là nền tảng để củng cố niềm tin của nhân dân, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội nhanh và bền vững.

Nâng cao đạo đức công vụ là trách nhiệm chung của cả hệ thống chính trị. Khi mỗi cán bộ, công chức thật sự “cần - kiệm – liêm - chính”, khi mỗi hành vi công vụ đều hướng tới lợi ích chung, thì nền hành chính sẽ trở thành trụ cột vững chắc cho sự phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới.

Nguồn: nhandan.vn

CHÍNH PHỦ BAN HÀNH 8 NGHỊ QUYẾT CẮT GIẢM, PHÂN CẤP, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

Chính phủ vừa ban hành 8 Nghị quyết về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh thuộc quản lý của Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Y tế, Bộ Công an và một Nghị quyết chung do Bộ Tư pháp chủ trì áp dụng cho Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và Ngân hàng Nhà nước.

CẮT GIẢM, PHÂN CẤP, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HOÁ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Chính phủ ban hành Nghị quyết 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Nguyên tắc cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa

Nghị quyết 17/2026/NQ-CP nêu rõ: Việc cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh phải bảo đảm tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng; thúc đẩy đổi mới, sáng tạo; tăng tính chủ động của chính quyền địa phương; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản trị hành chính.

Tiếp tục đổi mới toàn diện, nâng cao hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông; bảo đảm công khai, minh bạch, tối ưu hóa quy trình, thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính; nâng cao năng suất lao động, hiệu lực, hiệu quả quản lý, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản trị hành chính.

Việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính phải gắn với cơ chế hậu kiểm, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trong 15 lĩnh vực

Theo Nghị quyết 17/2026/NQ-CP, cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh 15 lĩnh vực gồm: thủy sản và kiểm ngư; lâm nghiệp và kiểm lâm; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; đo đạc bản đồ và viễn thám; đất đai; thủy lợi; tài nguyên nước; môi trường; quản lý tổng hợp biển và hải đảo; địa chất và khoáng sản; khuyến nông; biến đổi khí hậu; trồng trọt và bảo vệ thực vật; chăn nuôi và thú y; khí tượng thủy văn.

Trong đó với lĩnh vực đất đai, cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh như sau:

+ Không thực hiện điều kiện kinh doanh về kinh doanh dịch vụ tư vấn điều tra, đánh giá đất đai tại Điều 17 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP.

+ Không thực hiện điều kiện kinh doanh về kinh doanh tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại Điều 23 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP.

Với lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư, cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh như sau: Không thực hiện điều kiện về Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuyền viên tàu cá tại Điều 39 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

Về phân cấp thủ tục hành chính, phân cấp thẩm quyền của cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp, cấp lại Giấy xác nhận đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 tỉnh, thành phố trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại điểm c khoản 1 Điều 21 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (chủ cơ sở nuôi trồng thủy sản được lựa chọn địa phương đề nghị cấp Giấy xác nhận).

1. Trình tự, thủ tục thực hiện:

a) Chủ cơ sở nuôi trồng thủy sản gửi hồ sơ đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính;

b) Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 mục B Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết này căn cứ quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về phát triển nuôi trồng thủy sản tại địa phương đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; xin ý kiến địa phương còn lại đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 tỉnh, thành phố trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trong thời hạn 04 ngày làm việc, địa phương được xin ý kiến phải có ý kiến trả lời bằng văn bản; quá thời hạn, địa phương được xin ý kiến không trả lời được coi là đồng ý) để thẩm định, cấp Giấy xác nhận theo Mẫu số 27.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP. Trường hợp không cấp Giấy xác nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực và các nội dung khác thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3, 4, 6, 7 và 8 Điều 21 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP.

3. Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp

tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận; trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thực hiện theo quy định của Nghị quyết này.

CẮT GIẢM, PHÂN CẤP, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, CẮT GIẢM ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Chính phủ ban hành Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Phân cấp 16 thủ tục hành chính

Cụ thể, Nghị quyết quy định phân cấp 16 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, bao gồm:

1- Thủ tục cấp giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan; cấp lại giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan (*02 thủ tục hành chính*).

2- Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương;

3- Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương.

4- Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội.

5- Thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội.

6- Thủ tục cấp gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng.

7- Thủ tục xác nhận đăng ký hoạt động in.

8- Thủ tục xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in.

9- Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm.

10- Thủ tục kiểm tra chuyên ngành trước khi xuất khẩu đối với văn hóa phẩm là các bản ghi âm, ghi hình trong quá trình sản xuất phim tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài không nhằm mục đích kinh doanh; Thủ tục kiểm tra chuyên ngành trước khi xuất khẩu đối với văn hóa phẩm là các bản ghi âm, ghi hình về nghệ thuật biểu diễn không nhằm mục đích kinh doanh; Thủ tục kiểm tra chuyên ngành trước khi xuất khẩu đối với văn hoá phẩm là tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh không nhằm mục đích kinh doanh (*03 thủ tục hành chính*).

11- Thủ tục tiếp nhận thông báo nhập khẩu văn hoá phẩm là tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh không nhằm mục đích kinh doanh; Thủ tục tiếp nhận thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm là các bản ghi âm, ghi hình về nghệ thuật biểu diễn không nhằm mục đích kinh doanh (*02 thủ tục hành chính*).

12- Cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc.

Đơn giản hóa 10 thủ tục hành chính

Nghị quyết cũng cắt giảm, đơn giản hóa 10 thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Cụ thể:

1- Thủ tục cấp lại Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước quy định tại khoản 6 Điều 15 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

2- Thủ tục cấp lại Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền quy định tại khoản 7 Điều 20 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.

3- Thủ tục thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo tại Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định 342/2025/NĐ-CP ngày 26/12/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo.

4- Thủ tục thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cung cấp thông tin xuyên biên giới vào Việt Nam quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

5- Thủ tục Thông báo thông tin liên hệ của tài khoản mạng xã hội/trang cộng đồng/kênh nội dung/nhóm cộng đồng của cơ quan báo chí quy định tại điểm g khoản 6 Điều 24 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

6- Thủ tục Cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp cấp Trung ương quy định tại điểm c khoản 8 Điều 24 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

7- Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung; thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội cấp Trung ương quy định tại Điều 32 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

8- Thủ tục Cấp giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo quy định tại Điều 14, 15 Nghị định số 342/2025/NĐ-CP ngày 26/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo.

9- Thủ tục Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo quy định tại Điều 14, 16 Nghị định số 342/2025/NĐ-CP ngày 26/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo.

10- Thủ tục cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức tại Việt Nam đưa ra nước ngoài đối với: Triển lãm do các tổ chức ở Trung ương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại; Triển lãm do tổ chức thuộc 02 tỉnh, thành phố trở lên liên kết đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại và thủ tục cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài tổ chức tại Việt Nam không vì mục đích thương mại quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm.

Cắt giảm 4 điều kiện sản xuất kinh doanh

Đồng thời, Nghị quyết cũng cắt giảm 04 điều kiện sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bao gồm: Điều kiện đối với tổ chức biểu

diễn nghệ thuật quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP; điều kiện tổ chức cuộc thi, liên hoan quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP; điều kiện tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP; điều kiện đối với cá nhân Việt Nam ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu quy định tại Điều 19 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 29/4/2026 đến hết ngày 01/3/2027

Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nghị định, nghị quyết của Chính phủ; quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh liên quan đến quy định tại Nghị quyết này được thông qua hoặc ban hành sau thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực và thời điểm có hiệu lực trong khoảng thời gian từ ngày 29/4/2026 đến trước ngày 01/3/2027 thì các quy định tương ứng trong Nghị quyết này hết hiệu lực kể từ thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

Các quy định về phân cấp tại Phụ lục I có hiệu lực thi hành từ ngày 01/6/2026 đến hết ngày 01/3/2027.

Các quy định về cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh quy định tại Mục 2 Phụ lục II có hiệu lực cùng thời điểm với Phụ lục IV Luật Đầu tư năm 2025.

Trong thời gian quy định của Nghị quyết này có hiệu lực, nếu quy định về thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trong Nghị quyết này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì thực hiện theo quy định của Nghị quyết này.

Điều khoản chuyển tiếp

Nghị quyết quy định đối với hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính được đơn giản hóa thuộc các lĩnh vực quy định tại Điều 3 và các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hoặc đã được đóng dấu bưu chính trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định của pháp luật đang có hiệu lực điều chỉnh trong lĩnh vực đó tại thời điểm hồ sơ được tiếp nhận, phù hợp với thời điểm áp dụng của từng quy định theo Điều 5 Nghị quyết này.

Đối với hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính được cắt giảm thuộc các lĩnh vực quy định tại Điều 3 và các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hoặc đã được đóng dấu bưu chính trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì dừng việc giải quyết thủ tục hành chính, hoàn trả hồ sơ cho cá nhân, tổ chức nếu có yêu cầu.

CẮT GIẢM, PHÂN CẤP, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, ĐIỀU KIỆN KINH DOANH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

Chính phủ ban hành Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. Trong đó, đáng chú ý là các nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực xăng dầu.

Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh 10 lĩnh vực

Theo Nghị quyết, việc phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh được thực hiện trong 10 lĩnh vực thuộc quản lý của Bộ Công Thương gồm: Hóa chất; điện lực; thuốc lá; xăng dầu; thương mại điện tử; thương mại quốc tế; xuất nhập khẩu; xúc tiến thương mại; hoạt động sở giao dịch hàng hóa và công nghiệp địa phương.

Trong đó, với lĩnh vực xăng dầu, cắt giảm đơn giản hóa thủ tục hành chính như sau:

+ Không thực hiện các thủ tục hành chính cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh xăng dầu trên địa bàn 2 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên quy định tại Điều 17 Nghị định 83/2014/NĐ-CP.

+ Không thực hiện các thủ tục hành chính cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh xăng dầu trên địa bàn 2 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên quy định tại Điều 17 Nghị định 83/2014/NĐ-CP.

Bên cạnh đó, Nghị quyết cũng quy định đơn giản hóa một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực xăng dầu gồm: thủ tục cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu; thủ tục cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu; thủ tục cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu; thủ tục cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.

Đáng chú ý, nhiều điều kiện kinh doanh được cắt, giảm trong lĩnh vực xăng dầu quy định tại các Điều 7, 13, 19, 22, 24 tại Nghị định 83/2014/NĐ-CP như sau:

Điều kiện đối với thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu

1. Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật
2. Có cầu cảng chuyên dụng nằm trong hệ thống cảng quốc tế của Việt Nam, bảo đảm tiếp nhận được tàu chở xăng dầu hoặc phương tiện vận tải xăng dầu khác có trọng tải tối thiểu bảy nghìn tấn (7.000 tấn), thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng từ năm (05) năm trở lên.
3. Có kho tiếp nhận xăng dầu nhập khẩu dung tích tối thiểu 15.000 m³ để trực tiếp nhận xăng dầu từ tàu chở xăng dầu và phương tiện vận tải xăng dầu chuyên dụng khác, thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ 5 năm trở lên.
4. Có hệ thống phân phối xăng dầu: tối thiểu 10 cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 5 cửa hàng thuộc sở hữu của doanh nghiệp; tối thiểu 40 tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc đại lý bán lẻ xăng dầu hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu thuộc hệ thống phân phối của thương nhân.

5. Thương nhân đầu mỗi kinh doanh nhiên liệu hàng không không bắt buộc phải có hệ thống phân phối quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP nhưng phải đáp ứng thêm điều kiện sau:

- Có phương tiện vận tải, xe tra nạp nhiên liệu hàng không phù hợp với quy định, tiêu chuẩn mặt hàng nhiên liệu hàng không thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ 5 năm trở lên.

- Có kho tiếp nhận tại sân bay với các trang thiết bị, cơ sở vật chất đáp ứng các tiêu chuẩn của mặt hàng nhiên liệu hàng không thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm 5 năm trở lên.

- Có phòng thử nghiệm đủ năng lực thuộc sở hữu hoặc thuê để kiểm tra chất lượng mặt hàng nhiên liệu hàng không theo tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế theo quy định hiện hành.

Điều kiện đối với thương nhân phân phối xăng dầu

1. Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Có hệ thống phân phối xăng dầu bao gồm tối thiểu 5 cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 3 cửa hàng thuộc sở hữu; tối thiểu 10 cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc các đại lý hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

Điều kiện đối với đại lý bán lẻ xăng dầu/ thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu

1. Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật

2. Có cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ 5 năm trở lên được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

Điều kiện đối với cửa hàng bán lẻ xăng dầu

1. Thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ 5 năm trở lên của thương nhân là đại lý bán lẻ xăng dầu hoặc tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân đầu mỗi sản xuất xăng dầu có hệ thống phân phối theo quy định tại Nghị định 83/2014/NĐ-CP (thương nhân đề nghị cấp phải đứng tên tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu). Trường hợp đi thuê cửa hàng bán lẻ xăng dầu, thương nhân đi thuê phải đứng tên tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

2. Được thiết kế, xây dựng và có trang thiết bị theo đúng quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu, bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Đồng thời, bãi bỏ điều kiện kinh doanh dịch vụ cho thuê cảng, kho tiếp nhận xăng dầu quy định tại Điều 27 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP; điều kiện kinh doanh dịch vụ vận tải xăng dầu quy định tại Điều 28 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 29/4/2026. Riêng Điều 3 và Phụ lục I Nghị quyết này có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này hết hiệu lực kể từ ngày 01/3/2027, trừ trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, điều kiện kinh doanh, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị quyết này được thông qua hoặc ban hành kể từ ngày 29/4/2026 và có hiệu lực trước ngày 01/3/2027 thì các quy định tương ứng trong Nghị quyết này hết hiệu lực tại thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

PHÂN CẤP, CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, ĐIỀU KIỆN KINH DOANH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Chính phủ ban hành Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Nghị quyết này quy định việc phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trong các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, nâng cao hiệu quả cơ chế một cửa

Theo Nghị quyết, việc phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh phải bảo đảm tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng; thúc đẩy đổi mới, sáng tạo; tăng tính chủ động của chính quyền địa phương; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Tiếp tục đổi mới toàn diện, nâng cao hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông; bảo đảm công khai, minh bạch, tối ưu hóa quy trình, thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính; nâng cao năng suất lao động, hiệu lực, hiệu quả quản lý, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản trị hành chính.

Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trong 6 lĩnh vực

Nghị quyết 20/2026/NQ-CP cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh 6 lĩnh vực gồm: tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; viễn thông và internet; an toàn bức xạ và hạt nhân; bưu chính; công nghệ thông tin, điện tử; hoạt động khoa học và công nghệ.

Đối với lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường, chất lượng

Về phân cấp thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, Nghị quyết quy định: Việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận, kiểm tra tổ chức xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận theo quy định tại Mục 4 Chương V, Điều 63, điểm a, điểm c khoản 3 Điều 65 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (Nghị định số 22/2026/NĐ-CP) thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đặt trụ sở chính.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đặt trụ sở chính giao cơ quan chuyên môn trực thuộc, trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tiếp nhận, xử lý hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xem xét ký cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận trên địa bàn thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia; hồ sơ, hình thức nộp hồ sơ, trình tự cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận thực hiện theo quy định tại Điều 55, Điều 56, Điều 57 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

b) Chủ trì, phối hợp thực hiện việc kiểm tra tổ chức xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đã đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật.

c) Tham mưu đề xuất việc thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp của tổ chức xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 63 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có trách nhiệm công bố công khai, cập nhật thông tin về các tổ chức xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đã được cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi, cấp lại và thu hồi Giấy chứng nhận trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và thông báo cho các địa phương khác biết để phục vụ công tác quản lý, phối hợp kiểm tra trong trường hợp tổ chức xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận có chi nhánh tại các địa phương khác.

Đối với lĩnh vực bưu chính

Cấp giấy phép bưu chính: Việc cấp giấy phép bưu chính trong phạm vi liên tỉnh, quốc tế quy định tại khoản 2 Điều 9 và khoản 1 Điều 8 Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 25/2022/NĐ-CP (Nghị định số 47/2011/NĐ-CP) thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp có trụ sở chính.

Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính: Việc sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính trong phạm vi liên tỉnh, quốc tế quy định tại khoản 2 Điều 9 và khoản 1 Điều 11 Nghị

định số 47/2011/NĐ-CP thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp có trụ sở chính.

Thời gian thực hiện việc thẩm tra và cấp giấy phép buru chính trong phạm vi liên tỉnh, quốc tế được quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định 47/2011/NĐ-CP là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và đáp ứng điều kiện quy định.

CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA ĐIỀU KIỆN KINH DOANH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ PHÂN CẤP THẨM QUYỀN THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC Y TẾ

Chính phủ vừa ban hành Nghị quyết số 21/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính và phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế.

Nghị quyết này quy định cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính và phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

Phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực y tế (*)

Nghị quyết phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính về an toàn thực phẩm:

Việc cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe được quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Hồ sơ, thủ tục thực hiện theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính về phòng bệnh:

Việc đề nghị nhập khẩu mẫu bệnh phẩm được quy định tại Điều 36 Nghị định số 89/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Hồ sơ, thủ tục thực hiện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính về cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh:

Việc cấp mới, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (bao gồm cả chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp theo quy định tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12, sau đây gọi tắt là giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho các đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Luật Khám bệnh, chữa bệnh và khoản 8 Điều 143 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh) được quy định tại khoản 6 Điều 14, khoản 15 Điều 16, khoản 2 Điều 18, khoản 3 Điều 20, khoản 7 Điều 22, khoản 9 Điều 24, khoản 2 Điều 26, khoản 5 Điều 130, khoản 18 Điều 132, khoản 2 Điều 134, khoản 4 Điều 136 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Hồ sơ, thủ tục thực hiện theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính về cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh:

Thẩm quyền cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với trường hợp thay đổi thời gian làm việc hoặc thay đổi tên, địa chỉ của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng không thay đổi địa điểm cho bệnh viện tư nhân được quy định tại Điều 63 và Điều 65 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Hồ sơ, thủ tục thực hiện theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Các quy định về phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính nêu trên có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2026.

Cắt giảm, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực y tế ()**

Nghị quyết nêu rõ, không quy định điều kiện kinh doanh liên quan đến an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm quy định tại các điều 5, 6 và 7 Nghị định số 103/2016/NĐ-CP quy định về bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP.

Không quy định điều kiện kinh doanh liên quan đến dịch vụ tiêm chủng quy định tại Điều 9 và Điều 10 Nghị định số 104/2016/NĐ-CP quy định về hoạt động tiêm chủng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP.

Không quy định điều kiện kinh doanh liên quan đến tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe quy định tại Điều 8, Điều 9, khoản 2 Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe và Điều 140 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.

Không quy định điều kiện kinh doanh liên quan đến cung cấp dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế quy định tại Điều 16 và Điều 17 Nghị định số 141/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).

Không quy định điều kiện kinh doanh liên quan đến cung cấp dịch vụ tư vấn, xét nghiệm HIV quy định tại khoản 2 Điều 38, Điều 39, Điều 40 và Điều 41 Nghị định số 141/2024/NĐ-CP và khoản 1, 2 Điều 5 Nghị định số 63/2021/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).

Không quy định điều kiện kinh doanh liên quan đến cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Điều 5; khoản 1 và khoản 2 Điều 6; khoản 4 Điều 7; Điều 8; khoản 1, điểm a, b khoản 2, điểm a, đ, e khoản 4, các khoản 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 Điều 40; điểm a, b khoản 2, khoản 3, tiết 7 điểm b khoản 4 Điều 41; điểm b khoản 1 Điều 42; khoản 1 Điều 43; khoản 1 và khoản 2 Điều 44; các khoản 1, 2 và 3 Điều 45; điểm d khoản 2 Điều 46; khoản 3 Điều 47; khoản 1 Điều 48; khoản 1 và khoản 3 Điều 49; điểm b khoản

1, khoản 2 Điều 50, khoản 3 Điều 51; khoản 5 Điều 53; khoản 2 Điều 55; Điều 127; Điều 128; Điều 129; Điều 131; Điều 133; Điều 135 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.

Các quy định về cắt giảm, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh nêu trên có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2027.

Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực y tế

Nghị quyết nêu rõ quy định về các thủ tục hành chính không thực hiện, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh. Trong đó:

Không thực hiện 6 thủ tục hành chính sau đây:

1) Thủ tục đăng ký bản công bố sản phẩm đối với phụ gia thực phẩm hỗn hợp có công dụng mới, phụ gia thực phẩm không thuộc trong danh mục phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm hoặc không đúng đối tượng sử dụng do Bộ Y tế quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP;

2) Thủ tục cấp mới, cấp lại, tự công bố và thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học được quy định tại các điều 11, 12, 13 và 14 Nghị định số 103/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP;

3) Thủ tục công bố đủ điều kiện thực hiện dịch vụ tiêm chủng được quy định tại Điều 11 Nghị định số 104/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP;

4) Thủ tục công bố đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế được quy định tại các điều 19, 20, 21 và 22 Nghị định số 141/2024/NĐ-CP;

5) Thủ tục cấp mới, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính hoặc quyết định chỉ định, quyết định điều chỉnh, thu hồi quyết định chỉ định cơ sở xét nghiệm khẳng định HIV dương tính tham chiếu và đình chỉ hoạt động xét nghiệm khẳng định HIV dương tính hoặc xét nghiệm khẳng định HIV dương tính tham chiếu được quy định tại các điều 42, 43, 44, 45; điểm b khoản 1, điểm b khoản 7, khoản 8 Điều 46 và Điều 47 Nghị định số 141/2024/NĐ-CP;

6) Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đủ điều kiện kiểm tra và công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh được quy định tại Điều 141 và Điều 142 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.

Cắt giảm thời gian thực hiện đối với thủ tục cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh

Nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh, Nghị quyết quy định cắt giảm thời gian thực hiện đối với thủ tục công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành được quy định tại khoản 3 mục B Phần 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 148/2025/NĐ-CP quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế; cắt giảm thời gian thực hiện đối với thủ tục đề nghị xem xét thừa nhận giấy phép hành nghề do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp được quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều 37 Nghị định số 96/2023/NĐ-

CP; cắt giảm thời gian thực hiện đối với thủ tục cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Điều 61 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP...

Trong đó, cắt giảm thời gian thực hiện đối với thủ tục cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Điều 61 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP như sau:

1. Nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp mới và nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động (sau đây viết tắt là cơ quan cấp giấy phép hoạt động).

2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp cho cơ sở đề nghị phiếu tiếp nhận hồ sơ theo Mẫu 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Trường hợp không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ:

a) Cơ quan cấp giấy phép hoạt động tổ chức thẩm định điều kiện hoạt động và danh mục kỹ thuật thực hiện tại cơ sở đề nghị và lập biên bản thẩm định trong thời hạn 40 ngày, kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ;

b) Trường hợp không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung phải cấp mới giấy phép hoạt động và ban hành quyết định phê duyệt danh mục kỹ thuật thực hiện tại cơ sở trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành biên bản thẩm định;

c) Trường hợp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung phải nêu rõ trong nội dung của biên bản thẩm định.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo và tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc khắc phục, sửa chữa của cơ sở đề nghị, cơ quan cấp giấy phép hoạt động có thể tiến hành kiểm tra thực tế việc khắc phục, sửa chữa của cơ sở đề nghị trong trường hợp cần thiết hoặc thực hiện việc cấp giấy phép hoạt động. Trường hợp không cấp giấy phép hoạt động phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Trường hợp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ:

a) Cơ quan cấp giấy phép hoạt động phải có văn bản gửi cơ sở đề nghị, trong đó phải nêu cụ thể các tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ.

b) Sau khi sửa đổi, bổ sung hồ sơ, cơ sở đề nghị gửi văn bản thông báo và tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung.

c) Sau khi nhận hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp giấy phép hoạt động có trách nhiệm thực hiện trình tự theo quy định:

- Tại khoản 3 Điều này đối với trường hợp không còn có yêu cầu sửa đổi, bổ sung;

- Tại điểm a, b khoản này đối với trường hợp cơ sở đã sửa đổi, bổ sung nhưng chưa đáp ứng yêu cầu.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy phép hoạt động, cơ quan cấp giấy phép hoạt động công bố trên cổng thông tin điện tử của mình và trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh các thông tin sau: tên, địa chỉ cơ sở được cấp giấy phép hoạt động; họ, tên và số giấy phép hành nghề người chịu trách nhiệm

chuyên môn kỹ thuật; số giấy phép hoạt động; phạm vi hoạt động chuyên môn và thời gian hoạt động chuyên môn.

6. Giấy phép hoạt động được lập thành 02 bản theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản cấp cho cơ sở đề nghị và 01 bản lưu tại cơ quan cấp giấy phép hoạt động trừ trường hợp đã trả kết quả trên môi trường điện tử.

7. Trường hợp cơ sở được cấp giấy phép hoạt động theo hình thức tổ chức là bệnh viện thì khi cấp giấy phép hoạt động, cơ quan cấp giấy phép hoạt động ban hành văn bản tạm xếp bệnh viện đó vào cấp cơ bản. Thời gian tạm xếp cấp là 02 năm kể từ ngày ghi trên văn bản tạm xếp cấp. Trong thời gian 60 ngày trước khi hết thời hạn tạm xếp cấp, bệnh viện phải nộp hồ sơ để thực hiện thủ tục xếp cấp chuyên môn kỹ thuật theo quy định tại Điều 90 Nghị định này.

Nghị quyết số 21/2026/NQ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 29/4/2026 đến ngày 01/01/2028, trừ trường hợp quy định tại (*) và (**) nêu trên.

CẮT GIẢM, PHÂN CẤP, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA ĐIỀU KIỆN KINH DOANH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG AN

Chính phủ ban hành Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.

Nghị quyết này quy định việc cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

Việc cắt giảm, phân cấp phải bảo đảm tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân

Việc cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh phải bảo đảm tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng; thúc đẩy đổi mới, sáng tạo.

Tiếp tục đổi mới toàn diện, nâng cao hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông; bảo đảm công khai, minh bạch, tối ưu hóa quy trình, thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính; nâng cao năng suất lao động, hiệu lực, hiệu quả quản lý, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản trị hành chính.

Việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính phải gắn với cơ chế hậu kiểm, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa nhiều thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh

Về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới, xe máy chuyên dùng, Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP phân cấp thẩm quyền giải quyết 3 thủ tục từ cấp Trung ương cho Công an cấp tỉnh, gồm: Thủ tục cấp phép hoạt động, thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động và thủ tục thu hồi giấy phép hoạt động đối với phương tiện giao thông thông minh quy định tại Điều 25 Nghị định số 151/2024/NĐ-CP.

Đồng thời, Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP cũng cắt giảm nhiều **thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực cấp, quản lý căn cước** như: Bãi bỏ thủ tục thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN, về giọng nói vào Cơ sở dữ liệu về căn cước thực hiện tại cấp bộ, cấp tỉnh quy định tại Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP; bãi bỏ thủ tục tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước thực hiện tại cấp bộ, cấp tỉnh quy định tại Điều 20 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP. Đồng thời, bãi bỏ 4 thủ tục hành chính cấp tỉnh.

Đối với **lĩnh vực định danh và xác thực điện tử**, Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP bãi bỏ 4 thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh gồm: Bãi bỏ thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 01, mức độ 2 cho người nước ngoài thực hiện tại cấp Bộ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 Nghị định số 69/2024/NĐ-CP; bãi bỏ thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02, căn cước điện tử cho công dân Việt Nam thực hiện tại cấp Bộ, cấp tỉnh quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 69/2024/NĐ-CP; bãi bỏ thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử cho cơ quan, tổ chức thực hiện tại cấp Bộ, cấp tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 69/2024/NĐ-CP

Nhằm cắt giảm thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc **lĩnh vực quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự**, Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP bãi bỏ thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự thực hiện tại cấp Bộ, cấp tỉnh, cấp xã quy định tại Điều 21 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP.

Trong **lĩnh vực đăng ký quản lý con dấu**, Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP bãi bỏ 3 thủ tục hành chính tại cấp bộ và cấp tỉnh; phân cấp từ công an cấp tỉnh xuống công an cấp xã đối với 2 thủ tục (đăng ký mẫu con dấu mới; đăng ký lại mẫu con dấu).

Về **lĩnh vực quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo**, Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP phân cấp giải quyết thủ tục hành chính từ cấp bộ về cấp tỉnh và đơn giản hóa đối với 7 thủ tục.

Đồng thời, Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP cũng cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa 11 thủ tục hành chính thuộc **lĩnh vực đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng**.

Trong **lĩnh vực sát hạch, cấp giấy phép lái xe**, Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP bãi bỏ 1 thủ tục hành chính thực hiện tại cấp bộ và phân cấp 3 thủ tục hành chính tại cấp bộ.

Bên cạnh đó, Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP cắt giảm, đơn giản hóa 6 thủ tục hành chính **lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ**.

Đồng thời, bãi bỏ 4 thủ tục hành chính cấp bộ thuộc **lĩnh vực quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa**.

Bộ Công an có trách nhiệm chủ trì soạn thảo, trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung 10 Nghị định để cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, bảo đảm có hiệu lực trước ngày 1/3/2027.

Đồng thời, Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm chủ động xây dựng, ban hành Thông tư để cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh,

bảo đảm có hiệu lực trước ngày 1/3/2027; công bố, công khai thủ tục hành chính theo thẩm quyền và quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.

Nghị quyết 22/2026/NQ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 29/4/2026 đến hết ngày 1/3/2027.

CẮT GIẢM, PHÂN CẤP, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ CẮT GIẢM ĐIỀU KIỆN KINH DOANH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Chính phủ vừa ban hành Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nghị quyết này quy định việc cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh trong các văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bảo đảm không làm suy giảm điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, an toàn người học

Nghị quyết nêu rõ, việc cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh phải bảo đảm tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng; thúc đẩy đổi mới, sáng tạo; tăng tính chủ động của chính quyền địa phương; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản trị hành chính; bảo đảm không làm suy giảm điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, an toàn người học.

Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Theo Nghị quyết, cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

1. Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh đối với hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.
2. Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh đối với hoạt động của cơ sở giáo dục phổ thông theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.
3. Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh đối với hoạt động của cơ sở giáo dục đại học theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này.
4. Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh đối với hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài, văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam, phân hiệu của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết này.

5. Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh đối với hoạt động của cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục khác theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị quyết này.

6. Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh đối với dịch vụ tư vấn du học theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị quyết này.

7. Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh đối với hoạt động giáo dục nghề nghiệp quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Nghị quyết 23/2026/NQ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 29/4/2026 đến ngày 01/3/2027.

CẮT GIẢM, PHÂN CẤP, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, ĐIỀU KIỆN KINH DOANH LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG, NỘI VỤ, TÀI CHÍNH, XÂY DỰNG, NGOẠI GIAO, TƯ PHÁP, NGÂN HÀNG

Ngày 29/4/2026, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

Nghị quyết này quy định việc cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Việc cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh phải bảo đảm tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng; thúc đẩy đổi mới, sáng tạo; tăng tính chủ động của chính quyền địa phương; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Tiếp tục đổi mới toàn diện, nâng cao hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông; bảo đảm công khai, minh bạch, tối ưu hóa quy trình, thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính; nâng cao năng suất lao động, hiệu lực, hiệu quả quản lý, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản trị hành chính.

Nghị quyết 24/2026/NQ-CP cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của 7 Bộ, ngành:

1. Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của **Bộ Quốc phòng** theo quy định tại Phụ lục I.1 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của **Bộ Nội vụ** theo quy định tại Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của **Bộ Tài chính** theo quy định tại Phụ lục I.3 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của **Bộ Xây dựng** theo quy định tại Phụ lục I.4 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

5. Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của **Bộ Ngoại giao** theo quy định tại Phụ lục I.5 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

6. Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của **Bộ Tư pháp** theo quy định tại Phụ lục I.6 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

7. Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của **Ngân hàng Nhà nước Việt Nam** theo quy định tại Phụ lục I.7 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có trách nhiệm trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật để cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến sản xuất, kinh doanh, bảo đảm có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027.

Các nội dung phương án cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi sửa đổi, bổ sung tại Thông tư, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chủ động xây dựng, ban hành Thông tư để tổ chức thực thi theo đúng thẩm quyền.

Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 29/4/2026 đến trước ngày 01/3/2027.

Trường hợp nghị định, nghị quyết của Chính phủ; quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh liên quan đến quy định tại Nghị quyết này được thông qua hoặc ban hành sau thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực và thời điểm có hiệu lực trong khoảng thời gian từ ngày 29/4/2026 đến trước ngày 01/3/2027 thì các quy định tương ứng trong Nghị quyết này hết hiệu lực kể từ thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

Trong thời gian quy định của Nghị quyết này có hiệu lực, nếu quy định về thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trong Nghị quyết này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì thực hiện theo quy định của Nghị quyết này.

Nguồn: baohinhphu.vn

TỪ NĂM 2026, TỔ CHỨC KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ MIỄN PHÍ CHO NGƯỜI DÂN

Phó Thủ tướng Phạm Thị Thanh Trà vừa ký ban hành Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 6/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân.

Chỉ thị nêu: Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đặt ra yêu cầu phải thay đổi mạnh mẽ trong nhận thức và hành động đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách từ thực tiễn. Trong đó, chuyển mạnh từ tư duy tập trung vào khám bệnh, chữa bệnh sang chủ động phòng bệnh; chú trọng bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe toàn diện, liên tục theo vòng đời. Nghị quyết đặt ra mục tiêu chiến lược: “Từ năm 2026, người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 01 lần, được lập sổ sức khỏe điện tử để quản lý sức khỏe theo vòng đời, từng bước giảm gánh nặng chi phí y tế”.

Trên cơ sở đó, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15/9/2025 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW; Quốc hội ban hành Nghị quyết số 261/2025/QH15 ngày 11/12/2025 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá cho công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Thời gian qua, Bộ Y tế, Bộ Công an và một số tỉnh, thành phố như Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Tuyên Quang... đã chủ động xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực, tổ chức thực hiện khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân, góp phần lan tỏa ý thức bảo vệ sức khỏe và chủ động phòng ngừa bệnh tật, nâng cao sức khỏe người dân.

Hết năm 2026, toàn dân được khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí

Để tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả công tác khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 01 lần cho người dân trên phạm vi toàn quốc, từ năm 2026, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các đồng chí Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tập trung chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

Đề nghị các đồng chí Bí thư tỉnh ủy, thành ủy và yêu cầu các đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố khẩn trương lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí theo Nghị quyết số 72-NQ/TW; xác định rõ đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, lâu dài gắn với các chương trình, kế hoạch, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống của Nhân dân trên địa bàn. Phấn đấu đến hết năm 2026, toàn dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí và được lập Sổ sức khỏe điện tử.

Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị tại địa phương, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị liên quan, các cấp ủy đảng, chính quyền cơ sở trên địa bàn trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

Chỉ đạo tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của người dân, cộng đồng và toàn xã hội về khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc phát hiện sớm bệnh tật, góp phần thay đổi hành vi và hình thành thói quen chủ động đi khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc của người dân.

Củng cố, nâng cao năng lực hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương tiếp tục rà soát, ban hành văn bản hướng dẫn các đơn vị, địa phương trong việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân, bảo đảm hiệu quả, khả thi, đạt được các mục tiêu đề ra.

Hướng dẫn các cơ sở khám, chữa bệnh lập và quản lý Sổ sức khỏe điện tử; bảo đảm kết nối, liên thông dữ liệu, tích hợp trên ứng dụng VNeID; xây dựng, ban hành chuẩn định dạng dữ liệu đầu ra cho khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí để thống nhất, quản lý liên thông, đồng bộ dữ liệu với cơ sở dữ liệu bảo hiểm xã hội; hoàn thành trong tháng 5/2026.

Củng cố, nâng cao năng lực hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng; bảo đảm nguồn nhân lực, thiết bị y tế, thuốc, hóa chất; tổ chức đào tạo, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật cho đội ngũ cán bộ y tế tham gia thực hiện.

Bộ Y tế chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện; tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình, kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị (nếu có) theo định kỳ hàng quý (trước ngày 10 của quý tiếp theo) hoặc khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan chỉ đạo triển khai kết nối, khai thác, sử dụng hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử phục vụ việc lập, cập nhật thông tin quản lý Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID và xác thực thông tin người dân khi tham gia khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí; chỉ đạo bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình thu thập, lưu trữ, kết nối, chia sẻ dữ liệu sức khỏe; chủ động phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật có liên quan.

Khám miễn phí cho học sinh, sinh viên ngay đầu năm học 2026 - 2027

Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương, cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện, phối hợp với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện khám sức khỏe định kỳ miễn phí cho học sinh, sinh viên và học viên theo quy định; hoàn thành trong tháng 6 năm 2026 để tổ chức thực hiện ngay đầu năm học 2026 - 2027.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan; hướng dẫn việc chi trả từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác trong trường hợp cần thiết; chỉ đạo Bảo hiểm xã hội Việt Nam kịp thời tiếp nhận, đồng bộ dữ liệu khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc; bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với Sổ sức khỏe điện tử và các cơ sở dữ liệu có liên quan.

Tổ chức khám lưu động tại vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch và chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp tổ chức triển khai thực hiện khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn theo các nhóm đối tượng, trong đó quan tâm, ưu tiên đối với người có công, người cao tuổi, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người mắc bệnh mạn tính, người sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo... theo hướng dẫn của Bộ Y tế để bảo đảm đạt mục tiêu đề ra.

Chỉ đạo kết hợp khám tại Trạm Y tế cấp xã, cơ sở y tế với tổ chức các đợt khám lưu động tại cộng đồng, khu dân cư, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo; trong đó cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập, y tế cơ sở là lực lượng nòng cốt; đồng thời, huy động cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài công lập có đủ điều kiện tham gia khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc cho người dân theo kế hoạch của địa phương theo quy định.

Bổ trí nguồn lực từ ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác; đồng thời, lồng ghép với các chương trình, dự án phù hợp trên địa bàn bảo đảm sử dụng hiệu quả các nguồn lực để tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân.

Từng bước củng cố, nâng cao năng lực cho Trạm Y tế cấp xã, bảo đảm đủ nhân lực với cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu chức năng, nhiệm vụ; tăng cường số lượng bác sĩ làm việc tại y tế cơ sở, trong đó chú trọng thực hiện hiệu quả cơ chế luân phiên, luân chuyển, điều động cán bộ y tế về làm việc có thời hạn tại các Trạm Y tế cấp xã.

Bảo đảm quyền lợi chăm sóc sức khỏe của người lao động, nhất là tại khu công nghiệp, khu chế xuất

Thủ tướng Chính phủ cũng yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, tổ chức, doanh nghiệp, người sử dụng lao động lập kế hoạch và tổ chức thực hiện khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người lao động hằng năm theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

Đề nghị Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chỉ đạo các cấp công đoàn phối hợp với người sử dụng lao động tuyên truyền, vận động đoàn viên, người lao động tham gia khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện khám sức khỏe, khám bệnh nghề nghiệp; kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý nghiêm các vi phạm, bảo đảm quyền lợi chăm sóc sức khỏe của người lao động, nhất là người lao động tại khu công nghiệp, khu chế xuất và các nhóm người lao động có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp cao.

Nguồn: baohinhphu.vn

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

Phó Thủ tướng Nguyễn Văn Thắng ký Quyết định số 767/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân.

Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 được Quốc hội Khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10 ngày 10/12/2025, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026, trừ các quy định liên quan đến thu nhập từ kinh doanh, từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2026. Để triển khai thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân kịp thời, thống nhất và hiệu quả, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch triển khai Luật Thuế thu nhập cá nhân.

Bảo đảm triển khai Luật kịp thời, thống nhất và hiệu quả

Mục đích của Kế hoạch nhằm xác định cụ thể, đầy đủ, toàn diện các công việc, nhiệm vụ và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan trong việc triển khai thi hành Luật, bảo đảm kịp thời, thống nhất và hiệu quả, tránh lãng phí nguồn lực.

Phân công nhiệm vụ cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp trong việc thực hiện các hoạt động triển khai thi hành Luật theo quan điểm “06 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả”.

Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của bộ, ngành và địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thi hành Luật, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động, góp phần đưa các điểm mới, tinh thần và mục tiêu của Luật sớm đi vào cuộc sống, phát huy hiệu quả trong thực tiễn.

6 nội dung triển khai

Kế hoạch đưa ra 6 nội dung để các bộ ngành, địa phương liên quan triển khai gồm:

1- Xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân.

2- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật Thuế thu nhập cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước được phân công; thực hiện theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Thuế thu nhập cá nhân và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành có liên quan.

3- Tổ chức quán triệt, truyền thông, phổ biến Luật và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

4- Phổ biến, giáo dục về nội dung của Luật thực hiện theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật; pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật, rà soát, hệ thống

hóa văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các quy định khác của Chính phủ.

5- Kiểm tra, giám sát, đôn đốc, theo dõi việc thi hành Luật.

6- Biên soạn tài liệu, hướng dẫn áp dụng, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tiếp nhận và xử lý kiến nghị (nếu có).

Nguồn: baочinhphu.vn

QUY CHẾ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Phó Thủ tướng Lê Tiến Châu ký Quyết định số 20/2026/QĐ-TTg ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống thông tin quản lý chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Quy chế này quy định việc quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống thông tin quản lý chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi là Hệ thống).

Hệ thống là nền tảng số quản lý thống nhất, toàn bộ hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), bao gồm việc xây dựng, triển khai Định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội, Chương trình lập pháp hằng năm, thực hiện quy trình và kết quả xây dựng từng văn bản quy phạm pháp luật.

Chức năng của Hệ thống

Theo Quy chế, hệ thống thông tin quản lý chương trình xây dựng VBQPPL có chức năng số hóa toàn bộ quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Theo dõi, đánh giá tiến độ, chất lượng thực hiện các nhiệm vụ trong quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Lưu trữ, chia sẻ, khai thác thông tin, hồ sơ chính sách, hồ sơ dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi là hồ sơ dự án) của từng giai đoạn trong quy trình xây dựng VBQPPL.

Tổng hợp, báo cáo về tình hình, kết quả xây dựng VBQPPL trong phạm vi Hệ thống.

Nguyên tắc quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống

Hệ thống được quản lý và vận hành tập trung, thống nhất nhằm phục vụ công tác theo dõi, quản lý, báo cáo, thống kê về tình hình xây dựng VBQPPL.

Việc quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống phải tuân thủ quy định của Quy chế này, quy định pháp luật về an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Thông tin về hồ sơ dự án trên Hệ thống phải được thực hiện cập nhật kịp thời, đúng tiến độ thực hiện nhiệm vụ theo quy trình xây dựng, ban hành VBQPPL.

Cơ quan, đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm về tính kịp thời, đầy đủ, chính xác của thông tin, tài liệu, hồ sơ dự án do mình đăng tải trên Hệ thống.

Việc đăng tải, quản lý, khai thác thông tin, hồ sơ dự án trên Hệ thống phải tuân thủ quy định của pháp luật về an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước và pháp luật có liên quan; không đăng tải thông tin, các tài liệu của hồ sơ dự án thuộc phạm vi bí mật nhà nước, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Yêu cầu đối với thông tin, hồ sơ, tài liệu trên Hệ thống

Thông tin, tài liệu, hồ sơ dự án được cập nhật trên Hệ thống phải bảo đảm đầy đủ, rõ ràng, chính xác và thống nhất với các thông tin, tài liệu, hồ sơ dự án theo quy định của pháp luật về ban hành VBQPPL; đúng tình trạng xử lý của tài liệu, hồ sơ dự án trong từng giai đoạn của quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Tài liệu, hồ sơ dự án được cập nhật trên Hệ thống phải bảo đảm định dạng kỹ thuật, khả năng khai thác, sử dụng và kết nối, chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu của Hệ thống và đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a- Tài liệu, hồ sơ dự án đăng tải trên Hệ thống phải là bản quét (scan) hoặc bản chụp từ bản giấy đã được ký, đóng dấu theo quy định; bản có chữ ký số đối với tài liệu, hồ sơ dự án là văn bản điện tử.

b- Tài liệu khác không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a nêu trên, cơ quan, đơn vị, cá nhân đăng tải chịu trách nhiệm đối với nội dung tài liệu.

Nguồn: baochinhpvu.vn

NHÂN SỰ MỚI CỦA TRUNG ƯƠNG, CÁC BỘ, NGÀNH, VÀ ĐỊA PHƯƠNG

* Quyết định của Ban Bí thư Trung ương Đảng

- Chỉ định Đại tá Phan Thắng, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Trị tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị nhiệm kỳ 2025 - 2030; Chỉ định Đại tá Trương Viết Hải, Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Trị tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Chỉ định ông Phùng Mạnh Hùng, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên và Đại tá Vương Đình Hòa, Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Điện Biên tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Điện Biên, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

* Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

- Quyết định số 798/QĐ-TTg ngày 05/5/2026 về kiện toàn Ban Chỉ đạo về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công.

Theo Quyết định, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà làm Trưởng ban Chỉ đạo. 02 Phó Trưởng ban Chỉ đạo là Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Phó Trưởng ban thường trực; Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Các ủy viên gồm: Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; Bộ trưởng Bộ Công an; Bộ trưởng Bộ Tư pháp; Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ trưởng Bộ Y tế; Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Chủ tịch Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam; 01 Phó Trưởng ban Ban Tổ chức Trung ương; 01 Phó Chánh Văn phòng Trung ương; 01 Phó Trưởng ban Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương; 01 Phó Trưởng ban Ban Chính sách, chiến lược Trung ương; 01 Thứ trưởng Bộ Nội vụ; 01 Thứ trưởng Bộ Tài chính; 01 Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; 01 Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; 01 Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; 01 Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; 01 Phó Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội; 01 Phó Chủ nhiệm Ủy Ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội; 01 Phó Chủ nhiệm Ủy Ban Công tác Đại biểu của Quốc hội.

- Quyết định số 769/QĐ-TTg ngày 29/4/2026 thành lập Tổ Công tác của Chính phủ về phát triển công nghệ chiến lược

Theo Quyết định, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng làm Tổ trưởng tổ Công tác. Tổ phó Tổ Công tác là Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Vũ Hải Quân.

Các thành viên Tổ Công tác gồm: Bộ trưởng Bộ Tài chính Ngô Văn Tuấn; Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hoàng Thanh Tùng; Bộ trưởng Bộ Công Thương Lê Mạnh Hùng; Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Trịnh Việt Hùng; Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Hoàng Minh Sơn; Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trần Hồng Minh; Bộ trưởng Bộ Y tế Đào Hồng Lan; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Thượng tướng Nguyễn Văn Hiến; Thứ trưởng Bộ Công an Trung

tướng Đặng Hồng Đức; Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Minh Hằng; Cục trưởng Cục Chuyên đổi số - Cơ yếu, Văn phòng Trung ương Đảng Ngô Hải Phan.

*** Tỉnh Sơn La**

- Điều động ông Nguyễn Xuân Hoàng, Phó Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Sơn La đến nhận công tác tại Sở Công Thương và bổ nhiệm giữ chức Phó Giám đốc Sở Công Thương.

- Điều động, bổ nhiệm ông Trà Quyết Thắng, Phó Trưởng Ban, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La đến nhận công tác tại Sở Dân tộc và Tôn giáo, bổ nhiệm giữ chức Phó Giám đốc sở.

- Điều động, bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Mạnh, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đến nhận công tác tại Sở Ngoại vụ, giữ chức Phó Giám đốc Sở Ngoại vụ.

- Điều động, bổ nhiệm ông Đỗ Thế Hương, Bí thư Đảng ủy xã Yên Sơn (Sơn La) đến nhận công tác tại Sở Tài chính tỉnh Sơn La, giữ chức Phó Giám đốc sở.

*** Tỉnh Lai Châu**

Bổ nhiệm ông Ngô Xuân Hùng, Quyền Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, giữ chức Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lai Châu.

*** Tỉnh Quảng Ninh**

- Bổ nhiệm ông Bùi Mạnh Hùng, Phó Giám đốc Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh giữ chức vụ Giám đốc Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh.

- Tiếp nhận và bổ nhiệm ông Nguyễn Phúc Vinh, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường Móng Cái 3 giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh; bổ nhiệm ông Đặng Hoàng Thông, nguyên Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Hạ Long nhiệm kỳ 2020 - 2025, giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Hạ Long.

*** Tỉnh Quảng Trị**

Điều động, phân công bà Thái Thị Hồng Minh, Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị Lê Duẩn tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng bộ và giữ chức Bí thư Đảng ủy xã Cam Lộ nhiệm kỳ 2025 - 2030.

*** Thành phố Hải Phòng**

- Điều động, bổ nhiệm ông Hoàng Văn Thực, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng giữ chức Phó Trưởng Ban Tổ chức Thành ủy Hải Phòng.

- Ông Nguyễn Hoàng Long, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố được giao quyền Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

*** Thành phố Đà Nẵng**

- Ông Nguyễn Mạnh Hùng, Phó Bí thư Thành ủy Đà Nẵng được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Nguồn: Tổng hợp từ baohinhphu.vn và vov.vn